

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
  - Mã chứng khoán: SHP
  - Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại: 028 3820.7795, Fax: 028 3820.7794
  - Email: [thuydienmiennam@shp.vn](mailto:thuydienmiennam@shp.vn)
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn [www.shp.vn](http://www.shp.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Đính kèm:  
Báo cáo thường niên năm 2024.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Nguyễn Thành Tú Anh

**Công ty Cổ  
phần Thủy  
Điện Miền  
Nam**

Digitally signed by Công ty Cổ phần  
Thủy Điện Miền Nam  
DN:  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=  
MST:0303416670, CN=Công ty Cổ  
phần Thủy Điện Miền Nam, S=Hồ  
Chí Minh, C=VN  
Reason: Báo cáo thường niên năm  
2024  
Location:  
Date: 2025.03.31 15:43:59+07'00'  
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

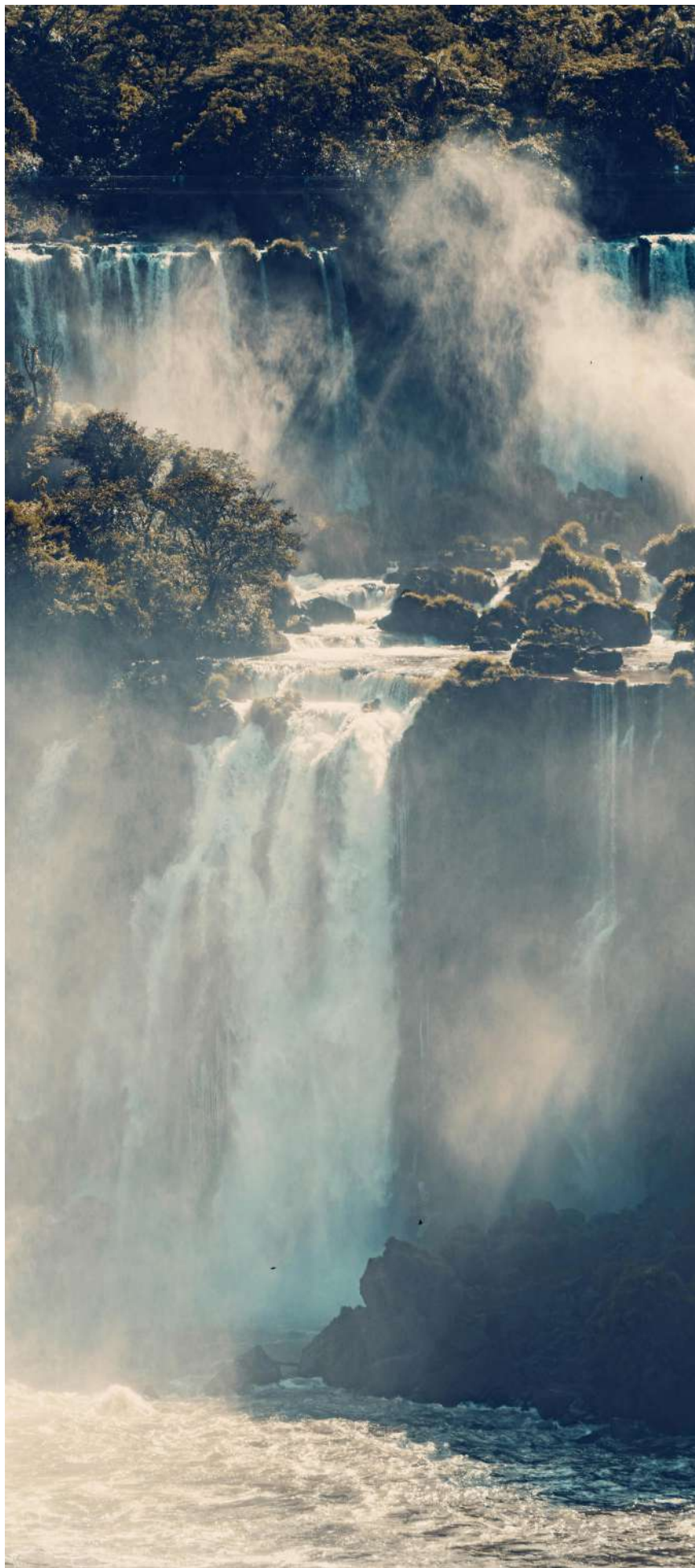


# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**







# MỤC LỤC



## THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
6. Báo cáo liên quan về tác động của môi trường và xã hội

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm và môi trường và xã hội

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2024

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính kiểm toán

# I THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro





# 01 THÔNG TIN KHÁI QUÁT



|                      |                                                                                                                                       |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên Công ty:         | CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM                                                                                                    |
| Tên tiếng Anh:       | SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY                                                                                               |
| Tên viết tắt:        | SHP JSC                                                                                                                               |
| Mã cổ phiếu:         | SHP                                                                                                                                   |
| Vốn điều lệ:         | 1.012.063.520.000 đồng                                                                                                                |
| Trụ sở chính         | P.106 Lầu 1, Tòa nhà Citilight Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh                                         |
| Giấy chứng nhận ĐKDN | Số 0303416670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07/05/2024 |
| Điện thoại           | (028) 3820 7795                                                                                                                       |
| Fax                  | (028) 3820 7794                                                                                                                       |
| Email                | thuydienmiennam@shp.vn                                                                                                                |
| Website:             | www.shp.vn                                                                                                                            |



## 02 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303416670, chính thức đi vào hoạt động với mức vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng.

**2004**

**2006**

Công ty thông qua kế hoạch đầu tư dự án Thủy điện Đa M'bri. Đồng thời, công ty đã tăng vốn điều lệ lên 687.000.000.000 đồng.

Công ty đã chuyển đổi trụ sở chính đặt tại địa chỉ: Số 93B Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2008**

**2009**

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 937.102.000.000 đồng để phục vụ cho việc đầu tư vào dự án Thủy điện Đa M'bri.

Tháng 01/2010: Nhà máy Đa Siat công suất 13,5 MW đi vào vận hành phát điện. Tháng 09/2010, Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán SHP. Tháng 10/2010: Nhà máy Đa Dâng 2 công suất 34 MW đi vào vận hành phát điện.

**2010**

Công ty đã hoàn tất phát hành ra công chứng nhằm tăng vốn điều lệ 937.102.000.000 đồng.

**2012**

**2014**

Nhà máy Đa M'bri công suất 75MW đi vào vận hành phát điện. Bên cạnh đó, Nhà máy Đa Dâng 2 được cấp chứng chỉ CERs. Sản lượng phát điện đạt mốc 1 tỷ kWh điện. Cổ phiếu của Công ty chuyển sang niêm yết trên Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà máy Thủy điện Đa M'bri chính thức có tên trong danh sách các nhà máy điện trực tiếp tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.

**2015**

**2017**

Ba nhà máy Đa Siat, Đa Dâng 2, Đa M'bri đạt kỷ lục về sản lượng điện sản xuất được. Tổng sản lượng điện sản xuất cả ba nhà máy đạt 708,36 triệu kWh.

Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 937,102 tỷ đồng lên 1.012,063 tỷ đồng.

**2021**

**2022 - nay**

Ngày 25/02/2022, 7.496.152 cổ phiếu SHP chính thức được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, ngày giao dịch đầu tiên là 15/03/2022. Từ 2022 - Nay, Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm nhẹ ảnh hưởng của thiên tai, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.



03 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

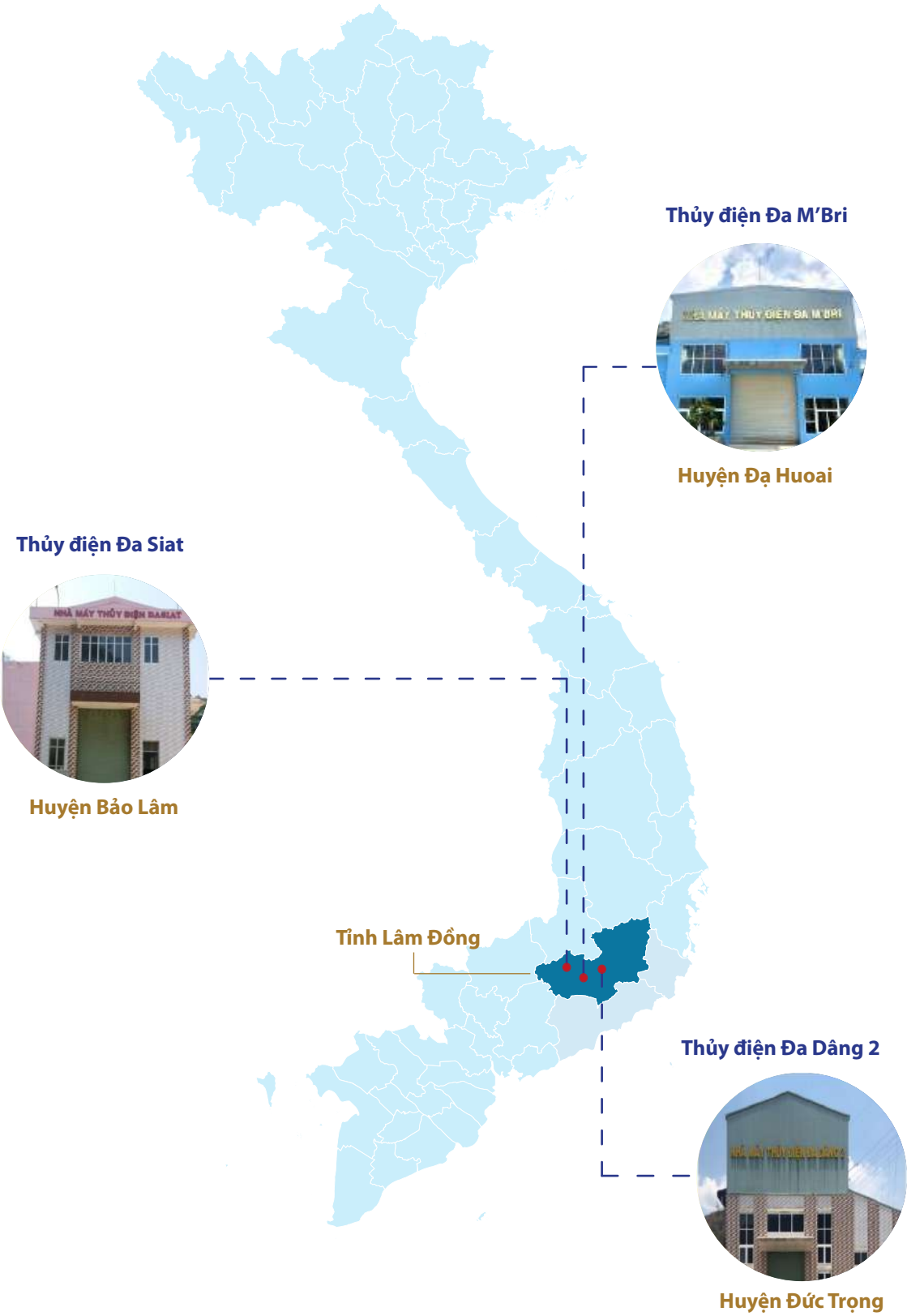
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam đang hoạt động theo các ngành nghề đã đăng ký kinh doanh như sau:

| STT | Tên ngành nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1   | <b>Sản xuất điện</b><br><b>(Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà máy điện. Sản xuất điện (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân))</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>3511 (Chính)</b> |
| 2   | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>(Chi tiết: kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7120                |
| 3   | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3313                |
| 4   | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0810                |
| 5   | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy cơ khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4659                |
| 6   | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Chi tiết: Đào tạo nghề)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8559                |
| 7   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>(Chi tiết: Quản lý dự án. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện lĩnh vực lắp TBCN (phần cơ khí). Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng - công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị điện. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông (cầu, đường bộ). Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi - thủy điện) | 7110                |
| 8   | Sửa chữa máy móc thiết bị<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3312                |
| 9   | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>(trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                     | 3320                |
| 10  | Lắp đặt hệ thống điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321                |
| 11  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                             | 4322                |
| 12  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3311                |
| 13  | Truyền tải và phân phối điện<br>(Chi tiết: Mua bán điện. Sửa chữa, bảo trì, thử nghiệm các nhà máy điện, lưới điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)                                                                                                                                                                                                                  | 3512                |
| 14  | Sửa chữa thiết bị điện<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3314                |

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam đã xây dựng hoàn thiện và đang vận hành 03 nhà máy thủy điện Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M’Bri tại tỉnh Lâm Đồng.





### 03 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam hiện đang vận hành ba nhà máy thủy điện, tất cả đều tọa lạc tại thượng nguồn sông Đồng Nai, thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Nhờ vị trí địa lý này, các nhà máy chịu ảnh hưởng trực tiếp của khí hậu nhiệt đới gió mùa, với sự phân hóa rõ rệt giữa hai mùa: mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Khu vực này có lượng mưa dồi dào, ổn định, góp phần duy trì nguồn nước lớn từ các dòng sông và suối thượng nguồn, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất điện của Công ty.

#### CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐA M’BRI

|                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vị trí địa lý           | <ul style="list-style-type: none"><li>Công trình Thủy điện Đa M’Bri được xây dựng trên dòng sông Đa M’Bri, là một nhánh chính trên bờ trái của sông Đồng Nai.</li><li>Công trình được xây dựng tại Xã Lộc Tân - Huyện Bảo Lâm, Xã Phước Lộc - Huyện Đa Huoai và Xã Triệu Hải - Huyện Đa Tềh, Tỉnh Lâm Đồng.</li></ul>                                                                                                                                                                                                         |
| Thông tin về công trình | <ul style="list-style-type: none"><li>Công trình Thủy điện Đa M’Bri bao gồm hệ thống đường hầm áp lực có đường kính khoảng 4m, với tổng chiều dài lên tới 8,3 km.</li><li>Trong ba dự án thủy điện do Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đầu tư, Thủy điện Đa M’bri có công suất lớn nhất, với tổng mức đầu tư lên đến 2.412 tỷ đồng.</li><li>Ngoài ra, nhà máy được đấu nối vào lưới điện quốc gia thông qua đường dây mạch kép 110kV dài 12km, với công suất 75 MW và sản lượng điện đạt 338,2 triệu kWh mỗi năm.</li></ul> |



#### CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐA DÂNG 2

|                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vị trí địa lý           | <ul style="list-style-type: none"><li>Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 được xây dựng trên sông Đa Dâng, là nhánh chính ở thượng nguồn bờ phải sông Đồng Nai.</li><li>Công trình được xây dựng tại Xã Tân Văn, Huyện Lâm Hà và Xã Tân Thành, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, cách thành phố Đà Lạt 40km.</li></ul>                                                                                                              |
| Thông tin về công trình | <ul style="list-style-type: none"><li>Năm bắt đầu xây dựng: 2008.</li><li>Công suất lắp đặt: 34 MW với 2 tổ máy (17 MW mỗi tổ).</li><li>Tổng mức đầu tư: 498 tỷ đồng.</li><li>Sản lượng cung cấp: trung bình 152,11 triệu kWh điện mỗi năm.</li><li>Nhà máy được kết nối bán điện qua đường dây 110kV mạch kép dài 7,7 km. Sau hơn 14 năm vận hành, sản lượng điện thực tế luôn vượt chỉ tiêu thiết kế ban đầu.</li></ul> |

#### CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐA SIAT

|                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vị trí địa lý           | <ul style="list-style-type: none"><li>Nhà máy Thủy điện Đa Siat được xây dựng trên suối Đa Siat, một nhánh nhỏ bên trái của sông Đồng Nai. Suối Đa Siat đổ vào sông Đồng Nai tại hạ lưu công trình Thủy điện Đồng Nai 5.</li><li>Công trình được xây dựng tại Xã Lộc Bảo, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, cách Thành phố Bảo Lộc 70km.</li></ul>                                                                                                                                         |
| Thông tin về công trình | <ul style="list-style-type: none"><li>Năm khởi công xây dựng: 06/2005.</li><li>Công suất lắp đặt: 13,5 MW với 2 tổ máy (6,75 MW mỗi tổ).</li><li>Tổng mức đầu tư: 339 tỷ đồng.</li><li>Sản lượng cung cấp: trung bình 60 triệu kWh điện mỗi năm.</li><li>Nhà máy được kết nối bán điện qua đường dây 22kV 2 mạch dài 22km, nối trực tiếp với thanh cái 22kV tại trạm 110/22kV Đăk Nông. Sau hơn 15 năm vận hành, sản lượng điện thực tế luôn vượt chỉ tiêu thiết kế ban đầu.</li></ul> |

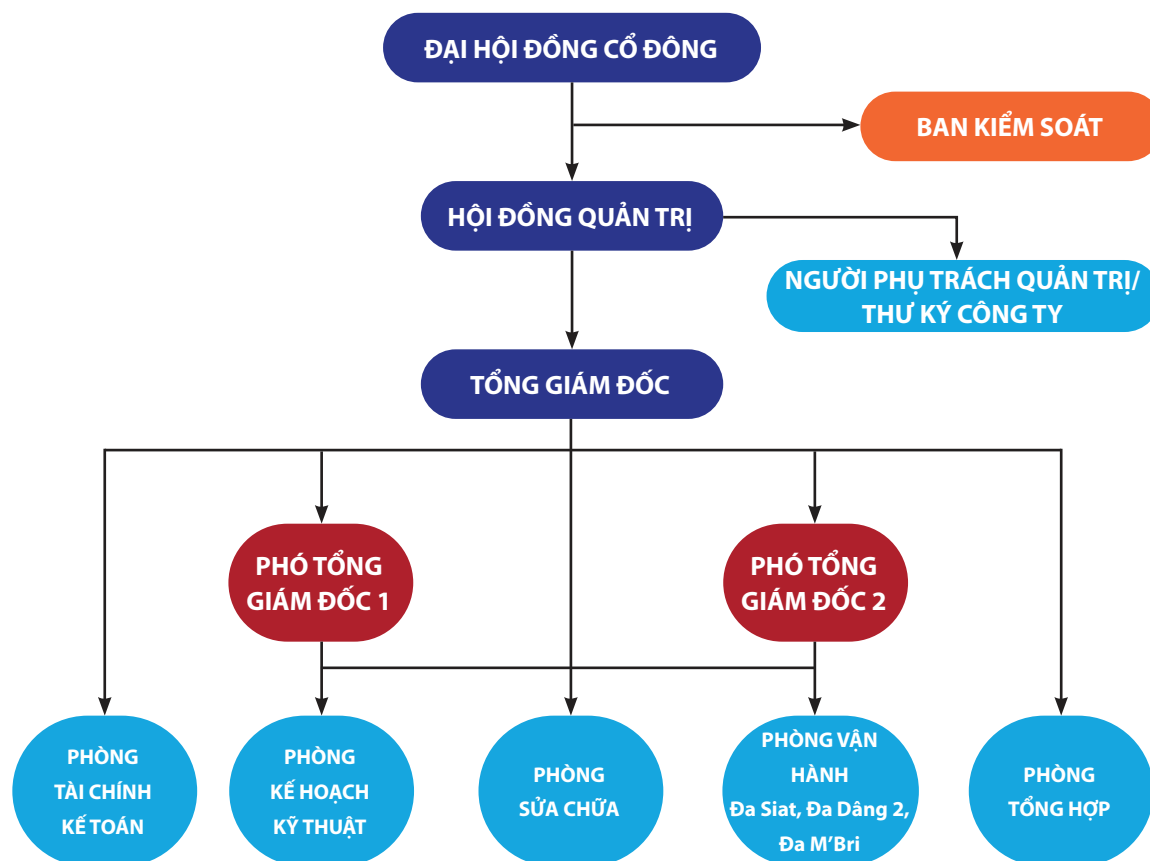




## 04 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH, BỘ MÁY QUẢN LÝ

### CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam có cơ cấu tổ chức gồm 01 Trụ sở chính đặt tại TP. Hồ Chí Minh, 03 Nhà máy Thủy điện Đa Siat, Đa Dâng 2, và Đa M'brì được xây dựng tại Lâm Đồng.
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.



NĂNG LƯỢNG  
CỦA  
TRÁCH NHIỆM

### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.
- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc: là cơ quan điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- Ban Kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.

**CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT** Không có



## 05 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Đảm bảo việc quản lý và vận hành hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các nhà máy Đa M'بری, Đa Siat và Đa Dâng 2.
- Tăng cường công tác nghiên cứu, đầu tư cho khoa học, công nghệ, nhân lực chất lượng cao nhằm tạo ra nguồn năng lượng ngày càng hiệu quả và an toàn hơn.
- Không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trung và dài hạn nhằm đảm bảo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao.

### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

- Trong chiến lược phát triển bền vững, Công ty đặt ra mục tiêu không chỉ tập trung vào việc duy trì và phát triển môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp” mà còn nhấn mạnh việc nâng cao ý thức môi trường trong mỗi cán bộ, nhân viên. Cụ thể, công ty sẽ triển khai các chiến dịch tuyên truyền sâu rộng về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, từ đó khuyến khích mỗi cá nhân tham gia vào việc giữ gìn và cải thiện môi trường làm việc và sống xung quanh.
- Đối với các biện pháp bảo vệ môi trường, Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc, từ việc thu gom, tái chế rác thải, đến việc trồng mới và bảo vệ rừng. Đồng thời, Công ty cũng thiết lập một hệ thống giám sát chất lượng môi trường để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hướng dẫn của địa phương mà các nhà máy thủy điện đang hoạt động.
- Ngoài ra, việc kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế công ty liên quan đến môi trường được thực hiện định kỳ, nhằm tạo ra một môi trường làm việc và sản xuất thân thiện với môi trường, đồng thời phản ánh rõ nét cam kết của Công ty đối với sự phát triển bền vững.
- Cuối cùng là trách nhiệm với cộng đồng, qua việc hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là những người dân tại các vùng sâu, vùng xa và dân tộc thiểu số. Các chương trình hỗ trợ không chỉ giúp cải thiện cuộc sống cho những người trong cộng đồng mà còn góp phần nâng cao tinh thần và ý thức trách nhiệm xã hội cho cán bộ, nhân viên công ty. Bằng cách này, CTCP Thủy điện Miền Nam không chỉ phấn đấu vì lợi ích kinh doanh mà còn hướng đến một tương lai bền vững cho môi trường và xã hội.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị chuyên đầu tư, kinh doanh năng lượng tái tạo, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giảm nhẹ ảnh hưởng của thiên tai, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- Đưa ra chiến lược phù hợp để nâng cao vị thế trên thị trường bán buôn điện, đảm bảo cung cấp điện ổn định, đầy đủ với mức giá cạnh tranh trên thị trường.
- Công ty sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để đổi mới, cải tiến trong mọi lĩnh vực hoạt động, đặc biệt về quy trình quản lý và vận hành nhằm nâng cao hiệu quả phát điện, độ an toàn, tin cậy. Duy trì sản lượng điện theo kế hoạch, giảm thiểu tối đa các chi phí sản xuất, gia tăng lợi nhuận





## 06 CÁC RỦI RO

### ➤ RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn, ảnh hưởng trực tiếp đến các ngành công nghiệp, trong đó có thị trường điện nói chung và ngành thủy điện nói riêng. Sự suy giảm tăng trưởng kinh tế ở các nền kinh tế lớn như Mỹ, châu Âu và Trung Quốc tiếp tục ảnh hưởng đến xuất khẩu và đầu tư tại Việt Nam. Sự sụt giảm trong nhu cầu tiêu dùng toàn cầu kéo theo sự suy yếu trong sản xuất công nghiệp, gây ảnh hưởng đến mức tiêu thụ điện trong nước. Các ngân hàng trung ương trên thế giới, đặc biệt là Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), tiếp tục duy trì chính sách lãi suất cao để kiểm soát lạm phát. Điều này gây áp lực lên tỷ giá hối đoái, làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu và thiết bị, ảnh hưởng trực tiếp đến các dự án phát triển điện tại Việt Nam. Xung đột tại các khu vực quan trọng như châu Âu và Trung Đông tiếp tục gây ra biến động giá dầu, khí đốt, than và nguyên liệu sản xuất điện. Điều này tạo ra rủi ro lớn đối với các quốc gia phụ thuộc nhiều vào năng lượng nhập khẩu, trong đó có Việt Nam. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê (GSO), tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 ước đạt 7,09%, vượt mục tiêu 6,5%-7% do Quốc hội đặt ra. Quy mô nền kinh tế đạt khoảng 476,3 tỷ USD, đứng thứ 33 thế giới, với thu nhập bình quân đầu người đạt 4.700 USD. Mặc dù phải đối mặt với những thách thức như thiên tai và biến động kinh tế toàn cầu, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng ấn tượng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, tiếp tục là điểm sáng trong khu vực. Năm 2024, nhu cầu tiêu thụ điện tại Việt Nam tiếp tục tăng cao do sự phục hồi kinh tế và mở rộng công nghiệp. Tuy nhiên, việc phát triển hạ tầng điện lưới chưa theo

kịp tốc độ tăng trưởng của nhu cầu có thể dẫn đến nguy cơ mất cân bằng cung - cầu điện. Hiện nay, Việt Nam đang tiếp tục triển khai thị trường phát điện cạnh tranh, mở cửa cho nhiều nhà đầu tư tư nhân tham gia. Tuy nhiên, điều này cũng kéo theo áp lực giảm giá bán điện, đặc biệt trong bối cảnh các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió và điện mặt trời được đẩy mạnh, làm thay đổi cơ cấu chi phí sản xuất điện. Thủy điện vẫn là một nguồn năng lượng quan trọng tại Việt Nam, nhưng phụ thuộc lớn vào điều kiện thời tiết. Sự bất thường của lượng mưa do biến đổi khí hậu có thể gây ra rủi ro về sản lượng điện từ thủy điện. Mùa khô kéo dài có thể làm giảm đáng kể lượng nước dự trữ, trong khi mùa mưa cực đoan có thể gây ra lũ lụt, ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng thủy điện. Trong khi thủy điện vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu phát điện, sự phát triển mạnh mẽ của điện mặt trời và điện gió có thể tạo ra sự cạnh tranh về giá bán điện. Việc điều chỉnh chính sách ưu đãi và giá mua điện đối với các nguồn năng lượng tái tạo sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của các doanh nghiệp thủy điện. Tuy nhiên, do chi phí sản xuất thấp (chi phí về nhiên liệu đầu vào), thủy điện tiếp tục được ưu tiên huy động trong cơ cấu nguồn điện của Việt Nam. Dự báo nhu cầu tiêu thụ điện sẽ tiếp tục tăng trong những năm tới, tạo điều kiện cho các nhà máy thủy điện hoạt động hiệu quả hơn khi điều kiện thủy văn thuận lợi. Trước những biến động của nền kinh tế, Công ty không ngừng chủ động xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính phù hợp, đảm bảo sự linh hoạt trong điều hành và thích ứng với mọi kịch bản có thể xảy ra. Đồng thời, Công ty cũng tập trung

nhằm duy trì hoạt động ổn định, nâng cao hiệu quả vận hành và khai thác tối đa các cơ hội tăng trưởng. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, theo dõi sát sao diễn biến thị trường điện cũng như tình hình kinh tế vĩ mô để kịp thời điều chỉnh chiến lược. Việc tìm kiếm, tận dụng các cơ hội kinh doanh tiềm năng được xem là ưu tiên hàng đầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo Công ty luôn đi đúng tiến độ, hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.



### ➤ RỦI RO LÃI SUẤT

Trong lĩnh vực điện, nguồn vốn vay dài hạn luôn là động lực chính để hiện thực hóa các dự án đầu tư về nhà máy thủy điện và thủy lợi. Vì vậy, việc theo dõi sát sao những biến động của lãi suất – đặc biệt là lãi suất cho vay từ các ngân hàng – trở nên vô cùng quan trọng, khi mỗi dao động nhỏ đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sử dụng vốn và từ đó tác động đến lợi nhuận kinh doanh.

Đặc biệt, năm 2024 chứng kiến bước tiến tích cực khi, dưới sự hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), mức lãi suất cho vay trung bình đã giảm gần 1% so với cuối năm 2023, giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho cả doanh nghiệp và người dân. Song song với đó, chính sách tiền tệ linh hoạt của NHNN không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần kiểm soát lạm phát hiệu quả. Trong bối cảnh Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) liên tục hạ lãi suất, NHNN có thêm không gian để duy trì mức lãi suất ổn định ở mức thấp, từ đó kích thích đà phát triển của nền kinh tế.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của bối cảnh tài chính này, ban lãnh đạo SHP đã chủ động xây dựng các chiến lược phù hợp nhằm tối đa hóa lợi nhuận đồng thời đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh. Qua việc không ngừng cập nhật thông tin thị trường, dự báo chính xác các biến động bất thường và giám sát chặt chẽ xu hướng lãi suất trong ngành ngân hàng, Công ty luôn nỗ lực duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong từng hoạt động của mình.

### ➤ RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam hoạt động theo loại hình doanh nghiệp công ty cổ phần, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE). Vì thế, Công ty cần đáp ứng các điều kiện niêm yết; đồng thời mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan.

Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều biến động, Chính phủ luôn hành động kịp thời, cập nhật, bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật để hoàn thiện hơn các chính sách, phù hợp với từng giai đoạn. Đặc biệt, với chủ trương thu hút nhà đầu tư nước ngoài, hướng đến mục tiêu nâng hạng thị trường, các quy định quản trị nhằm minh bạch hóa thông tin được điều chỉnh ngày càng chi tiết, chặt chẽ. Với hơn 20 năm hoạt động trong ngành, SHP luôn theo dõi và cập nhật những quy định mới nhất, có những đánh giá, nhận định phù hợp, và linh hoạt điều chỉnh các kế hoạch để đáp ứng yêu cầu luật định.

Bên cạnh khung pháp lý chung đối với các doanh nghiệp tại thị trường Việt Nam, SHP và các doanh nghiệp khác trong ngành năng lượng còn phải tuân thủ các quy định riêng của ngành, các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Tài nguyên nước, Luật Khí tượng, Luật Điện lực, Luật bảo vệ môi trường và các nghị định thông tư, hướng dẫn có liên quan như tiêu chuẩn về hàm lượng chất thải, khí thải, tập kết phế liệu, ... Để chủ động trước rủi ro pháp luật, SHP luôn theo dõi các biến động kinh tế vĩ mô, đồng thời thuê các đơn vị tư vấn pháp lý chuyên nghiệp hỗ trợ thực hiện các giao dịch phức tạp trong và ngoài nước. Với sự đầu tư trên, SHP luôn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý và giảm thiểu rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động kinh doanh.





## ➡ RỦI RO THỜI TIẾT

Trong năm 2024, tình hình thủy văn có nhiều diễn biến bất lợi, với lượng nước về các hồ thủy điện trên toàn quốc giảm đáng kể. Lưu lượng nước về trong 4 tháng đầu năm chỉ đạt khoảng 60-70% so với trung bình nhiều năm, ảnh hưởng đến khả năng phát điện của các nhà máy thủy điện. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán kéo dài và mưa lớn cục bộ đã gây khó khăn trong việc điều tiết nước và vận hành các hồ chứa, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất điện. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện, thời tiết ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động

của ngành, đặc biệt là lượng nước trong hồ chứa. Mưa lớn giúp tăng sản lượng điện nhưng có thể gây lũ lụt, trong khi hạn hán kéo dài làm giảm công suất phát điện. Biến đổi khí hậu và hiện tượng El Nino, La Nina khiến nguồn nước trở nên khó dự đoán, ảnh hưởng đến tính ổn định của nhà máy. Ngoài ra, thời tiết cực đoan như sạt lở, lũ quét có thể đe dọa an toàn công trình. Do đó, các công ty thủy điện cần tăng cường dự báo khí hậu, quản lý nguồn nước hiệu quả và có phương án dự phòng để đảm bảo hoạt động bền vững. Là một doanh nghiệp

hoạt động lâu năm trong ngành thủy điện, SHP luôn tập trung đầu tư vào bộ phận nghiên cứu thủy văn nhằm nâng cao độ chính xác trong dự báo chu kỳ thủy văn và thời tiết theo mùa, giúp doanh nghiệp chủ động ứng phó với những biến động bất lợi của khí hậu. Bên cạnh đó, SHP cũng xây dựng và triển khai các phương án phòng chống bão lụt một cách bài bản, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hồ đập và toàn bộ hệ thống công trình thủy điện, góp phần duy trì hoạt động sản xuất ổn định và bền vững.



## ➡ RỦI RO ĐỘC QUYỀN

Cũng như các doanh nghiệp ngành điện khác, SHP chịu sự ràng buộc của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO), Tổng Công ty điện lực Miền Trung, Công ty mua bán điện (EPTC) - trực thuộc EVN, là đơn vị duy nhất được phép mua điện từ tất cả các đơn vị phát điện trên thị trường, và bán buôn cho các công ty phân phối điện, nên giá bán điện phụ thuộc vào quyết định của EVN. Do đó, các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều bất cập trong chiến lược đầu tư phát triển. Việc các công ty điện cạnh tranh nhau về giá thành điện để đăng ký mua - bán với EPTC là một thách thức được đặt ra cho Công ty, do còn nhiều khó khăn như trong việc đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện với EVN. Vì vậy, SHP cần giảm thiểu chi phí một cách hợp lý để có thể có giá điện cạnh tranh với các công ty điện năng khác.

## ➡ RỦI RO KHÁC

Bên cạnh rủi ro về đặc thù trên, SHP còn chịu các rủi ro bất khả kháng làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như: hỏa hoạn, thiên tai, sạt lở đất, dịch bệnh, rủi ro về khai thác và quản lý tài sản. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng vẫn có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn. Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn được vận động tích cực, chủ động lập kế hoạch phòng chống, ứng phó dịch bệnh... Về phía Công ty, luôn chủ động phòng ngừa rủi ro bằng cách mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức của nhân viên về đảm bảo an toàn trong lao động nhằm giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## ➡ RỦI RO VẬN HÀNH

Các hồ thủy điện, thủy lợi tại các nhà máy thủy điện giữ vai trò chủ chốt trong việc điều tiết dòng chảy, giảm thiểu hạn hán và hạn chế lũ lụt. Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong các đợt bão lũ, áp lực từ mực nước dâng cao buộc các nhà máy phải xả lũ nhằm giảm sức chứa, bảo vệ hạ tầng. Đặc biệt, với vị trí nằm ở độ cao tương đối, các nhà máy của SHP cần phải cân nhắc kỹ lưỡng cách thức xả lũ sao cho vừa đạt hiệu quả giảm sức chứa, vừa hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường và tránh gây ra ngập lụt, từ đó đòi hỏi Ban Lãnh đạo phải xây dựng các chính sách phân bổ hợp lý. Bên cạnh đó, việc xây dựng các nhà máy thủy điện ban đầu đòi hỏi một nguồn vốn đầu tư rất lớn,

và trong quá trình vận hành, những sự cố hư hỏng có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của công ty. Nhận thức rõ những thách thức này, Ban Lãnh đạo SHP đã triển khai hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả nhằm giảm thiểu tối đa các tổn thất có thể phát sinh. Hiện nay, toàn bộ đập và hồ chứa của Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam đều đã được đăng ký đảm bảo an toàn, đồng thời hoàn thiện báo cáo hiện trạng an toàn đập theo đúng quy định của Cục An toàn Kỹ thuật Môi trường. Công ty cũng duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các đơn vị liên quan để thường xuyên kiểm tra, giám sát, đảm bảo quá trình vận hành diễn ra một cách an toàn và hiệu quả.







# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
6. Báo cáo liên quan về tác động môi trường và xã hội của Công ty





# 01 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Năm 2024, ngoài những biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước, tình hình biến đổi khí hậu cũng diễn ra ngày càng khắc nghiệt. Ảnh hưởng của hiện tượng El Nino trong nửa 6 tháng đầu năm dẫn đến tình hình thủy văn bất lợi, thời tiết khô hạn nên lưu lượng nước trung bình về các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, gây khó khăn trong việc cung cấp điện đến người dân. Cụ thể, tổng sản lượng điện thương phẩm năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam đạt 601,256 triệu KWh, đem về tổng doanh thu thuần phát điện là 627.847 triệu đồng. Kết quả này ghi nhận sự sụt giảm nhẹ so với năm 2023 lần lượt là 7,03% sản lượng và 5,04% doanh thu.

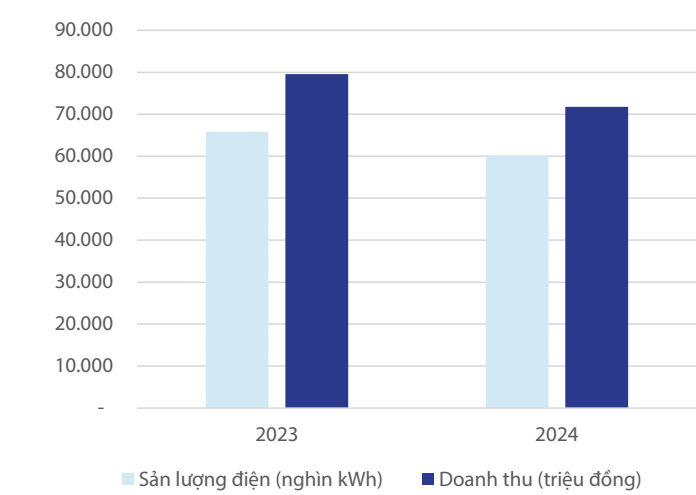
Đvt: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu             | Năm 2023 | Năm 2024 | % (+/-) Năm 2024/<br>Năm 2023 |
|-----|----------------------|----------|----------|-------------------------------|
| 1   | Doanh thu thuần      | 661.183  | 627.847  | (5,04%)                       |
| 2   | Giá vốn hàng bán     | 312.962  | 263.328  | (15,86%)                      |
| 3   | Lợi nhuận gộp        | 348.221  | 364.519  | 4,68%                         |
| 4   | Lợi nhuận trước thuế | 305.976  | 329.012  | 7,53%                         |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế   | 275.281  | 295.931  | 7,50%                         |

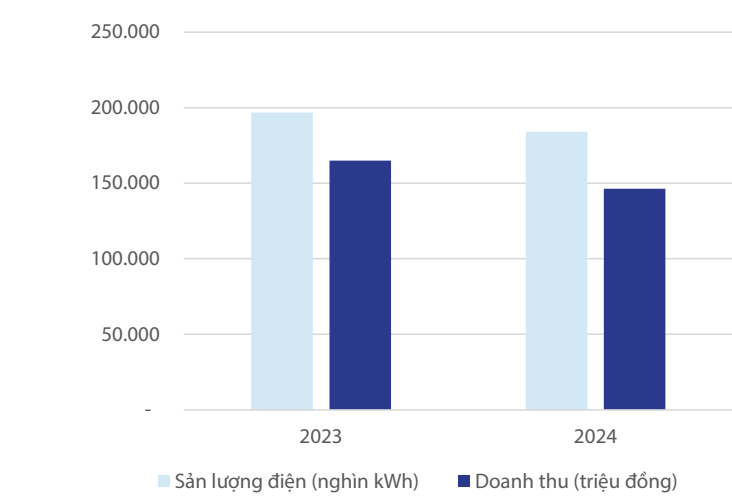
## B. Tình hình cung cấp điện tại các nhà máy

| STT       | Nhà máy   | Năm 2023                 |                           | Năm 2024                 |                           | % (+/-)<br>sản lượng<br>2024/2023 | % (+/-)<br>Doanh thu<br>2024/2023 |
|-----------|-----------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
|           |           | Sản lượng<br>(nghìn kWh) | Doanh thu<br>(triệu đồng) | Sản lượng<br>(nghìn kWh) | Doanh thu<br>(triệu đồng) |                                   |                                   |
| 1         | Đa Siat   | 65.816                   | 79.564                    | 60.104                   | 71.785                    | (8,68%)                           | (9,78%)                           |
| 2         | Đa Dâng 2 | 196.789                  | 164.953                   | 184.049                  | 146.375                   | (6,47%)                           | (11,26%)                          |
| 3         | Đa M'bri  | 384.129                  | 416.576                   | 357.103                  | 409.872                   | (7,04%)                           | (1,61%)                           |
| Tổng cộng |           | 646.734                  | 661.183                   | 601.256                  | 628.032                   | (7,03%)                           | (5,01%)                           |

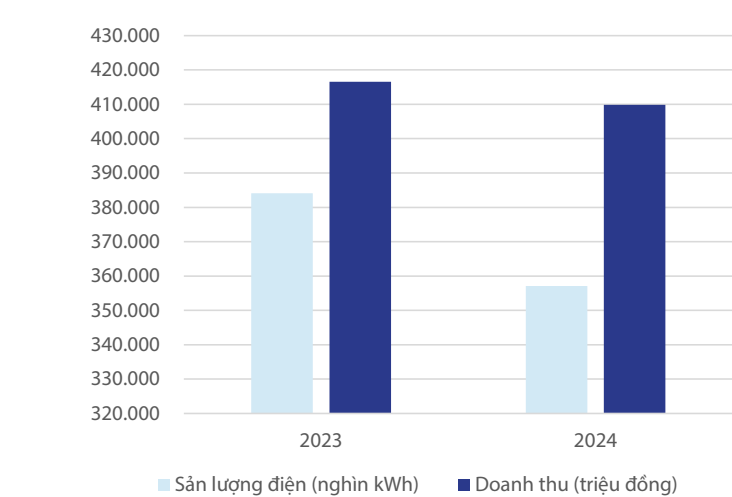
## Tình hình cung cấp điện của nhà máy Đa Siat



## Tình hình cung cấp điện của nhà máy Đa Dâng 2



## Tình hình cung cấp điện của nhà máy Đa M'bri





## 02 TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

### DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên              | Chức vụ                                               | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Ông Trác Thanh Điền     | Chủ tịch HĐQT chuyên trách (bổ nhiệm ngày 25/04/2024) | 27.202.327 (*)     | 26,88% (*)   |
| 2   | Ông Võ Văn Trãi         | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc                    | 11.127.203 (**)    | 10,99% (**)  |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh | Thành viên HĐQT                                       | 11.125.599 (***)   | 10,99% (***) |
| 4   | Ông Nguyễn Văn Thịnh    | Thành viên HĐQT                                       | 442.800            | 0,438%       |
| 5   | Ông Lê Tuấn Hải         | Thành viên HĐQT độc lập                               | 0                  | 0%           |
| 6   | Ông Nguyễn Trọng Tam    | Thành viên HĐQT độc lập                               | 600                | 0,0005%      |
| 7   | Ông Trịnh Phi Anh       | Thành viên HĐQT                                       | 1.080              | 0,0011%      |

**Ghi chú:**

(\*) Trong đó: cá nhân sở hữu là 6.419 cổ phiếu, chiếm 0,0063% vốn điều lệ và Đại diện sở hữu cho 55% phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (EVNSPC) tại SHP là 27.195.908 cổ phiếu, tương ứng 26,87% vốn điều lệ;

(\*\*) Trong đó: cá nhân sở hữu là 1.604 cổ phiếu, chiếm 0,0016% vốn điều lệ và Đại diện sở hữu cho 22,5% phần vốn của EVNSPC tại SHP là 11.125.599 cổ phiếu, tương ứng 10,99% vốn điều lệ;

(\*\*\*) Chỉ bao gồm phần đại diện sở hữu cho 22,5% phần vốn của EVNSPC tại SHP là 11.125.599 cổ phiếu, tương ứng 10,99% vốn điều lệ;

### Những thay đổi trong HĐQT năm 2024

Ngày 25/04/2024, ĐHĐCĐ Công ty đã thông qua việc sửa đổi Điều lệ nâng tổng số Thành viên HĐQT từ 05 người lên 07 người, theo đó miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT của Ông Đoàn Đức Hưng, đồng thời, ĐHĐCĐ đã bầu cử bổ sung Ông Trác Thanh Điền, Ông Võ Văn Trãi và Ông Trịnh Phi Anh giữ chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027.

**Ông Trác Thanh Điền - Chủ tịch HĐQT chuyên trách**

- Năm sinh:** 1981
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:**
  - \* 10/2003 - 10/2005: Cán bộ kỹ thuật Ban Quản lý dự án thuộc Điện lực Bạc Liêu; Cán bộ kỹ thuật Chi nhánh Điện Giá Rai thuộc Điện lực Bạc Liêu (nay là Công ty Điện lực Bạc Liêu).
  - \* 11/2005 - 8/2013: Phó Trưởng Chi nhánh Điện Vĩnh Lợi, Trưởng chi nhánh Điện lực Vĩnh Lợi, Giám đốc chi nhánh Điện lực Vĩnh Lợi, Giám đốc Điện lực Vĩnh Lợi thuộc Điện lực Bạc Liêu (nay là Công ty Điện lực Bạc Liêu).
  - \* 9/2013 - 01/2020: Phó Giám đốc Công ty Điện lực Bạc Liêu; UV BCH, UV BTV, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Điện lực Bạc Liêu.
  - \* 02/2020 đến nay: Trưởng Ban Kiểm tra và Thanh Tra Tổng Công ty Điện lực Miền Nam; Bí thư chi bộ trực thuộc, Bí thư chi bộ cơ sở Ban Kiểm tra và Thanh tra; Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Trưởng Ban Kiểm tra và Thanh tra; Bí thư chi bộ cơ sở Ban Kiểm tra và Thanh tra; Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu):** 6.419 cổ phần, chiếm 0,0063% vốn điều lệ.

**Ông Võ Văn Trãi - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Năm sinh:** 1967
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:**
  - \* 10/1987 - 10/1991: CBKT Nhà Máy Điện Đồng Khởi trực thuộc Sở Điện Lực Bến Tre.
  - \* 10/1991 - 10/1996: sinh viên trường Đại học Bách Khoa TP HCM.
  - \* 10/1996 - 1/3/1998: CBKT - Đội QLVH ĐD và Trạm trực thuộc Điện Lực Bến Tre (ĐLBT).
  - \* 1/3/1998 - 1/1/1999: Đội trưởng đội QLVH ĐD và Trạm Điện Lực Bến Tre.
  - \* 1/1/1999 - 1/4/2002: Phó phòng KHKT - Điện Lực Bến Tre.
  - \* 1/4/2002- 1/8/2005: Trưởng Phòng KHKT - Điện Lực Bến Tre.
  - \* 1/8/2005 - 1/10/2017: Phó giám đốc Công ty Điện Lực Bến Tre.
  - \* 1/10/2017-1/1/2019: Phó giám đốc Trung tâm chăm sóc khách hàng SPC.
  - \* 1/1/2019 -14/9/2022: Phó Giám đốc Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Nam.
  - \* 15/9/2022 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam (SHP).
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu):** 1.604 cổ phần, chiếm 0,0016% vốn điều lệ.

**Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh - Thành viên HĐQT**

- Năm sinh:** 1982
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế - Kế toán Kiểm toán
- Quá trình công tác:**
  - \* 06/2004 - 10/2005: Kế toán tại Công ty Điện Lực Hóc Môn.
  - \* 11/2005 - 07/2016: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
  - \* 08/2016 đến nay: Phó Trưởng Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
  - \* 27/4/2023 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó Trưởng ban TCKT của EVNSPC (bổ nhiệm ngày 01/08/2016) và là người đại diện 22,5% phần vốn của EVNSPC tại SHP.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu):** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Ông Nguyễn Văn Thịnh - Thành viên HĐQT**

- Năm sinh:** 1955
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:**
  - \* 1991 - 1998: Trưởng phòng KHKT Công ty Điện Lực Đồng Nai.
  - \* 1998 - 2007: Trưởng phòng Quản lý Xây dựng Công ty Điện Lực 2 (nay là Tổng CT Điện Lực miền Nam).
  - \* 2007 - 30/6/2018: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.
  - \* 04/2012 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy Điện Miền Nam.
  - \* 02/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy Điện Đắk Kar.
  - \* 05/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy Điện Đắk R’Tih.
  - \* 06/2019 đến nay: Giám đốc Công ty CP Thủy Điện Liên Gich.
  - \* 05/2021 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO.
  - \* 05/2022 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Thủy Điện Đắk R’Tih.
  - \* 04/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cp Thủy điện Sork Phu Miêng IDICO.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO; Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy Điện Đắk R’Tih; Giám đốc Công ty CP Thủy điện Liên Gich; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Đắk Kar; Chủ tịch HĐQT Công ty Cp Thủy điện Sork Phu Miêng IDICO.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu):** 442.800 cổ phần, chiếm 0,438% vốn điều lệ.



Ông Lê Tuấn Hải - Thành viên HĐQT độc lập

- Năm sinh: 1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện
- Quá trình công tác:
  - 02/1996 - 06/2001: Trưởng nhóm Relay – Tự động Nhà máy thủy điện Thác Mơ.
  - 07/2001 - 03/2006: Phó Trưởng phòng – Phòng Kế hoạch kỹ thuật; Trưởng phòng – Phòng kế hoạch kỹ thuật Nhà máy thủy điện Thác Mơ.
  - 04/2006 - 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Thác Mơ.
  - 01/2008 - 03/2011: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy điện Thác Mơ.
  - 04/2011 - 03/2012: Nghỉ việc riêng.
  - Từ 03/2012 - 02/2013: Trưởng phòng Dự án; Trưởng ban QLDA thủy điện Hạ Sông Pha Công ty CP Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi.
  - 01/2013 - 03/2016: Phó Tổng Giám đốc Trưởng ban QLDA Thủy điện Hạ Sông Pha; Trưởng ban QLDA thủy điện Đa Nhim Công ty CP Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi.
  - 03/2016 - 01/2022: Giám đốc kỹ thuật Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE).
  - 01/2022 đến nay: Giám đốc kỹ thuật Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh kiêm nhiệm chức danh Phó Giám đốc kỹ thuật Công ty TNHH Năng lượng REE.
  - 06/2017 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Thủy Điện Miền Nam.
  - 04/2021 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại.
  - 06/2023 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Thủy Điện Thác Mơ.
  - 03/2021 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Thủy điện Thác Bà.
  - 06/2020 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Thủy Điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
  - 04/2021 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
  - Giám đốc kỹ thuật Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh kiêm nhiệm chức danh Phó Giám đốc kỹ thuật Công ty TNHH Năng lượng REE.
  - Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại.
  - Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ.
  - Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà.
  - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn -Sông Hinh.
  - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Trọng Tam - Thành viên HĐQT độc lập

- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.
- Quá trình công tác:
  - 03/07/2006 - 04/2013: Trưởng ca vận hành nhà máy điện thủy điện Thác Mơ thuộc Công ty CP Thủy Điện Thác Mơ, Thị Xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
  - 05/2013 - 09/2015: Tổ trưởng Tổ thị trường điện thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ, Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
  - 10/2015 - 12/2015: Nhân viên Trung tâm chăm sóc khách hàng – Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
  - 01/2016 đến nay: Chuyên viên Ban Kỹ Thuật - Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
  - 06/2022 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 600 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ.

Ông Trịnh Phi Anh - Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1947
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:
  - 1985 - 2000 : làm việc tại Nhà máy Thủy điện Trị An.
  - 2001 - 2007 : làm việc tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi.
  - 2007 đến nay: Chuyên gia cố vấn tại Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.
  - 04/2024 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu): 1.080 cổ phần, chiếm 0,0011% vốn điều lệ.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên            | Chức vụ        | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------------|----------------|--------------------|--------------|
| 1   | Ông Võ Thái           | Trưởng BKS     | 50.000             | 0,0494%      |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Thu Huệ | Thành viên BKS | 0                  | 0%           |
| 3   | Ông Mai Quang Trung   | Thành viên BKS | 0                  | 0%           |

Những thay đổi trong Ban kiểm soát năm 2024

Năm 2024, CTCP Thủy điện Miền Nam không có sự thay đổi nhân sự trong Ban kiểm soát.

Ông Võ Thái - Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
  - 2008 - 2011: Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng Sản Bằng Hữu.
  - 2012 - 2013: Kế toán trưởng Công ty CP Năng Lượng tái tạo DVA.
  - 2014 - 2021: Kế toán trưởng Công ty CP ĐT Việt Liên Á - Phú Hưng Gia.
  - 2022 đến nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH SXTM Bách Việt.
  - 06/2017 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Thủy điện Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
  - Kế toán trưởng Cty CP Đầu tư Việt Liên Á- Phú Hưng Gia;
  - Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thủy điện ĐĂKR' TIH.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu): 50.000 cổ phần, chiếm 0,0494% vốn điều lệ.



**Bà Nguyễn Thị Thu Huệ - Thành viên Ban kiểm soát**

- Năm sinh:** 1968
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:**
  - \* 01/10/1990 - 30/11/1997: Nhân viên kế toán Xí nghiệp vật tư vận tải – Công ty Điện Lực 2.
  - \* 01/12/1997 - 15/08/2007: Chuyên viên kế toán Cơ quan Công ty Điện Lực 2.
  - \* 16/08/2007 - 15/09/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại – Dịch vụ Điện Lực.
  - \* 16/09/2015 - 28/02/2016: Kế toán tổng hợp TT chăm sóc khách hàng - Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
  - \* 01/03/2016 đến nay: Chuyên viên Ban kiểm soát nội bộ và Giám sát tài chính - Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam; Những việc đã tham gia kiểm nhiệm; Thành viên BKS Công ty CP Thiết bị điện VINASINO từ năm 2018-2020.
  - \* 05/2019 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thủy điện Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu):** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Ông Mai Quang Trung - Thành viên Ban kiểm soát**

- Năm sinh:** 1986
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Kinh tế
- Quá trình công tác:**
  - \* 10/2009 - 06/2011: Chuyên viên kế toán tại Điện Lực Long Thành - Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai;
  - \* 07/2011 - 1/2019: Chuyên viên tại phòng Tài chính Kế toán - Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai;
  - \* 02/2019 đến nay: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
  - \* 11/2021 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thủy điện Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát tài chính Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu):** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Ông Đào Hoàng Dũng - Phó Tổng Giám đốc**

- Năm sinh:** 1969
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Điện kỹ thuật
- Quá trình công tác:**
  - \* 04/1994 - 10/1996: Cán bộ đào tạo, Cán bộ kỹ thuật - Phòng KH-KT, Điện lực Bến Tre (nay là Công ty Điện lực Bến Tre).
  - \* 11/1996 - 08/2004: Cán bộ đào tạo, Lao động tiền lương thuộc Phòng Tổ chức Hành chính - Điện lực Bến Tre (nay là Công ty Điện lực Bến Tre).
  - \* 08/2004 - 08/2007: Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Điện lực Bến Tre (nay là Công ty Điện lực Bến Tre).
  - \* 09/2007 - 03/2012: Chuyên viên Phòng Tổ Chức Cán Bộ & Đào Tạo, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam).
  - \* 03/2012 - 06/2016: Phó trưởng Ban Lao Động Tiền Lương Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
  - \* 06/2016 - 11/2021: Phó trưởng ban Tổ Chức và Nhân Sự Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.
  - \* 11/2021 - nay: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu):** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Bà Nguyễn Thành Tú Anh - Kế toán trưởng**

- Năm sinh:** 1977
- Quốc tịch:** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:**
  - \* 2002 – 2004: Công tác tại Phòng Kế toán Tài chính Công ty điện lực 2.
  - \* 2004 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân sở hữu):** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

**Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2024**

Năm 2024, CTCP Thủy điện Miền Nam đã miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Trương Thanh Bình ngày 29/04/2024 (theo nguyện vọng cá nhân).



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH**

| STT | Thành viên             | Chức vụ           | Số lượng CP sở hữu                                                    | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | Ông Võ Văn Trãi        | Tổng Giám đốc     | Chi tiết đã trình bày tại phần sơ yếu lịch lịch của Hội đồng quản trị |              |
| 2   | Ông Đào Hoàng Dũng     | Phó Tổng Giám đốc | 0                                                                     | 0%           |
| 3   | Bà Nguyễn Thành Tú Anh | Kế toán trưởng    | 0                                                                     | 0%           |



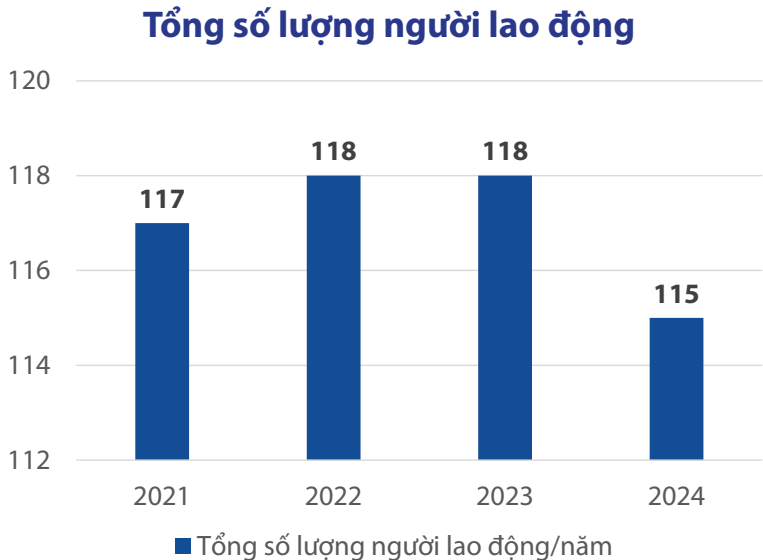
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

Cơ cấu nhân sự của SHP tính tại ngày 31/12/2024:

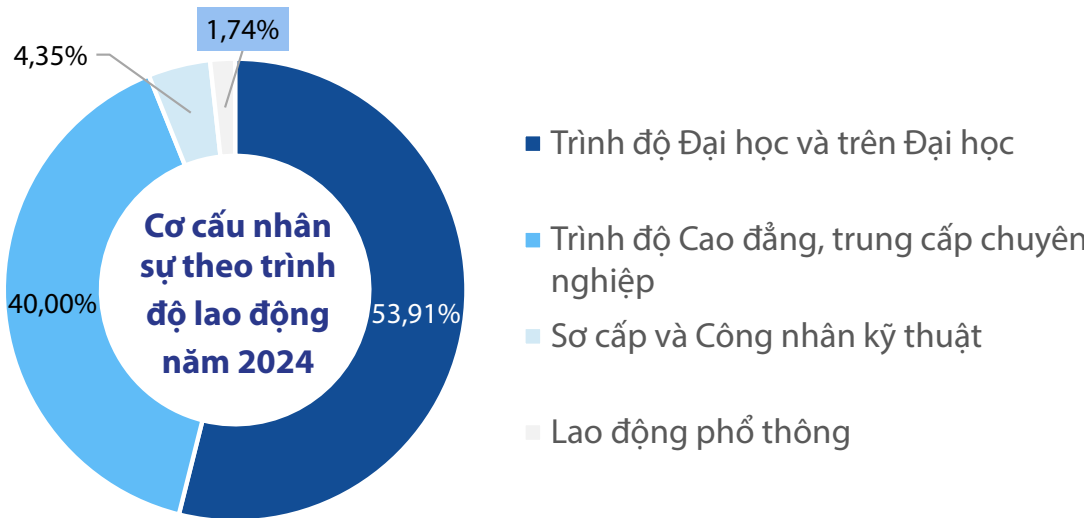
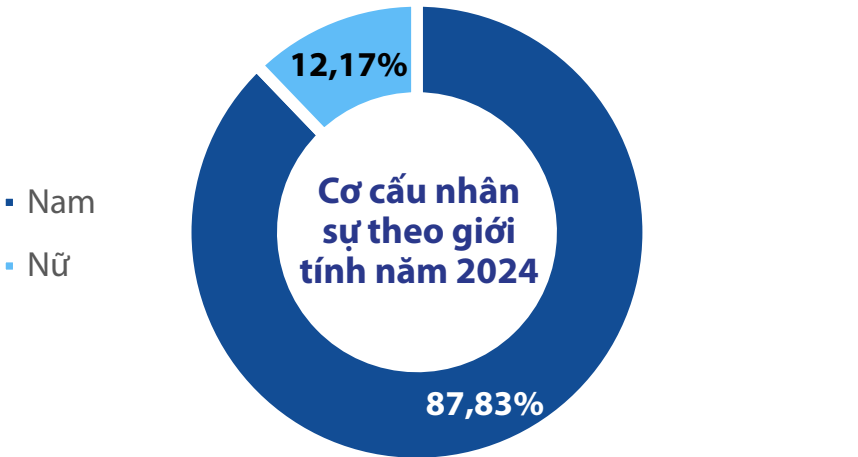
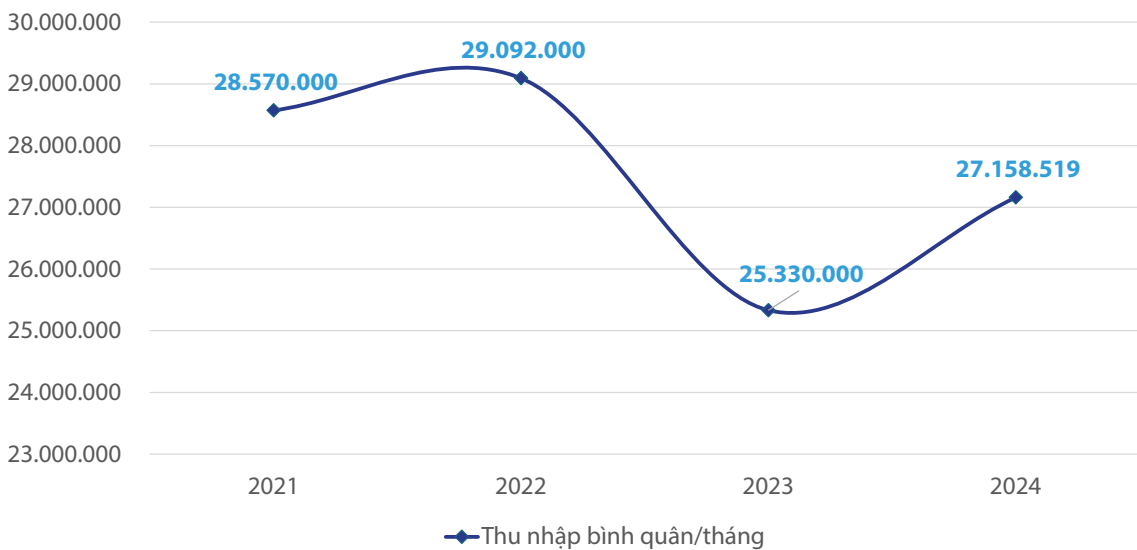
| STT | Tiêu chí                                   | Năm 2023         |              | Năm 2024         |              |
|-----|--------------------------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|     |                                            | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
| I   | Theo trình độ lao động                     | 118              | 100%         | 115              | 100%         |
| 2   | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 65               | 55,08%       | 62               | 53,91%       |
| 3   | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 46               | 38,98%       | 46               | 40,00%       |
| 4   | Sơ cấp và công nhân kỹ thuật               | 4                | 3,39%        | 5                | 4,35%        |
| 5   | Trình độ lao động phổ thông                | 3                | 2,54%        | 2                | 1,74%        |
| II  | Theo giới tính                             | 118              | 100%         | 115              | 100%         |
| 1   | Nam                                        | 103              | 87,29%       | 101              | 87,83%       |
| 2   | Nữ                                         | 15               | 12,71%       | 14               | 12,17%       |

THU NHẬP BÌNH QUÂN

| Chỉ tiêu                              | Năm 2021   | Năm 2022   | Năm 2023   | Năm 2024   |
|---------------------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người)  | 117        | 118        | 118        | 115        |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 28.570.000 | 29.092.000 | 25.330.000 | 27.158.519 |



Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)





## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

### VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Trong năm 2024, Công ty luôn chú trọng đảm bảo công việc, thu nhập ổn định và phúc lợi toàn diện cho người lao động. Lương được chi trả đầy đủ, đúng hạn, kèm theo các khoản thưởng, đặc biệt là thưởng Tết nhằm khích lệ tinh thần làm việc. Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định, bao gồm BHXH, BHYT, BHTN, đồng thời tổ chức khám sức khỏe định kỳ hai lần mỗi năm với danh mục kiểm tra mở rộng để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty tuân thủ nghiêm túc việc trích nộp kinh phí Công đoàn, đồng thời quan tâm đến đời sống tinh thần của nhân viên thông qua các hoạt động thăm hỏi khi người lao động kết hôn, sinh con hoặc gặp khó khăn đột xuất. Các chương trình chăm lo đời sống như tổ chức sinh nhật theo quý, tặng quà cho con em nhân dịp Quốc tế Thiếu nhi, Tết Trung thu hay khen thưởng các em có thành tích học tập xuất sắc cũng được duy trì thường xuyên. Ngoài ra, Công ty còn thể hiện sự tri ân bằng việc thăm hỏi và tặng quà cho thân nhân của người lao động nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ.

Những chính sách này không chỉ thể hiện sự cam kết của Công ty trong việc chăm lo đời sống người lao động mà còn góp phần tạo nên một môi trường làm việc gắn kết, bền vững và nhân văn.

### VỀ ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN DỤNG

Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xem đây là yếu tố cốt lõi trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện. Bên cạnh việc khuyến khích người lao động tự nâng cao trình độ, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về giám sát công trình, quản lý đầu tư, chính sách thuế và vận hành máy, giúp đội ngũ cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao chuyên môn.

Với mục tiêu thu hút và giữ chân nhân tài, Công ty luôn đảm bảo quy trình tuyển dụng minh bạch, tạo môi trường làm việc công bằng và khuyến khích phát huy năng lực cá nhân. Đồng thời, văn hóa doanh nghiệp được xây dựng vững chắc, tạo sự gắn kết lâu dài và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.



### VỀ CÔNG TÁC ĐẢM BẢO TÍNH CÔNG BẰNG, DÂN CHỦ, VĂN MINH

Công ty luôn khuyến khích cán bộ, công nhân viên (CBCNV) phát huy Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động, từ vận hành doanh nghiệp đến các tổ chức như Công đoàn và Đoàn Thanh niên. Đây không chỉ là nguyên tắc cốt lõi trong quản trị mà còn tạo động lực để đội ngũ nhân sự gắn kết và phát triển.

Định kỳ, Công ty tổ chức các buổi đối thoại nhằm lắng nghe ý kiến, đánh giá hiệu quả công việc và đề ra các giải pháp cải thiện khi cần thiết. Chính sách nâng bậc lương cho những CBCNV tận tâm, có đóng góp tích cực không chỉ là sự ghi nhận xứng đáng mà còn tạo động lực để họ tiếp tục phấn đấu và phát triển trong sự nghiệp.

Bên cạnh đó, Công ty tạo điều kiện để CBCNV chủ động đề xuất kế hoạch phát triển cá nhân, qua đó nâng cao kỹ năng, năng lực chuyên môn và đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc. Khi người lao động ngày càng chuyên nghiệp và có trình độ cao hơn, sẽ hình thành một đội ngũ nhân sự vững mạnh, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.

### VỀ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ PHƯƠNG TIỆN VÀ CÔNG CỤ LÀM VIỆC

Để đảm bảo môi trường làm việc an toàn, văn minh và thuận tiện, Công ty luôn chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang bị đầy đủ phương tiện và công cụ làm việc đạt tiêu chuẩn an toàn.

Công tác Bảo hộ Lao động (BHLĐ) luôn được thực hiện đầy đủ, hợp lý, giúp bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người lao động. Đồng thời, các quy định về An toàn - Vệ sinh Lao động (AT-VSLĐ) được tuân thủ nghiêm ngặt, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, không để xảy ra tai nạn lao động trong năm 2024.

Công ty trang bị máy tính phục vụ công việc, kiểm định định kỳ các thiết bị an toàn, và bố trí tủ thuốc y tế đầy đủ thuốc và dụng cụ sơ cứu. Hằng năm, diễn tập PCCC được tổ chức để nâng cao kỹ năng ứng phó rủi ro, trong khi kiểm tra AT-VSLĐ diễn ra định kỳ mỗi quý để đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn.

Những nỗ lực này nhằm giúp bảo vệ người lao động, đồng thời tạo nên môi trường làm việc chuyên nghiệp, bền vững và hiệu quả.

### VỀ PHONG TRÀO THI ĐUA, SÁNG KIẾN

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy trí tuệ, thể hiện năng lực và cống hiến hết mình cho sự phát triển chung. Đồng thời, Công ty kịp thời ghi nhận, biểu dương và khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các phong trào thi đua. Những chính sách khuyến khích này không chỉ động viên tinh thần mà còn tạo động lực để cán bộ, công nhân viên hăng say làm việc, gắn bó lâu dài và cống hiến nhiều hơn.

### VỀ CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Công đoàn và Đoàn Thanh niên, đồng thời quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần xây dựng môi trường làm việc gắn kết và năng động.



## MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG, SỰ KIỆN CỦA CÔNG TY NĂM 2024



**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty diễn ra ngày 26/04/2024**

**Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**



**Chương trình du lịch năm 2024 dành cho cán bộ nhân viên Công ty**

**Chương trình bữa cơm Công Đoàn của Công ty dành cho người lao động**





## 03 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

### TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có.

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN TRONG NĂM 2024

Năm 2024, Công ty Thủy Điện Miền Nam không triển khai đầu tư xây dựng dự án mới, chỉ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy ở cả 03 nhà máy phát điện và công tác xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước hồ chứa ĐaM’bri.



## 04 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| STT | Chỉ tiêu                          | Năm 2023<br>(triệu đồng) | Năm 2024<br>(triệu đồng) | %(+/-)<br>2024/2023 |
|-----|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản              | 1.545.801                | 1.444.460                | (6,56%)             |
| 2   | Doanh thu thuần                   | 661.183                  | 627.847                  | (5,04%)             |
| 3   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 305.789                  | 328.939                  | 7,57%               |
| 4   | Lợi nhuận khác                    | 187                      | 72                       | (61,50%)            |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế              | 305.976                  | 329.012                  | 7,53%               |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế                | 275.281                  | 295.931                  | 7,50%               |
| 7   | Lãi cơ bản trên cổ phiếu          | 2.622                    | 2.823                    | 7,67%               |

Nhìn lại bức tranh hoạt động của SHP trong năm 2024, mặc dù tổng giá trị tài sản giảm 6,56%, từ 1.545.801 triệu đồng năm 2023 xuống còn 1.444.460 triệu đồng năm 2024, phản ánh sự thu hẹp nhẹ trong quy mô tài sản, nhưng Công ty vẫn ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng. Doanh thu thuần giảm 5,04%, chủ yếu do những thách thức trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là tác động của hiện tượng El Nino kéo dài, khiến lượng mưa giảm và mực nước tại các hồ chứa thủy điện thấp hơn trung bình nhiều năm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng điện. Tuy nhiên, nhờ chiến lược tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vẫn tăng 7,57%, giúp Công ty duy trì khả năng sinh lời. Dù doanh thu giảm, lợi nhuận trước thuế và sau thuế vẫn tăng lần lượt 7,53% và 7,50%, cho thấy chiến lược tài chính hiệu quả và quản lý chi phí chặt chẽ đã phát huy tác dụng. Đặc biệt, lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng 7,67%, củng cố niềm tin của cổ đông và thu hút thêm nhà đầu tư. Nhìn chung, SHP đã nâng cao hiệu suất kinh doanh bất chấp những thách thức về doanh thu và quy mô tài sản. Để hướng tới sự phát triển bền vững và ổn định lâu dài, Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục tập trung vào tăng trưởng doanh thu, mở rộng hoạt động và tối ưu hóa cơ cấu tài sản một cách hợp lý.





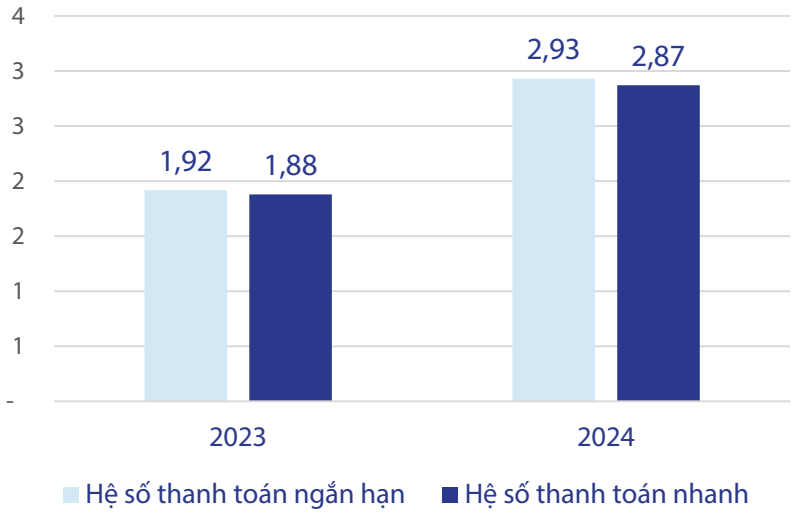
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu                                  | ĐVT  | Năm 2023 | Năm 2024 |
|-------------------------------------------|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán           |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                 | Lần  | 1,92     | 2,93     |
| Hệ số thanh toán nhanh                    | Lần  | 1,88     | 2,87     |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                    |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                     | %    | 12,26    | 7,32     |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                   | %    | 13,97    | 7,9      |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động            |      |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                    | Vòng | 50,71    | 44,19    |
| Vòng quay tổng tài sản                    | Vòng | 0,4      | 0,42     |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời             |      |          |          |
| Hệ số LNST/Doanh thu thuần                | %    | 41,63    | 47,13    |
| Hệ số LNST/VCSH bình quân                 | %    | 19,64    | 21,96    |
| Hệ số LSNT/TTS bình quân                  | %    | 16,61    | 19,79    |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần | %    | 46,25    | 52,39    |

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2024, khả năng thanh toán của doanh nghiệp được cải thiện đáng kể so với năm 2023, phản ánh tình hình tài chính vững mạnh hơn. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,92 lần lên 2,93 lần, cho thấy Công ty có đủ tài sản ngắn hạn để trang trải các khoản nợ ngắn hạn một cách an toàn, giảm thiểu rủi ro về thanh khoản. Đồng thời, hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 1,88 lần lên 2,87 lần, phản ánh khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính bằng các tài sản có tính thanh khoản cao mà không cần phụ thuộc vào việc thanh lý hàng tồn kho. Sự cải thiện của hai chỉ tiêu này cho thấy SHP đang duy trì một nguồn tiền mặt dồi dào, nâng cao sự chủ động trong quản lý tài chính và giảm thiểu rủi ro mất cân đối dòng tiền. Điều này không chỉ giúp SHP hoạt động ổn định hơn mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

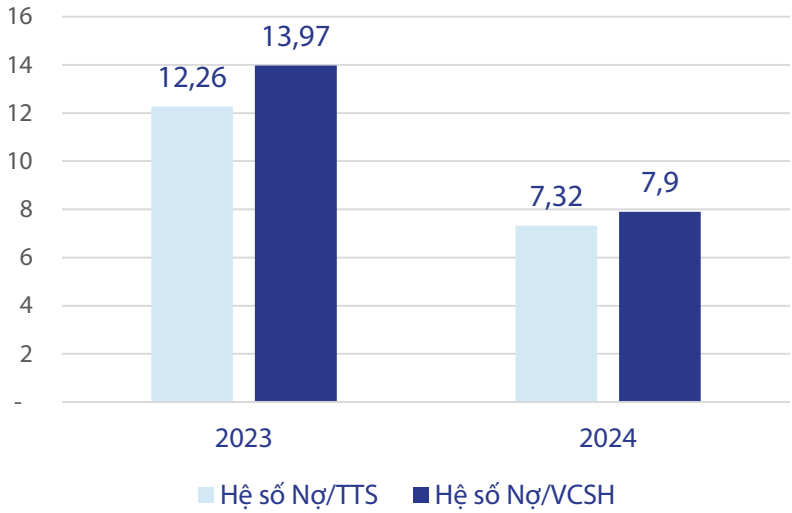
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong năm 2024, cơ cấu vốn của SHP có sự cải thiện rõ rệt, phản ánh mức độ an toàn tài chính cao hơn so với năm 2023. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 12,26% xuống 7,32%, cho thấy Công ty đã giảm đáng kể tỷ trọng nợ vay trong tổng tài sản, giúp hạn chế rủi ro tài chính và tăng khả năng tự chủ trong hoạt động. Tương tự, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng giảm mạnh từ 13,97% xuống 7,9%, thể hiện sự sụt giảm trong mức độ phụ thuộc vào vốn vay, đồng thời củng cố nền tảng tài chính bền vững hơn. Việc giảm tỷ lệ nợ không chỉ giúp Công ty giảm áp lực từ các nghĩa vụ tài chính mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các kế hoạch phát triển dài hạn. Nhìn chung, sự thay đổi tích cực này phản ánh chiến lược quản lý vốn hiệu quả, hướng tới sự ổn định và tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



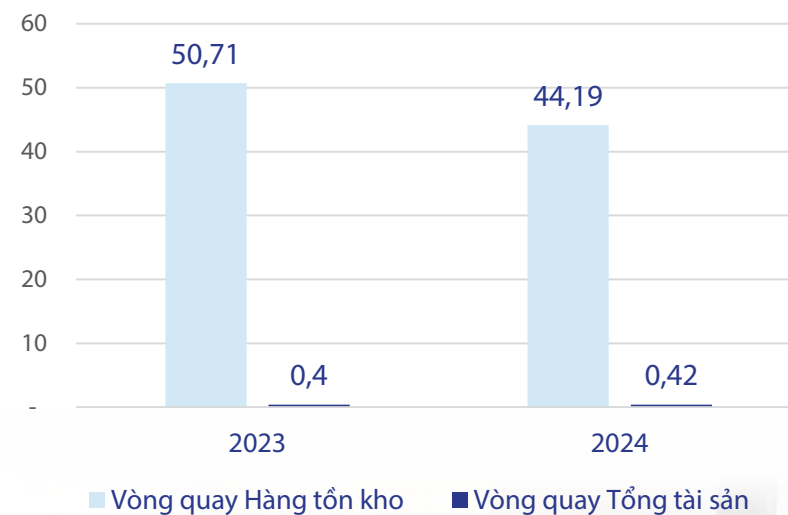


## CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2024, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của SHP có sự biến động so với năm 2023, phản ánh những thay đổi trong hiệu quả quản lý tài sản. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 50,71 vòng xuống 44,19 vòng, cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho chậm hơn. Tuy nhiên, do SHP hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, chỉ tiêu này không thực sự phản ánh đặc thù kinh doanh của Công ty, vì ngành thủy điện không có hàng tồn kho theo nghĩa truyền thống như các ngành sản xuất hoặc thương mại khác.

Trong khi đó, vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ từ 0,40 vòng lên 0,42 vòng, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản trong việc tạo ra doanh thu có sự cải thiện. Mặc dù mức tăng không lớn, nhưng điều này phản ánh sự tối ưu hóa trong quản lý tài sản của Công ty. Nhìn chung, dù chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho không mang nhiều ý nghĩa trong lĩnh vực thủy điện, việc cải thiện vòng quay tổng tài sản cho thấy SHP đang nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, góp phần vào sự ổn định và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh.

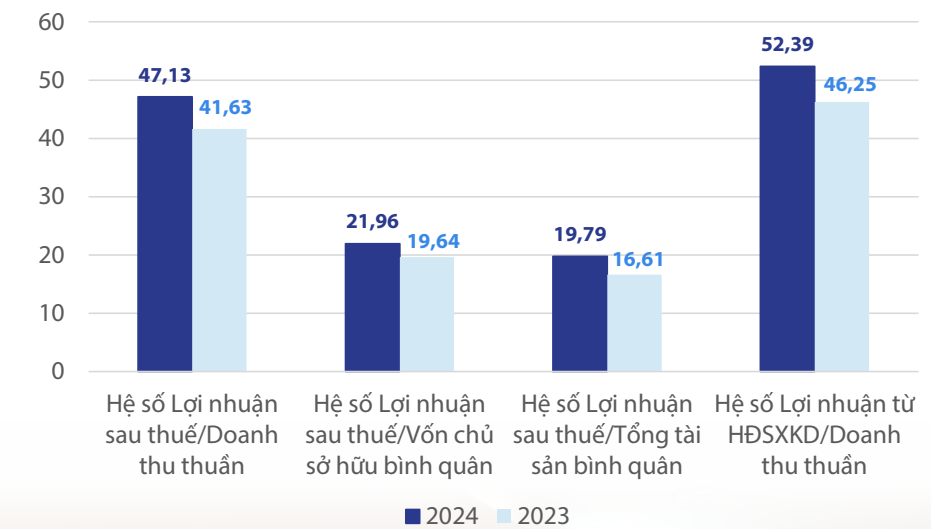
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2024, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của doanh nghiệp đều có sự cải thiện đáng kể so với năm 2023, phản ánh hiệu suất kinh doanh được nâng cao. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 41,63% lên 47,13%, cho thấy biên lợi nhuận ròng được mở rộng nhờ kiểm soát tốt chi phí. Đồng thời, hiệu suất sử dụng vốn cũng cải thiện khi hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 19,64% lên 21,96%, trong khi hệ số trên tổng tài sản bình quân tăng từ 16,61% lên 19,79%, cho thấy doanh nghiệp đang khai thác hiệu quả nguồn lực tài chính. Đặc biệt, hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần tăng từ 46,25% lên 52,39%, khẳng định sự ổn định và hiệu quả trong hoạt động cốt lõi. Nhìn chung, sự tăng trưởng tích cực của các chỉ tiêu này cho thấy doanh nghiệp đã tối ưu hóa hoạt động, nâng cao khả năng sinh lời và tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời





05 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1.012.063.520.000

Đồng

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

101.206.352

Cổ phiếu

MỆNH GIÁ CỔ PHIẾU

10.000

Đồng/Cổ phiếu

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ

0

Cổ phiếu

LOẠI CỔ PHẦN: Cổ phần phổ thông

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2024

| STT       | Loại cổ đông                            | Số cổ phần  | Tỷ lệ sở hữu |
|-----------|-----------------------------------------|-------------|--------------|
| I         | Cổ đông Nhà nước                        | 49.447.106  | 48,86%       |
| II        | Cổ lớn sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên | 26.841.729  | 26,52%       |
| 1         | Trong nước                              | 21.678.552  | 21,42%       |
| 2         | Nước ngoài                              | 5.163.177   | 5,10%        |
| III       | Cổ đông khác                            | 24.917.517  | 24,62%       |
| 1         | Trong nước                              | 24.776.589  | 24,48%       |
| 2         | Nước ngoài                              | 140.928     | 0,14%        |
| Tổng cộng |                                         | 101.206.352 | 100%         |

CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Tên cổ đông                              | Số lượng cổ phần | Giá trị (theo mệnh giá) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------------------------------|------------------|-------------------------|--------------|
| 1   | Tổng Công ty Điện lực Miền Nam           | 49.447.106       | 494.471.060.000         | 48,86%       |
| 2   | Công ty TNHH Năng lượng REE              | 11.220.649       | 112.206.490.000         | 11,09%       |
| 3   | Samarang Ucits-Samarang Asian Prosperity | 5.163.177        | 51.631.770.000          | 5,10%        |
| 4   | Công ty CP Thủy Điện ĐẮK R'TIH           | 10.457.903       | 104.579.030.000         | 10,33%       |

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam không phát sinh bất kỳ đợt tăng vốn nào.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không có

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Nhằm tuân thủ quy định về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng theo Khoản 2 Điều 141 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, năm 2023 CTCP Thủy điện Miền Nam đã nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa lên Vụ Phát triển Thị trường chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trên cơ sở Công văn phản hồi số 208/UBCK-PTTT ngày 13/01/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Thủy điện Miền Nam hiện được xác định là 0% vốn điều lệ.



06 BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

“Bảo vệ môi trường là ưu tiên hàng đầu của Ban lãnh đạo SHP...”

Ông Võ Văn Trãi - Tổng Giám đốc CTCP Thủy điện Miền Nam, chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai các chính sách môi trường của Công ty. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường.

Nhà máy thủy điện được đánh giá là nguồn năng lượng tái tạo sạch, phát thải khí nhà kính ít hơn đáng kể so với các nguồn năng lượng sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Tuy nhiên, quá trình xây dựng và vận hành nhà máy vẫn có thể tạo ra một lượng nhỏ khí nhà kính, chủ yếu từ sự phân hủy của vật chất hữu cơ trong nước khi hình thành hồ chứa. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến việc tối ưu hóa quy trình vận hành để giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo phát triển bền vững và hài hòa với hệ sinh thái tự nhiên.

**Trong năm 2024, SHP đã góp phần làm giảm lượng phát thải khí nhà kính ra môi trường là 15.891 tấn CO<sup>2</sup>e. Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện một số biện pháp để giảm thiểu khí phát thải nhà kính:**

- Quản lý hồ chứa hiệu quả:**
  - \* Kiểm soát lượng vật chất hữu cơ: Trước khi tích nước, doanh nghiệp có thể dọn dẹp thực vật và vật chất hữu cơ trong khu vực hồ chứa để hạn chế quá trình phân hủy sinh ra khí metan (CH<sub>4</sub>) và CO<sub>2</sub>.
  - \* Tối ưu hóa mức nước hồ chứa: Điều chỉnh chế độ vận hành để giảm tình trạng nước tù đọng, giúp hạn chế sự phân hủy kỵ khí dưới đáy hồ – nguyên nhân chính gây phát thải metan.
- Tối ưu hóa quy trình vận hành nhà máy:**
  - \* Cải thiện hiệu suất tua-bin: Sử dụng các tua-bin thủy điện hiện đại, có hiệu suất cao hơn, giúp tối ưu hóa việc sử dụng nước và giảm phát thải gián tiếp.
  - \* Tăng cường công nghệ kiểm soát phát thải: Ứng dụng các công nghệ giám sát và điều chỉnh lượng nước xả để giảm hiện tượng sinh khí nhà kính trong hồ chứa.
- Bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái:**
  - \* Trồng cây xanh quanh khu vực hồ chứa: Giúp hấp thụ CO<sub>2</sub>, ổn định hệ sinh thái và giảm xói mòn đất, hạn chế lượng hữu cơ chảy xuống hồ.
  - \* Duy trì dòng chảy tối thiểu: Đảm bảo dòng chảy tự nhiên để hạn chế sự tích tụ bùn và vật chất hữu cơ, từ đó giảm phát thải metan.
- Ứng dụng công nghệ đo lường và giám sát phát thải:**
  - \* Hệ thống giám sát khí nhà kính: Định kỳ đo lường nồng độ CO<sub>2</sub> và CH<sub>4</sub> tại các hồ chứa để đưa ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp.
  - \* Nghiên cứu và áp dụng công nghệ mới: Sử dụng các mô hình dự báo khí nhà kính để tối ưu hóa quy trình vận hành và giảm tác động môi trường.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện, đồng thời mở rộng sang các dịch vụ hỗ trợ như kiến trúc và tư vấn kỹ thuật. Bên cạnh đó, Công ty còn tham gia lắp đặt hệ thống cấp thoát nước cho nhiều dự án khác, góp phần đa dạng hóa hoạt động kinh doanh. Về nguồn nguyên vật liệu đầu vào, SHP chủ yếu sử dụng thủy lực, thiết bị điện và các bộ phận điều khiển, đảm bảo vận hành hiệu quả và ổn định trong lĩnh vực năng lượng.

**Trong năm 2024, nguồn nguyên vật liệu SHP đã sử dụng như sau:**

| STT | Các nguồn nước                                     | Tổng lượng nước thu về/đạt được trong năm 2024 | Đơn vị tính    |
|-----|----------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------|
| 1   | Suối Đa Siat cung cấp nước cho Nhà máy Đa Siat     | 177.474.240                                    | m <sup>3</sup> |
| 2   | Suối Đa Dâng 2 cung cấp nước cho Nhà máy Đa Dâng 2 | 1.235.105.280                                  | m <sup>3</sup> |
| 3   | Suối Đa M'bri cung cấp nước cho Nhà máy Đa M'bri   | 450.334.080                                    | m <sup>3</sup> |

Ban lãnh đạo công ty luôn coi việc quản lý chặt chẽ nguồn cung nguyên liệu là ưu tiên hàng đầu, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra ổn định và hiệu quả. Việc lựa chọn các nhà cung cấp uy tín, có kinh nghiệm và cam kết chất lượng đóng vai trò then chốt trong việc duy trì chuỗi cung ứng bền vững. Đồng thời, công ty cũng thực hiện giám sát chặt chẽ quá trình tiêu thụ nguyên vật liệu, giúp nhanh chóng phát hiện và khắc phục các vấn đề phát sinh, qua đó tối ưu hóa hiệu suất vận hành và hạn chế lãng phí tài nguyên.





# 06 BẢO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Ba nhà máy thủy điện Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M'bri tại tỉnh Lâm Đồng đóng vai trò quan trọng trong việc vận hành các tổ máy phát điện, góp phần cung cấp nguồn điện ổn định cho lưới điện quốc gia. Năm 2024, tổng sản lượng điện sản xuất và hòa vào lưới đạt 601,256 triệu kWh, thấp hơn mức trung bình nhiều năm (642,499 triệu kWh). Điều này không chỉ đảm bảo an ninh năng lượng mà còn phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành, các nhà máy cũng tiêu thụ một phần năng lượng để duy trì hoạt động phát điện. Cụ thể, lượng năng lượng tiêu thụ của SHP trong năm 2024 như sau:

| STT | Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn      | Năm 2024                                                            |
|-----|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Tổng năng lượng tiêu thụ (kWh)</b>                  | <b>3.339.618</b>                                                    |
|     | Điện dùng trong quản lý văn phòng (kWh)                | 28.340                                                              |
|     | • Văn phòng HCM                                        | 15.140                                                              |
|     | • Chi nhánh                                            | 13.200                                                              |
|     | Điện dùng trong sản xuất (kWh)                         | 3.311.278                                                           |
|     | • Điện tự dùng cho sản xuất                            | 2.694.625                                                           |
|     | • Điện mua dùng cho sản xuất                           | 616.653                                                             |
| 2   | <b>Tổng năng lượng tiêu thụ (lít)</b>                  | <b>28.931</b>                                                       |
|     | Xăng, Dầu, ... trong sản xuất (lít)                    | 741,93                                                              |
|     | Xăng, Dầu, ... trong quản lý văn phòng (lít)           | 28.189                                                              |
|     | Dầu DO (lít)                                           | 17.204                                                              |
|     | Xăng 92/95 (lít)                                       | 10.985                                                              |
| 3   | <b>Tổng năng lượng tiêu thụ (40 lít khí oxy/bình)</b>  |                                                                     |
|     | Gas, Khí đốt, ... trong sản xuất (40 lít khí oxy/bình) | Oxy: 16 bình; khí nito: 2 bình; khí argon: 20 bình; khí gas: 1 bình |

Tình hình tiêu thụ nước của Công ty trong năm 2024 như sau:

| STT | Loại hoạt động               | Tổng lượng nước sử dụng | Đơn vị tính |
|-----|------------------------------|-------------------------|-------------|
| 1   | <b>Sử dụng phát điện</b>     | <b>1.354.752.000</b>    | <b>m³</b>   |
|     | Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2  | 879.802.560             | m³          |
|     | Nhà máy thủy điện Đa M'Bri   | 370.638.720             | m³          |
|     | Nhà máy thủy điện Đa Siat    | 104.310.720             | m³          |
| 2   | <b>Sử dụng cho sinh hoạt</b> | <b>180</b>              | <b>m³</b>   |

## TIẾT KIỆM TÀI NGUYÊN

Xác định việc sử dụng năng lượng hiệu quả là yếu tố quan trọng giúp giảm đáng kể chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh, SHP đã không ngừng triển khai các giải pháp tiết kiệm điện trong suốt nhiều năm qua, bao gồm:

- Tối ưu hóa vận hành nhà máy:**
  - \* Điều chỉnh chế độ vận hành hợp lý: Tận dụng tối đa hiệu suất của các tổ máy phát điện, tránh hoạt động ở mức tải thấp, giúp giảm tổn hao năng lượng.
  - \* Tăng cường tự động hóa: Ứng dụng hệ thống giám sát và điều khiển từ xa để tối ưu hóa quá trình phát điện, giảm thiểu thất thoát năng lượng.
  - \* Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ: Kiểm tra thường xuyên tua-bin, máy phát, hệ thống điều khiển để đảm bảo hoạt động ổn định, giảm tiêu hao điện nội bộ.
- Giảm điện năng tiêu thụ trong nội bộ nhà máy:**
  - \* Sử dụng thiết bị tiết kiệm điện: Lắp đặt hệ thống chiếu sáng LED, biến tần cho các động cơ bơm, quạt làm mát và hệ thống điều hòa không khí.
  - \* Tối ưu hóa hệ thống bơm và quạt: Điều chỉnh tần suất hoạt động phù hợp, tránh chạy quá tải hoặc nhàn rỗi gây lãng phí năng lượng.
  - \* Hạn chế tổn hao điện trong trạm biến áp: Kiểm tra, nâng cấp các thiết bị truyền tải để giảm tổn thất điện năng.
- Nâng cao ý thức tiết kiệm điện trong doanh nghiệp:**
  - \* Đào tạo và nâng cao nhận thức cho nhân viên: Tổ chức các buổi tập huấn về tiết kiệm điện, hướng dẫn cách vận hành thiết bị hiệu quả.
  - \* Xây dựng quy trình sử dụng điện hợp lý: Khuyến khích tắt thiết bị không cần thiết, tận dụng ánh sáng tự nhiên và sử dụng điều hòa ở mức hợp lý.
  - \* Giám sát tiêu thụ điện: Lắp đặt hệ thống đo lường điện năng tiêu thụ theo thời gian thực để kiểm soát và kịp thời điều chỉnh khi có dấu hiệu lãng phí.

## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) là doanh nghiệp sản xuất điện, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp năng lượng, góp phần vào sự phát triển kinh tế quốc gia và địa phương, đặc biệt tại tỉnh Lâm Đồng. Nhận thức rõ trách nhiệm đối với môi trường, SHP tập trung bảo tồn sinh thái tại các khu vực thượng nguồn và hạ lưu các vùng nước trọng điểm như sông Đa Dâng, suối Đa Siat, suối Đa M'bri, đồng thời triển khai các giải pháp phát triển bền vững.

Nhằm đảm bảo tuân thủ Luật Tài nguyên nước 2023 do Quốc Hội ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/07/2024, Ban Lãnh đạo SHP đã chủ động phân bổ nhân sự nghiên cứu nội dung luật, đánh giá tác động đối với hoạt động sản xuất điện và sẵn sàng điều chỉnh các quy chế kiểm soát nội bộ để phù hợp với các quy định mới. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ nguồn nước, bao gồm duy trì dòng chảy tối thiểu, kiểm soát chất lượng nước thải trước khi xả ra môi trường, và giám sát tác động của hồ chứa đối với hệ sinh thái xung quanh.

Không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ pháp luật, SHP còn chủ động tham gia các sáng kiến bảo vệ môi trường như trồng cây xanh tại khu vực hồ chứa để chống xói mòn đất, hạn chế bốc hơi nước và bảo vệ đa dạng sinh học. Công ty cũng tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người lao động và cộng đồng về vai trò của thủy điện trong bảo vệ môi trường, duy trì nguồn nước bền vững, đồng thời ngăn chặn tình trạng lấn chiếm lòng hồ.

Những nỗ lực này không chỉ giúp SHP tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật mà còn thể hiện cam kết của Công ty trong việc phát triển thủy điện bền vững, hài hòa giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm môi trường.



# 06 BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

| Năm                                   | 2021       | 2022       | 2023       | 2024       |
|---------------------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người)  | 117        | 118        | 118        | 115        |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 28.570.000 | 29.092.000 | 25.330.000 | 27.158.519 |

## CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

### VỀ TIỀN LƯƠNG

Tiền lương của người lao động được thực hiện trên cơ sở quỹ lương do Hội đồng quản trị phê duyệt dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm và được chi trả toàn bộ cho người lao động. Công ty luôn thực hiện chi trả đúng và đầy đủ tiền lương cho người lao động theo quỹ lương được duyệt.

Về năng bậc lương: Căn cứ Quy chế năng bậc lương, trong năm 2024 Công ty đã tổ chức thi năng bậc, kiểm tra chuyên đề/để tài và thực hiện xét năng lương cho 40 nhân viên từ 01/01/2025.

Công ty đã đóng đầy đủ các khoản BHXH Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp; Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Các chế độ BHXH (ốm đau, thai sản, ...) của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, theo quy định với cơ quan bảo hiểm. Tính đến thời điểm cuối năm 2024, Công ty đã thực hiện tính toán để chi trả tiền lương theo quỹ lương kế hoạch năm 2024 là 31,343 tỷ đồng cho người lao động.

Công ty sẽ trình HĐQT phê duyệt quyết toán Quỹ lương năm 2024 căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh 2024 vượt kế hoạch để chi trả cho người lao động theo mức được duyệt trong Quý I/2025.

### VỀ KHEN THƯỞNG

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện khen thưởng, biểu dương Cán bộ Công đoàn (CBCĐ) giỏi, Công nhân Lao động (CNLD) giỏi, An toàn vệ sinh lao động (ATVSV) giỏi cụ thể như sau:

- Công đoàn Cơ sở Thủy điện Miền Nam có 01 CBCĐ giỏi, 02 CNLD giỏi và 01 ATVSV giỏi nhận khen thưởng của Công đoàn Tổng Công ty Điện lực Miền Nam;
- 01 tập thể và 01 cá nhân được nhận khen thưởng của Công đoàn Điện lực Miền Nam.

Về khen thưởng cho sáng kiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất: trong năm 2024, người lao động đã có 13 sáng kiến. Công ty đã xét công nhận 8/13 sáng kiến kỹ thuật và 5/13 giải pháp hợp lý hóa sản xuất với tổng số tiền khen thưởng 97.000.000 đồng.

## CHÍNH SÁCH AN TOÀN LAO ĐỘNG

Công ty luôn đặt an toàn lao động và sức khỏe của người lao động lên hàng đầu bằng việc trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với từng công việc, đồng thời thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở nhân viên tuân thủ quy định khi sử dụng các thiết bị bảo hộ như sào thao tác, găng tay, ủng cách điện, bút thử điện, dây đai an toàn trong quá trình vận hành và sửa chữa. Công tác bảo dưỡng, kiểm định định kỳ các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo vận hành ổn định và tuân thủ các quy định pháp luật.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng phân tích, rút kinh nghiệm từ các sự cố trong ngành và tại nhà máy để đưa ra những giải pháp phòng ngừa, hạn chế tối đa rủi ro tái diễn. Để nâng cao khả năng ứng phó với tình huống khẩn cấp, Công ty tổ chức diễn tập xử lý sự cố hàng quý, giúp người lao động nắm vững nhiệm vụ, phản ứng nhanh chóng và tuân thủ quy trình an toàn.

## CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

Năm 2024, SHP tiếp tục khẳng định sự quan tâm đến đời sống tinh thần và phúc lợi của người lao động thông qua hàng loạt chính sách thiết thực. Nổi bật là chuyến du lịch nghỉ dưỡng cho 23 nhân sự tại Quy Nhơn – Đà Nẵng – Hội An từ ngày 2/7 đến 6/7/2024, với ngân sách 284.947.200 đồng, mang lại trải nghiệm ý nghĩa và tăng cường gắn kết tập thể. Ngoài ra, Công ty triển khai các chế độ phúc lợi như tặng quà Tết, quà Trung thu, thăm hỏi người cao tuổi, hỗ trợ du lịch – thể thao, trợ cấp nghỉ hưu và phúc lợi dịp lễ 30/4, 2/9. Đặc biệt, Công ty hỗ trợ lao động nữ nuôi con nhỏ và khen thưởng con em nhân viên có thành tích học tập tốt. Chương trình “Bữa cơm công đoàn” cũng được duy trì, đảm bảo dinh dưỡng và sự gắn kết trong môi trường làm việc. Với những chính sách nhân văn này, Công ty SHP không ngừng tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết và giàu tính nhân văn, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho toàn thể người lao động.

## CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Năm 2024, Công ty SHP tiếp tục đẩy mạnh đào tạo nhằm nâng cao chuyên môn và chất lượng quản lý, hướng đến phát triển bền vững. Trọng tâm là đào tạo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, giúp tối ưu vận hành và đảm bảo tính nhất quán. Đồng thời, đánh giá nội bộ ISO 9001:2015 trang bị kỹ năng kiểm soát, giám sát và cải tiến hệ thống. Bên cạnh đó, đào tạo về thị trường điện giúp nhân sự nắm vững cơ chế vận hành, giao dịch và quản lý rủi ro. Những chương trình này không chỉ nâng cao năng lực đội ngũ mà còn khẳng định cam kết phát triển bền vững của SHP.

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong những năm gần đây, song song với sự phát triển kinh doanh, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam luôn đặt phúc lợi xã hội vào trọng tâm chiến lược, thể hiện cam kết mạnh mẽ với cộng đồng. Công ty không chỉ tận tâm thực hiện trách nhiệm xã hội mà còn khuyến khích tinh thần tương trợ, nhân ái trong từng cán bộ, nhân viên. Mỗi người lao động đều góp phần vào các sáng kiến phúc lợi xã hội bằng chính sức lao động, tri thức và sự sẻ chia của mình.

Để đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả, Công ty đã xây dựng chính sách trách nhiệm cộng đồng rõ ràng, hướng tới các hoạt động xã hội có tác động thiết thực. Nhân viên được truyền cảm hứng để không chỉ làm việc mà còn sống có mục đích, đóng góp ý nghĩa cho xã hội. Các chương trình thường niên bao gồm hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, giúp đỡ người già neo đơn, đóng góp vào các sáng kiến giáo dục và văn hóa, cũng như hợp tác với các tổ chức xã hội và đối tác để mang lại những giá trị bền vững cho cộng đồng. Cụ thể:

| Thời gian  | Hoạt động                                                                                                                         | Mức hỗ trợ      |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 05/02/2024 | Trích quỹ phúc lợi chi hỗ trợ UBND xã Lộc Tân lắp camera giám sát nạo vét và quản lý khoáng sản thu được sau nạo vét              | 10.000.000      |
| 05/02/2024 | Trích quỹ phúc lợi chi hỗ trợ UBND huyện Bảo Lâm tổ chức bắn pháo hoa đêm giao thừa Tết nguyên đán 2024                           | 10.000.000      |
| 29/05/2024 | Trích quỹ phúc lợi hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã Phước Lộc, huyện Đa Huoai, Lâm Đồng                            | 10.000.000      |
| 16/09/2024 | Chi ủng hộ UBND xã Đa Tồn tổ chức chương trình Đêm hội trăng rằm 2024                                                             | 10.000.000      |
| 16/09/2024 | Chi ủng hộ UBND xã Đa Oai tổ chức chương trình Đêm hội trăng rằm 2024                                                             | 10.000.000      |
| 20/09/2024 | Trích quỹ phúc lợi hỗ trợ hộ gia đình ông Nguyễn Thanh Dũng và bà Trần Thị Hà trong công tác phát quang đường dây 110kV Đa Dâng 2 | 20.000.000      |
| 10/12/2024 | Trích quỹ phúc lợi chi ủng hộ người dân xã Lộc Bảo mua BHYT                                                                       | 15.000.000      |
| Tổng cộng  |                                                                                                                                   | 85.000.000 đồng |

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, SHP rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có chỉ thị từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.





## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 2. Tình hình tài chính**
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**



# 01 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024, hiện tượng El Nino gây ra tình trạng thủy văn bất lợi, khiến lưu lượng nước về hồ chứa của ba nhà máy thủy điện giảm đáng kể. Trong 6 tháng đầu năm, thời tiết khô hạn khiến lượng nước về hồ thấp hơn cùng kỳ 2023, cụ thể: Đa Siat đạt 94,91%, Đa Dâng 2 đạt 74,75% và Đa M'bri chỉ đạt 54,57%.

Trong 6 tháng cuối năm, thời tiết tiếp tục diễn biến phức tạp, mùa mưa đến muộn hơn so với nhiều năm, khiến lưu lượng nước trung bình năm 2024 giảm so với năm 2023: Đa Siat đạt 83,58%, Đa Dâng 2 đạt 96,52% và Đa M'bri đạt 78,8%.

Ngoài ra, trong năm 2024 Công ty gặp một số khó khăn ảnh hưởng đến việc vận hành khai thác phát điện như:

- Nhà máy Đa Siat: Sự cố phóng điện Stator tổ máy H1 ngày 01/01/2024, tuy nhiên không mất sản lượng điện.
- Nhà máy Đa M'bri: Sự cố kẹt bạc van cầu tổ máy H2 ngày 13/05/2024, buộc phải tháo nước đường hầm, tuy nhiên không mất sản lượng do mực nước hồ thấp.
- Nhà máy Đa Dâng 2:
  - \* Ngày 19/07/2024: Sự cố nước chảy thành dòng trên 04 bộ làm mát gió máy phát tổ máy H2, dừng máy 20 giờ để xử lý.
  - \* Ngày 27/08/2024: Sự cố hỏng bộ làm mát dầu ổ hướng tổ máy H1, dừng máy 24 giờ để khắc phục.
- Hệ thống đo đếm Nhà máy Đa Dâng 2: Kiểm định ngày 28-29/11/2024, phát hiện các biến điện áp TUC11 pha B, TUC12 pha A, pha C có sai số vượt cấp chính xác theo quy định.
- Nhà máy Đa M'bri: Sản lượng điện hợp đồng năm 2024 do EVN tính toán cao hơn thực tế, dẫn đến bốn tháng không đáp ứng sản lượng hợp đồng, làm giảm doanh thu.



## NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2024

Mặc dù năm 2024 gặp nhiều thách thức do điều kiện thủy văn không thuận lợi, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam vẫn duy trì tinh thần chủ động, linh hoạt và quyết tâm cao độ. Nhờ sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, nhân viên (CBNV), công ty đã hoàn thành chỉ tiêu sản lượng và doanh thu theo đúng kế hoạch đề ra, đảm bảo hoạt động sản xuất điện ổn định và hiệu quả. Đặc biệt, với tinh thần sáng tạo và đổi mới, trong năm qua, CBNV công ty đã đề xuất 13 sáng kiến quan trọng, góp phần tối ưu hóa quy trình vận hành, nâng cao hiệu suất phát điện và cải thiện năng lực sản xuất kinh doanh. Những sáng kiến này không chỉ giúp công ty thích ứng tốt hơn với những biến động của điều kiện tự nhiên mà còn tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai, khẳng định vai trò của công ty trong việc cung cấp nguồn năng lượng sạch và ổn định cho nền kinh tế.

## KẾT QUẢ VẬN HÀNH CÁC NHÀ MÁY TRONG NĂM 2024

### Nhà máy Đa Dâng 2

#### Tình hình thủy văn:

Tình hình thủy văn: Lưu lượng nước bình quân về hồ chứa năm 2024 là 38,9 m<sup>3</sup>/s (năm 2023 là 40,3m<sup>3</sup>/s), bằng 96,52% năm 2023.

Số giờ trung bình vận hành năm 2024 là 5.391,95 giờ (năm 2023 là 5.815 giờ).

#### Tình hình sự cố của thiết bị và đường dây:

- Đối với thiết bị: Có 02 lần sự cố, thời gian dừng máy do sự cố là 44 giờ
- Đối với đường dây: Không có

### Nhà máy Đa Siat

#### Tình hình thủy văn:

Tình hình thủy văn: Lưu lượng nước bình quân về hồ chứa năm 2024 là 5,6m<sup>3</sup>/s (năm 2023 là 6,7m<sup>3</sup>/s), bằng 83,58% năm 2023. Trong năm 2024 lưu lượng nước về hồ chứa Đa Siat thấp do ảnh hưởng của ElNino. Do đó sản lượng năm 2024 thấp hơn năm 2023 và trung bình nhiều năm.

Số giờ trung bình vận hành năm 2024 là 5.464,83 giờ (năm 2023 là 5.216 giờ).

#### Tình hình sự cố của thiết bị và đường dây:

- Đối với thiết bị: Tính đến hết tháng 12 năm 2024 Nhà máy Đa Siat có 01 lần sự cố về thiết bị, với tổng số giờ dừng sự cố là 1.083,8 giờ.
- Đối với đường dây: Có 17 lần sự cố đường dây, tổng thời gian dừng do sự cố là 08 giờ. Sự cố đường dây Đa Siat chủ yếu do sét đánh hoặc sự cố dao động lưới điện.

Trong năm 2024 Công ty đã thực hiện tốt công tác kiểm tra, phát quang định kỳ hành lang tuyến đường dây 22kV Nhà máy Đa Siat-Trạm 110kV Đắk Nông, đã hạn chế sự cố do cây cối so với những năm trước đây.

### Nhà máy Đa M'Bri

#### Tình hình thủy văn:

Tình hình thủy văn: Lưu lượng nước bình quân về hồ chứa năm 2024 là 14,2 m<sup>3</sup>/s (năm 2023 là 18,02 m<sup>3</sup>/s), bằng 78,8% năm 2023.

Số giờ trung bình vận hành năm 2024 là 4.887,53 giờ (năm 2023 là 5.871,6 giờ)

#### Tình hình sự cố của thiết bị và đường dây:

- Đối với thiết bị: Có 01 lần sự cố, thời gian dừng do sự cố là 537,43 giờ.
- Đối với đường dây: Không có.



## 02 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CƠ CẤU TÀI SẢN

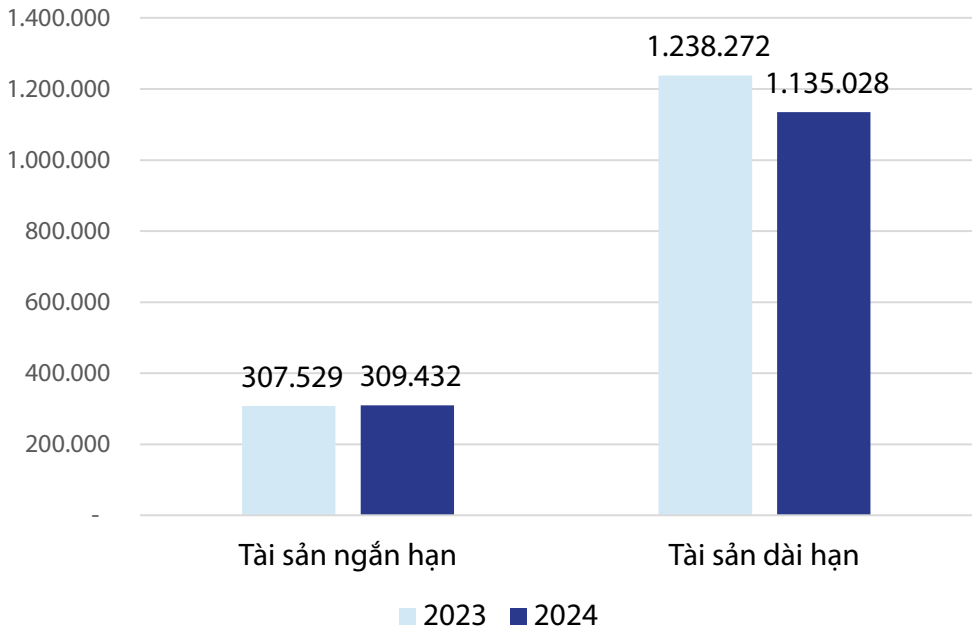
ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu            | 31/12/2023       |             | 31/12/2024       |             | TH 2024/TH2023 |
|---------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|----------------|
|                     | Giá trị          | Tỷ trọng    | Giá trị          | Tỷ trọng    |                |
| Tài sản ngắn hạn    | 307.529          | 19,89%      | 309.432          | 21,42%      | 100,62%        |
| Tài sản dài hạn     | 1.238.272        | 80,11%      | 1.135.028        | 78,58%      | 91,66%         |
| <b>Tổng tài sản</b> | <b>1.545.801</b> | <b>100%</b> | <b>1.444.460</b> | <b>100%</b> | <b>93,44%</b>  |

Trong năm 2024, tổng tài sản của SHP giảm 6,56%, từ 1.545.801 triệu đồng xuống 1.444.460 triệu đồng, cho thấy sự thu hẹp quy mô tài sản. Tài sản ngắn hạn tăng nhẹ 0,62%, chiếm 21,42% tổng tài sản, phản ánh xu hướng tăng thanh khoản, chủ yếu đến từ việc tăng đầu tư tài chính ngắn hạn. Ngược lại, tài sản dài hạn giảm 8,34%, chiếm 78,58% tổng tài sản, sự sụt giảm này là do khấu hao tài sản cố định hàng năm.

ĐVT: triệu đồng

### Tình hình tài sản qua các năm



### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

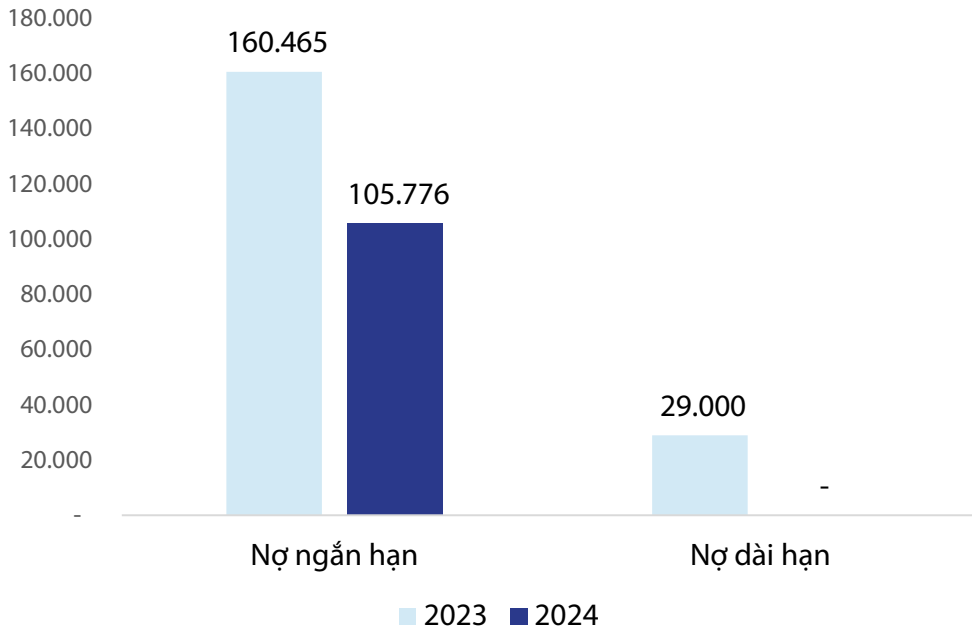
ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu                | 31/12/2023     |             | 31/12/2024     |             | TH 2024/TH2023 | % Tăng/giảm     |
|-------------------------|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|-----------------|
|                         | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng    |                |                 |
| Nợ ngắn hạn             | 160.465        | 84,69%      | 105.776        | 100%        | 65,92%         | (34,07%)        |
| Nợ dài hạn              | 29.000         | 15,31%      | 0              | 0%          | 0%             | (100%)          |
| <b>Tổng nợ phải trả</b> | <b>189.465</b> | <b>100%</b> | <b>105.776</b> | <b>100%</b> | <b>55,83%</b>  | <b>(44,17%)</b> |

Trong năm 2024, tổng nợ phải trả của SHP giảm mạnh 44,17%, từ 189.465 triệu đồng xuống 105.776 triệu đồng, giúp giảm áp lực tài chính và cải thiện khả năng tự chủ vốn. Nợ dài hạn đã được tắt toán hoàn toàn (giảm 100%), cho thấy Công ty không còn khoản vay dài hạn, giúp tiết kiệm chi phí lãi vay nhưng có thể ảnh hưởng đến nguồn vốn đầu tư mở rộng. Nợ ngắn hạn giảm 34,07%, chiếm toàn bộ 100% tổng nợ, phản ánh Công ty hiện vẫn duy trì một số nghĩa vụ tài chính ngắn hạn, chủ yếu đến từ các khoản phải trả nhà cung cấp, vay ngắn hạn và nghĩa vụ nộp thuế.

ĐVT: triệu đồng

### Tình hình nợ phải trả qua các năm





# 03 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

## Hoạt động của thị trường điện

- Năm 2024 hoạt động Thị trường điện (TTĐ) nói chung gặp khó khăn do tình hình khô hạn trong 06 tháng đầu năm 2024, Nhà máy Đa M’bri có 04 tháng không đáp ứng sản lượng điện hợp đồng tháng. Tuy nhiên, mùa mưa năm 2024 đến muộn, Công ty đã tận dụng lưu lượng nước về hồ chứa để khai thác tối đa vào những giờ có giá cao để tối ưu doanh thu.
- Lũy kế tổng doanh thu từ thị trường điện năm 2024 là 31,123 tỷ đồng trong đó: Nhà máy Đa Dâng 2 là 2,653 tỷ đồng, Nhà máy Đa M’bri là 28,470 tỷ đồng. Doanh thu Thị trường điện năm 2024 tăng mạnh 39% so với năm 2023 (năm 2023 là 22,39 tỷ đồng).

## Hoạt động thi công, sửa chữa các tổ máy

Trong năm Công ty đã thực hiện công tác sửa chữa thiết bị các tổ máy theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra như sau:

### Nhà máy Đa M’bri

- Từ 20/03/2024 đến 27/04/2024 hoàn tất thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H1, sửa chữa lớn tổ máy H2. Thực hiện kiểm tra định kỳ tình trạng các thiết bị thuộc cụm tua bin tổ máy H1, H2.

### Nhà máy Đa Dâng 2

- Từ 01/03/2024 đến 19/03/2024 hoàn tất sửa chữa lớn tổ máy H1, kiểm tra, bảo dưỡng tổ máy H2, kết hợp tháo cạn hồ chứa Đa Dâng 2 để kiểm tra tình trạng bồi lắng, kiểm tra vệ sinh sửa chữa mái kênh dẫn nước, kiểm tra đường ống áp lực. Hoàn tất lắp đặt hệ thống rơ le bảo vệ tổ máy, rơ le bảo vệ tuyến đường dây 110kV.

### Nhà máy Đa Siat:

- Từ ngày 03/01/2024 đến 20/02/2024, hoàn tất thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H2 theo kế hoạch, xử lý sự cố phóng điện Stator tổ máy H1 kết hợp thay thế Hệ thống kích từ 02 tổ máy.

### Các hạng mục xây dựng

- Công ty đã có báo cáo kiến nghị HĐQT hủy thầu gói thầu “Hút bùn tại khu vực cửa nhận nước năm 2024” và gói thầu “Tư vấn giám sát thi công hút bùn khu vực cửa nhận nước năm 2024”. Đồng thời triển khai gói thầu hút bùn cục bộ tại khu vực này.
- Từ tháng 5/2024 Công ty triển khai thi công hút bùn cục bộ khu vực trước cửa nhận nước Nhà máy Đa M’bri. Thời gian thi công nạo vét cục bộ từ ngày 16/5/2024 đến ngày 06/10/2024 với tổng khối lượng thi công là 9.426 m³ bùn cát.

## Hoạt động kỹ thuật An toàn và Vệ sinh lao động (ATVSLĐ)

- Thực hiện kiểm tra định kỳ công tác ATVSLĐ tại các Nhà máy.
- Tổ chức huấn luyện và kiểm tra định kỳ kiến thức an toàn điện, ATVSLĐ, huấn luyện sơ cấp cứu cho người lao động theo quy định cho toàn bộ nhân sự thuộc Phòng KTSC và PXSX.
- Trang bị, cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng công việc. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở người lao động sử dụng bảo hộ lao động cá nhân, các dụng cụ an toàn điện như: sào thao tác, găng tay, ủng cách điện, bút thử điện, dây đai an toàn... trong quá trình thực hiện công tác vận hành, sửa chữa.
- Thực hiện công tác vận hành, bảo dưỡng và kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo đúng quy định.
- Tổ chức phổ biến, rút kinh nghiệm từ các sự cố tại Nhà máy cũng như đề ra các giải pháp phòng ngừa trong vận hành, không để sự cố lặp lại.
- Tổ chức diễn tập xử lý sự cố định kỳ hàng quý để kịp thời phát hiện, khắc phục các tồn tại cũng như để người lao động hiểu rõ chức năng nhiệm vụ của mình khi xử lý tình huống, xử lý kịp thời và đúng quy trình khi có sự cố xảy ra.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động, thực hiện quan trắc môi trường lao động tại 3 nhà máy định kỳ và khắc phục các điểm chưa phù hợp theo quy định.
- Tổ chức đánh giá nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động tại 3 nhà máy và đưa ra các biện pháp phòng ngừa.

## Hoạt động phòng cháy chữa cháy (PCCC)

- Tổ chức cho người lao động tham gia huấn luyện nghiệp vụ công tác PCCC khi phòng cảnh sát PCCC tỉnh Lâm Đồng tổ chức.
- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống báo cháy và các phương tiện, thiết bị chữa cháy tại 03 nhà máy theo đúng quy định.

## Hoạt động phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT & TKCN)

- Hoàn tất phương án Ứng phó thiên tai, phương án Ứng phó tình huống khẩn cấp của 3 Nhà máy và được các cơ quan thẩm quyền Nhà nước phê duyệt theo quy định.
- Thực hiện việc báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa, báo cáo đánh giá an toàn đập hồ chứa và báo cáo cơ sở dữ liệu của đập và hồ chứa của 03 Nhà máy đến các cơ quan Nhà nước theo quy định.
- Trước mùa mưa bão năm 2024 đã tổ chức kiểm tra, đánh giá tình trạng làm việc của các thiết bị điện, thiết bị cơ khí thủy công, thiết bị quan trắc đập, thiết bị giám sát mực nước hồ chứa và đã duy tu, sửa chữa, khắc phục các khiếm khuyết.
- Trong tháng 06/2024 đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác PCTT&TKCN năm 2023 và kế hoạch triển khai thực hiện năm 2024.

## Hoạt động tài chính, kế toán

- Lập và nộp đúng thời hạn các báo cáo sau: Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính năm; Báo cáo thống kê tháng, báo cáo thuế, báo cáo quyết toán thuế TNDN năm 2024; Báo cáo định kỳ cho Cục Điều tiết Điện lực, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam hàng quý,...
- Kiểm tra và thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời tất cả các khoản thuế và phí của Công ty, Chi nhánh. Tổng số tiền thuế và phí đã thực hiện nộp trong năm 2024 là 169 tỷ đồng.
- Theo dõi, trả nợ và lãi vay đúng thời hạn tại tất cả các Ngân hàng. Trong năm đã trả nợ vay 105 tỷ đồng, lãi vay 7,385 tỷ đồng. Tổng dư nợ đến cuối năm 2024 là 29 tỷ đồng.
- Cuối năm, Công ty đã tắt toán khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN – BIDV chi nhánh Thống Nhất và khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Vietcombank.

## Hoạt động tín dụng

Tình hình tín dụng thực hiện năm 2024 của khoản vay trung và dài hạn như sau:

ĐVT: triệu đồng

| Ngân hàng            | Dư nợ đầu năm 2024 | Nợ gốc đã trả năm 2024 | Chi phí lãi vay năm 2024 | Dư nợ cuối năm 2024 |
|----------------------|--------------------|------------------------|--------------------------|---------------------|
| VCB - HCM            | 60.000             | 60.000                 | 2.952                    | 0                   |
| Shinhan VN           | 59.000             | 30.000                 | 3.866                    | 29.000              |
| BIDV - CN Thống Nhất | 0                  | 15.273                 | 0,343                    | 0                   |
| <b>Tổng cộng</b>     | <b>119.000</b>     | <b>105.273</b>         | <b>7.161</b>             | <b>29.000</b>       |

## Công tác cổ đông

- Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức trong năm 2024: 301,571 tỷ đồng.
- Thực hiện các thủ tục điều chỉnh thông tin cho 98 Cổ đông. Chuyển quyền thừa kế cho 01 cổ đông. In sổ theo thông tin điều chỉnh cho 77 cổ đông và in cấp lại sổ cho 20 cổ đông.
- Thực hiện công bố thông tin định kỳ và đột xuất đúng nội dung và thời gian quy định.



# 04 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU NĂM 2025

### TỔNG SẢN LƯỢNG

601 triệu kWh

### TỔNG DOANH THU PHÁT ĐIỆN

611,456 tỷ đồng



Ban Tổng Giám đốc sẽ triển khai thực hiện theo phê duyệt của Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ, trong đó kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2025 như sau:

- Nhà máy Đa Siat**

Sản lượng điện: 65 triệu kWh.  
Doanh thu: 77,624 tỷ đồng.
- Nhà máy Đa Dâng 2**

Sản lượng điện: 180 triệu kWh.  
Doanh thu: 142,844 tỷ đồng.
- Nhà máy Đa M’Bri**

Sản lượng điện: 356 triệu kWh.  
Doanh thu: 390,988 tỷ đồng.

### Công tác sửa chữa 3 nhà máy

- Mua sắm van cầu cho Nhà máy Thủy điện Đa Siat.
- Chuyển đổi giao thức 101 – 104 Nhà máy Đa Dâng 2.
- Hoàn tất thay thế các TU trạm 110kV Nhà máy Đa Dâng 2.
- Sửa chữa kênh dẫn nước (tô trát mái kênh) Nhà máy Đa Dâng 2.
- Cải tạo hệ thống DCS Nhà máy và trạm 110kV Nhà máy Đa M’bri.
- Thay thế hệ thống ắc quy, tủ MK2, MK3 Nhà máy Đa M’bri.
- Thi công nạo vét cục bộ khu vực cửa nhận nước Nhà máy Đa M’bri.

## Công tác tín dụng, dòng tiền trong năm 2025

ĐVT: triệu đồng

| Ngân hàng  | Dư nợ đầu năm 2025 | Nợ gốc trả năm 2025 | Chi phí lãi vay năm 2025 | Dư nợ cuối năm 2025 |
|------------|--------------------|---------------------|--------------------------|---------------------|
| Shinhan VN | 29.000             | 29.000              | 0,929                    | 0                   |
| Tổng cộng  | 29.000             | 29.000              | 0,929                    | 0                   |

### Công tác khác

- Tiếp tục triển khai các bước tiếp theo của gói thầu mua sắm van cầu Nhà máy Đa Siat và theo dõi thực hiện hợp đồng gói thầu trang bị Bánh xe Công tác Nhà máy Đa M’bri và các gói thầu khác.
- Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2025.
- Hội nghị Tổng kết công tác PCTT&TKCN năm 2024 và Kế hoạch thực hiện năm 2025.
- Tiếp tục thực hiện hợp đồng đo vẽ phục vụ thuê đất, trả đất các Nhà máy với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng.





## 05 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Ban tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam xác định rằng kiểm soát và cải thiện các chỉ tiêu môi trường, bao gồm tối ưu hóa tiêu thụ nước, năng lượng và giảm phát thải, là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của công ty. Để hiện thực hóa mục tiêu này, công ty không ngừng đầu tư vào công nghệ tiên tiến, áp dụng các giải pháp vận hành hiệu quả và tăng cường giám sát môi trường. Nhờ đó, không chỉ nâng cao hiệu suất sản xuất và tối ưu hóa chi phí vận hành, công ty còn góp phần bảo vệ hệ sinh thái, hướng tới sự phát triển hài hòa giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm môi trường.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

#### Tình hình xây dựng, ban hành các quy định liên quan đến người lao động

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã xây dựng và ban hành hệ thống quy định toàn diện liên quan đến tổ chức, quản lý, điều hành cũng như các chính sách đối với người lao động. Những quy định này không chỉ nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hiệu quả mà còn thể hiện sự quan tâm của Công ty trong việc thực hiện chế độ đãi ngộ, quyền lợi cho người lao động.

Trong suốt những năm qua, các quy định của Công ty

liên quan đến người lao động đã được áp dụng ổn định và nhận được sự đồng thuận cao từ Ban Chấp hành Công đoàn cũng như tập thể người lao động. Đặc biệt, thỏa ước lao động tập thể của Công ty hiện vẫn tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Lao động 2019 và thậm chí còn có một số điều khoản mang lại lợi ích vượt trội cho người lao động. Cụ thể, Công ty đã bổ sung thêm ngày nghỉ có hưởng lương, triển khai chính sách hỗ trợ dành cho người lao động nuôi con nhỏ, cung cấp bảo hiểm tai nạn 24/24, và tổ chức khám sức khỏe định kỳ hai lần mỗi năm nhằm đảm bảo phúc lợi toàn diện cho nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam cũng đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ theo Quyết định số 622/QĐ-CPTĐMN-TH ngày 20/10/2014 và Quy chế đối thoại định kỳ theo Quyết định số 786/QĐ-CPTĐMN-TH ngày 30/12/2014 của Tổng Giám đốc. Việc triển khai đối thoại giữa công ty và người lao động được thực hiện theo Thông báo liên tịch số 115/TBLT-CPTĐMN-CTY.CĐ ngày 30/03/2016 nhằm đảm bảo sự minh bạch, gắn kết nội bộ và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế. Với những chính sách đồng bộ và sự quan tâm sát sao đến quyền lợi của người lao động, Công ty không ngừng củng cố môi trường làm việc chuyên nghiệp, ổn định và gắn kết, tạo động lực để người lao động cống hiến và phát triển bền vững cùng doanh nghiệp.

### Về khen thưởng

Công ty luôn chú trọng đến chính sách khen thưởng nhằm kịp thời động viên, khích lệ tinh thần làm việc của người lao động, qua đó tạo động lực để người lao động không ngừng nỗ lực và cống hiến. Những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, chuyên môn hoặc có đóng góp nổi bật cho sự phát triển của công ty đều được xem xét khen thưởng theo quy định. Chính sách này không chỉ ghi nhận sự đóng góp của người lao động mà còn thúc đẩy văn hóa làm việc tích cực, sáng tạo trong toàn Công ty.

### Về chính sách an toàn lao động

Hàng năm, Công ty luôn chú trọng trang bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ và thiết bị bảo hộ lao động cho nhân sự tại Chi nhánh Lâm Đồng, đặc biệt là đội ngũ sửa chữa và vận hành nhà máy. Việc này nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn, giảm thiểu rủi ro trong quá trình lao động và nâng cao hiệu quả vận hành.

### Về chính sách đào tạo

Công ty luôn tạo điều kiện và khuyến khích người lao động tham gia các chương trình đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công việc cũng như công tác quản lý và vận hành sản xuất kinh doanh. Mọi nhân viên đều có cơ hội học tập, trau dồi kỹ năng để phát triển bản thân và đóng góp hiệu quả hơn vào sự phát triển chung của Công ty.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ban lãnh đạo công ty luôn ý thức rằng trách nhiệm đối với cộng đồng không chỉ là một nghĩa vụ mà còn là cơ hội để tạo dựng mối quan hệ gắn kết, thúc đẩy sự phát triển bền vững và mang lại giá trị lâu dài. Thông qua các chương trình hỗ trợ giáo dục, nâng cao kỹ năng và bảo vệ môi trường, SHP không chỉ đóng góp tích cực cho sự thịnh vượng của cộng đồng mà còn khẳng định uy tín, vị thế của mình tại địa phương.

Trong suốt những năm qua, SHP đã thực hiện nhiều hoạt động xã hội thiết thực, lan tỏa tinh thần tương thân tương ái và sẻ chia. Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình thăm hỏi, hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, chăm lo cho người già neo đơn, trẻ em khuyết tật, cũng như giúp đỡ những người chịu ảnh hưởng nặng nề sau đại dịch. Bên cạnh đó, SHP còn triển khai các hoạt động trồng cây phòng chống lũ lụt, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển hệ sinh thái bền vững. Đặc biệt, mỗi công trình do công ty thực hiện không chỉ mang giá trị kinh tế mà còn thể hiện tâm huyết trong việc xây dựng một cộng đồng thịnh vượng.

Ban Tổng Giám đốc tin rằng những nỗ lực đóng góp cho cộng đồng không chỉ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống mà còn mở ra những cơ hội phát triển mới cho doanh nghiệp, tạo nên mối quan hệ hài hòa, đôi bên cùng có lợi. Hướng đến sự phát triển bền vững, ban lãnh đạo kêu gọi toàn thể nhân viên chung tay biến trách nhiệm xã hội thành một phần cốt lõi trong văn hóa doanh nghiệp, góp phần xây dựng một công ty không chỉ vững mạnh về kinh doanh mà còn tiên phong trong các hoạt động vì cộng đồng.







## **IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

- 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**
- 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**
- 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**



# 01 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2024

Năm 2024 ghi nhận là năm khó khăn và thử thách với yếu tố thời tiết, thủy văn không thuận lợi. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của lực lượng lao động Công ty, đặc biệt là trong công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị tại các nhà máy, công tác vận hành phát điện hợp lý, tận dụng tối đa nguồn nước để chạy máy nên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty tuy không đạt sản lượng điện kế hoạch nhưng đã đạt mức doanh thu, lợi nhuận cao hơn so với kế hoạch mà ĐHQĐĐ đã giao.

| STT       | Nhà máy   | KH năm 2024           |                        | TH năm 2024           |                        | % (+/-) sản lượng TH/KH (2024) | % (+/-) Doanh thu TH/KH (2024) |
|-----------|-----------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
|           |           | Sản lượng (triệu kWh) | Doanh thu (triệu đồng) | Sản lượng (triệu kWh) | Doanh thu (triệu đồng) |                                |                                |
| 1         | Đa Siat   | 67                    | 81.093                 | 60,104                | 71.785                 | (10,29%)                       | (11,48%)                       |
| 2         | Đa Dâng 2 | 189                   | 148.334                | 184,049               | 146.375                | (2,62%)                        | (1,32%)                        |
| 3         | Đa M’bri  | 369                   | 394.371                | 357,103               | 409.872                | (3,22%)                        | 3,93%                          |
| Tổng cộng |           | 625                   | 623.799                | 601,256               | 628.032                | (3,80%)                        | 0,68%                          |

Tổng sản lượng: 601,256 triệu kWh (cùng kỳ nhiều năm là 642,499 triệu kWh), bằng 96,2% kế hoạch năm 2024.  
Tổng doanh thu phát điện: 628.032 triệu đồng (cùng kỳ nhiều năm là 635.960 triệu đồng), bằng 100,68% kế hoạch năm 2024.  
Trong đó:

### Nhà máy Đa Siat:

Sản lượng điện: 60,104 triệu kWh (cùng kỳ nhiều năm là 67,313 triệu kWh), bằng 89,71% kế hoạch năm 2024.  
Doanh thu: 71,784 tỷ đồng (cùng kỳ nhiều năm là 71,801 tỷ đồng), bằng 88,52% kế hoạch năm 2024.

### Nhà máy Đa Dâng 2:

Sản lượng điện: 184,048 triệu kWh (cùng kỳ nhiều năm là 188,931 triệu kWh), bằng 97,38% kế hoạch năm 2024.  
Doanh thu: 146,375 tỷ đồng (cùng kỳ nhiều năm là 146,112 tỷ đồng), bằng 98,68% kế hoạch năm 2024.

### Nhà máy Đa M’Bri:

Sản lượng điện: 357,102 triệu kWh (cùng kỳ nhiều năm là 386,255 triệu kWh), bằng 96,78% kế hoạch năm 2024.  
Doanh thu: 409,872 tỷ đồng (cùng kỳ nhiều năm là 418,047 tỷ đồng), bằng 103,93% kế hoạch năm 2024.

## Về công tác môi trường và xã hội

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam luôn coi bảo vệ môi trường là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Ban lãnh đạo không ngừng giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định về quản lý môi trường, đồng thời khuyến khích toàn thể nhân viên nâng cao ý thức và trách nhiệm đối với hệ sinh thái xung quanh. SHP tự hào duy trì một môi trường làm việc sạch sẽ, ngăn nắp, thể hiện sự tôn trọng và cam kết gìn giữ thiên nhiên.

Nhằm đảm bảo chất lượng môi trường tại các khu vực sản xuất, công ty định kỳ thực hiện quan trắc môi trường theo quy định, thu thập và phân tích dữ liệu về chất lượng không khí, nước mặt, nước ngầm và nước thải. Mọi chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa đều được thu gom và xử lý nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn an toàn môi trường, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

Bên cạnh đó, công ty phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Lâm Đồng cùng các trạm khí tượng thủy văn nhằm đảm bảo hài hòa giữa lợi ích phát điện, phòng chống lũ và cung cấp nước cho vùng hạ lưu. Trước, trong và sau mùa mưa bão, công tác kiểm tra và tuần tra khu vực hạ lưu hồ chứa được triển khai nghiêm ngặt để đảm bảo an toàn tối đa. Trong quá trình điều tiết lũ, ban lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo tại trung tâm điều hành, đảm bảo mọi quyết định được thực hiện nhanh chóng, chính xác, giúp giảm thiểu rủi ro cho cộng đồng và môi trường xung quanh.

Ngoài ra, công ty luôn cập nhật liên tục và chính xác thông tin về tình hình hồ chứa và vùng hạ lưu, đảm bảo sự minh bạch và chủ động trong công tác điều hành. Việc kiểm tra hành lang an toàn hồ chứa cũng là nhiệm vụ quan trọng, đặc biệt vào mùa khô, công ty chủ động phối hợp với các cơ quan địa phương để lập kế hoạch sử dụng nước hợp lý, tối ưu hóa hiệu quả khai thác, vừa đáp ứng nhu cầu sản xuất, vừa bảo vệ nguồn tài nguyên quý giá cho thế hệ tương lai.





## 02 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2024, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc và đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao phó như:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên năm 2023, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2023; Báo cáo tài chính hàng quý;
- Thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2023 gồm: tạm ứng cổ tức 10% vào ngày 21/3/2024 và chi trả phần cổ tức còn lại 20% vào ngày 25/10/2024.
- Tổng kết tình hình hoạt động năm 2023 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024;
- Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty để công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD được tinh gọn và mang lại hiệu quả hơn;
- Chỉ đạo thực hiện rà soát lại việc phân cấp ban hành các quy chế quản lý nội bộ trong Công ty, phân cấp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành;
- HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý Công ty.

## 03 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam và căn cứ định hướng trung hạn của Công ty, Hội đồng quản trị đề ra các mục tiêu kế hoạch trọng tâm trong năm 2025 như sau:

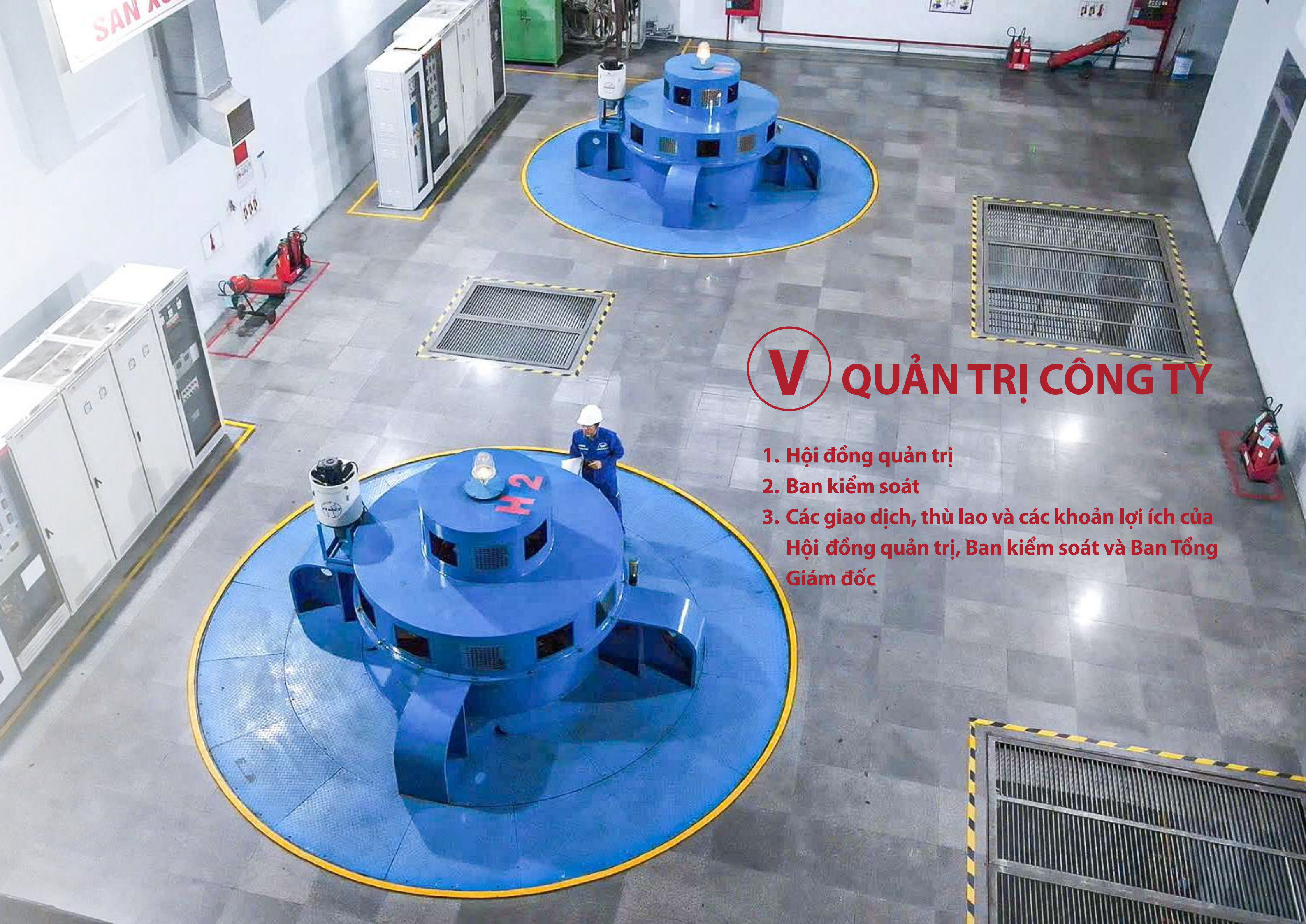
- Phấn đấu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2025.
- Củng cố, kiện toàn cơ cấu tổ chức quản lý để hoạt động hiệu quả.
- Xây dựng, đổi mới và hoàn thiện các quy trình, quy định phù hợp với tình hình thực tiễn và cơ cấu tổ chức quản lý mới.
- Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác sản xuất và quản trị Công ty.
- Giám sát công tác nạo vét bồi lắng khu vực cửa nhận nước hồ chứa Đa M'brì của đơn vị nạo vét để đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, ổn định.
- Giảm thời gian dừng máy do sự cố.
- Cam kết tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2025, mang lại giá trị cho tất cả các bên liên quan.
- Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, loại bỏ hoàn toàn rủi ro tai nạn lao động.

### Về kế hoạch lợi nhuận:

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 329.012 triệu đồng (kế hoạch 2024 là 310.638 triệu đồng) bằng 105,91% kế hoạch năm 2024.
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 295.931 triệu đồng (kế hoạch 2024 là 279.574 triệu đồng) bằng 105,85% kế hoạch năm 2024.







## **V** QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc





# 01 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## DANH DÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên              | Chức vụ                                               | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Ông Trác Thanh Điền     | Chủ tịch HĐQT chuyên trách (bổ nhiệm ngày 25/04/2024) | 6.419              | 0,0063%      |
| 2   | Ông Võ Văn Trãi         | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc                    | 1.604              | 0,0016%      |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh | Thành viên HĐQT                                       | 0                  | 0%           |
| 4   | Ông Nguyễn Văn Thịnh    | Thành viên HĐQT                                       | 442.800            | 0,438%       |
| 5   | Ông Lê Tuấn Hải         | Thành viên HĐQT độc lập                               | 0                  | 0%           |
| 6   | Ông Nguyễn Trọng Tam    | Thành viên HĐQT độc lập                               | 600                | 0,0005%      |
| 7   | Ông Trịnh Phi Anh       | Thành viên HĐQT                                       | 1.080              | 0,0011%      |

(\*) Số lượng cổ phiếu SHP do các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát đứng đại diện cho các tổ chức góp vốn vào SHP đã được đề cập chi tiết tại trang 26 Báo cáo này.

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm qua, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam chưa thành lập tiểu ban Hội đồng quản trị.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị, với vai trò bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư và cổ đông hiện hữu, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Phối hợp chặt chẽ cùng Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị không ngừng giám sát và triển khai các nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Mỗi quyết định đều được cân nhắc kỹ lưỡng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, quy chế nội bộ và Điều lệ của SHP. Hơn nữa, Hội đồng quản trị luôn chủ động theo dõi và cập nhật những biến chuyển của Luật Doanh nghiệp cũng như tình hình vĩ mô trong nước và quốc tế, nhằm kịp thời điều chỉnh chiến lược và đưa ra các quyết định phù hợp, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững cho Công ty.

| STT | Thành viên HĐQT         | Chức vụ                            | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------------|------------------------------------|--------------------------|---------------|-------------------------|
| 1   | Ông Trác Thanh Điền     | Chủ tịch HĐQT chuyên trách         | 5/5                      | 100%          | -                       |
| 2   | Ông Võ Văn Trãi         | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 5/5                      | 100%          | -                       |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh | Thành viên HĐQT                    | 9/9                      | 100%          | -                       |
| 4   | Ông Nguyễn Văn Thịnh    | Thành viên HĐQT                    | 9/9                      | 100%          | -                       |
| 5   | Ông Lê Tuấn Hải         | Thành viên HĐQT độc lập            | 9/9                      | 100%          | -                       |
| 6   | Ông Nguyễn Trọng Tam    | Thành viên HĐQT độc lập            | 9/9                      | 100%          | -                       |
| 7   | Ông Trịnh Phi Anh       | Thành viên HĐQT                    | 5/5                      | 100%          | -                       |



Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã tiến hành 09 cuộc họp và 07 lần lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | 03/NQ-SHP-HĐQT            | 12/01/2024 | <b>Nghị quyết kỳ họp lần 12 – Nhiệm kỳ V</b><br><br>HĐQT Thống nhất thông qua các nội dung sau:<br>1. Về nội dung sử dụng con dấu dưới hình thức chữ ký số:<br>- Chấp thuận việc Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam và Chi nhánh Công ty tại Lâm Đồng sử dụng thêm con dấu dưới hình thức chữ ký số và triển khai thực hiện thông qua dịch vụ chứng thực chữ ký số được cung cấp bởi đơn vị được cấp phép theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hình ảnh của con dấu dưới hình thức chữ ký số phải được thể hiện tương tự nội dung mẫu dấu khắc đang sử dụng của Công ty và Chi nhánh Công ty tại Lâm Đồng.<br><br>2. Về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty và việc ban hành quy chế quản lý nội bộ:<br>Ban điều hành rà soát và báo cáo lại Hội đồng quản trị các nội dung sau:<br>- Ban điều hành nghiên cứu, sắp xếp lại mô hình cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Công ty để phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo điều hành được chặt chẽ, nhanh chóng, kịp thời và mang lại hiệu quả.<br>- Ban điều hành xem xét lại việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty chỉ ở hai cấp ban hành là Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.<br><br>3. Về tạm ứng cổ tức năm 2023:<br>- Thống nhất thông qua chốt ngày đăng ký cuối cùng về thời gian chi trả tạm ứng cổ tức năm 2023 theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số số 988/TTr-SHP-TCKT ngày 27/12/2023.<br><br>4. Một số nội dung chỉ đạo Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành, xây dựng kế hoạch năm 2024 và nội dung khác. | 100%            |
|     |                           |            | <b>Quyết định của HĐQT (căn cứ NQ số 03/NQ-SHP-HĐQT ngày 12/01/2024 và dùng để CBTT)</b><br>Thống nhất chốt ngày đăng ký cuối cùng và thời gian thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm 2023 như sau:<br>- Ngày đăng ký cuối cùng: 26/02/2024<br>- Tỷ lệ tạm ứng cổ tức: 10% (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)<br>- Hình thức chi trả: Bằng tiền<br>- Thời gian thực hiện: Từ ngày 07/03/2024<br>Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |
|     |                           |            | <b>Quyết định của HĐQT (căn cứ NQ số 03/NQ-SHP-HĐQT ngày 12/01/2024 và dùng để CBTT)</b><br>Chấp thuận việc CTCP Thủy Điện Miền Nam và Chi nhánh Công ty tại Lâm Đồng sử dụng thêm con dấu dưới hình thức chữ ký số và triển khai thực hiện thông qua dịch vụ chứng thực chữ ký số được cung cấp bởi đơn vị được cấp phép theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hình ảnh của con dấu dưới hình thức chữ ký số phải được thể hiện tương tự nội dung mẫu dấu khắc đang sử dụng của Công ty và Chi nhánh Công ty tại Lâm Đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |
|     |                           |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                 |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 4   | 09/QĐ-SHP-HĐQT            | 26/02/2024 | <b>Quyết định của HĐQT thông qua nội dung bằng hình thức lấy ý kiến TV.HĐQT bằng văn bản:</b><br>Thống nhất dời chốt ngày đăng ký cuối cùng và thời gian thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm 2023 như sau:<br>- Ngày đăng ký cuối cùng: 12/03/2024<br>- Tỷ lệ thực hiện: 10% (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)<br>- Hình thức chi trả: Bằng tiền<br>- Thời gian thực hiện: Từ ngày 21/03/2024<br>- Lý do: Chưa hoàn tất thủ tục pháp lý với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nên ngày đăng ký cuối cùng (theo Quyết định số 04/QĐ-SHP-HĐQT ngày 12/01/2024 của Hội đồng quản trị) không thể thực hiện được vào ngày 26/02/2024.<br>Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.                                                         | 100%            |
|     |                           |            | <b>Nghị quyết của HĐQT thông qua nội dung bằng hình thức lấy ý kiến TV.HĐQT bằng văn bản:</b><br>Thống nhất tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 với các nội dung:<br>Chốt ngày đăng ký cuối cùng và ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 như sau:<br>- Ngày đăng ký cuối cùng danh sách cổ đông tham dự họp: 26/03/2024<br>- Ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024: 25/04/2024<br>(Ghi chú: Địa điểm họp sẽ được thông báo tới Quý cổ đông trong Thư mời họp).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |
| 5   | 12/NQ-SHP-HĐQT            | 04/03/2024 | <b>Nghị quyết kỳ họp lần 13 – Nhiệm kỳ V:</b><br>HĐQT Thống nhất thông qua các nội dung sau<br><br>1. Phê duyệt quyết toán Quỹ lương thực hiện năm 2023 của Người lao động và Người quản lý Công ty.<br><br>2. Về nội dung mô hình cơ cấu tổ chức, bộ máy: - Thông qua phương án chọn (PA1) như đề xuất của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 141/TTr-SHP-TH ngày 29/02/2024. Ban điều hành xây dựng sơ đồ tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận theo phương án chọn để trình HĐQT xem xét trước 15/6/2024.<br><br>3. Về vấn đề giao dịch với các bên liên quan:<br>- Thông qua các giao dịch dự kiến với các bên liên quan theo như đề nghị của Tổng Giám đốc tại tờ trình số 170/TTr-SHP-TCKT ngày 06/03/2024.<br><br>4. Một số nội dung chỉ đạo Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành, về cập nhật, hiệu chỉnh dự thảo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024. | 100%            |
|     |                           |            | Quyết định của HĐQT (căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2024) về phê duyệt quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2023 của Người lao động và Người quản lý SHP.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |
| 7   | 16/QĐ-SHP-HĐQT            | 14/03/2024 | Quyết định của HĐQT (căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2024) về thông qua các giao dịch dự kiến giữa Công ty với các Công ty có liên quan dùng để CBTT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 100%            |
| 8   | 17/QĐ-SHP-HĐQT            | 14/03/2024 | Quyết định của HĐQT (căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2024) về thông qua các giao dịch dự kiến giữa Công ty với các Công ty có liên quan dùng để CBTT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 100%            |



| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 9   | 21/NQ-SHP-HĐQT            | 03/04/2024 | <b>Nghị quyết kỳ họp lần 14 – Nhiệm kỳ V:</b><br>HĐQT thống nhất thông qua các nội dung sau:<br><br>1. Về nội dung Dự thảo tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024:<br>- Thông qua các dự thảo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024;<br>- Ban điều hành thực hiện công bố thông tin về tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 trong ngày 04/4/2024.<br><br>2. Một số nội dung chỉ đạo Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành.                                                                                                                                                                                                                                                                              | 100%            |
|     |                           |            | <b>Nghị quyết kỳ họp lần 15 – Nhiệm kỳ V:</b><br>HĐQT thống nhất thông qua các nội dung sau:<br><br>1. Thông qua danh sách 03 ứng viên được đề cử từ cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 theo như Báo cáo số 277/BC-SHP-TCKT ngày 22/4/2024 của Tổng Giám đốc. HĐQT mới (sau khi được ĐHĐCĐ thường niên 2024 bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027) sẽ họp để phân công/chỉ định bổ sung 01 thành viên HĐQT đáp ứng điều kiện trong số các thành viên HĐQT làm thành viên HĐQT độc lập.<br><br>2. Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với ông Trương Thanh Bình kể từ ngày 29/4/2024 theo nguyện vọng và theo đề nghị của Tổng Giám đốc.<br><br>3. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu kiểm toán nội bộ năm 2024. |                 |
| 10  | 32/NQ-SHP-HĐQT            | 22/04/2024 | Quyết định của HĐQT dùng để CBTT (căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-SHP-HĐQT ngày 22/04/2024) thông qua danh sách gồm 03 ứng viên được đề cử từ cổ đông để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam (SHP) bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ V 2022 – 2027) gồm: Trác Thanh Điền, Võ Văn Trãi, Trịnh Phi Anh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100%            |
| 12  | 34/QĐ-SHP-HĐQT            | 22/4/2024  | Quyết định của HĐQT dùng để CBTT (căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-SHP-HĐQT ngày 22/04/2024) miễn nhiệm Phó TGD Trương Thanh Bình kể từ ngày 29/04/2024 theo nguyện vọng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100%            |
| 13  | 35/QĐ-SHP-HĐQT            | 22/04/2024 | Quyết định của HĐQT (căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-SHP-HĐQT ngày 22/04/2024) phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu kiểm toán nội bộ năm 2024                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 100%            |
| 14  | 40/NQ-SHP-HĐQT            | 25/04/2024 | <b>Nghị quyết kỳ họp lần 16 – Nhiệm kỳ V:</b><br>HĐQT Thống nhất thông qua các nội dung sau:<br><br>1. Bầu ông: Trác Thanh Điền, Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh làm Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách nhiệm kỳ V (2022 – 2027) của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam (thay thế ông Đoàn Đức Hưng).<br><br>2. Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam từ ông Đoàn Đức Hưng – Chủ tịch Hội đồng quản trị sang ông Võ Văn Trãi – Tổng Giám đốc. Việc thay đổi người đại diện theo pháp luật căn cứ theo Nghị quyết số 38/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và không làm thay đổi Điều lệ Công ty.                                                       | 100%            |
|     |                           |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 15  | 45/ NQ-SHP- HĐQT          | 29/5/2024 | <b>Nghị quyết kỳ họp lần 17 – Nhiệm kỳ V:</b><br>HĐQT Thống nhất thông qua các nội dung sau:<br><br>1. Kế hoạch thực hiện bầu/chỉ định bổ sung 01 thành viên HĐQT độc lập.<br><br>2. Phê duyệt kế hoạch chi hoạt động năm 2024<br><br>3. Phê duyệt Quỹ lương kế hoạch năm 2024 của Người quản lý, Người lao động Công ty.<br><br>4. Về mức lương đóng BHXH, BHYT, BHTN của Chủ tịch HĐQT chuyên trách.<br><br>5. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hạng mục: Cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2024 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.<br><br>6. Một số nội dung mang tính định hướng, chủ trương để giao Ban điều hành Công ty nghiên cứu và báo cáo HĐQT.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100%            |
|     |                           |           | <b>Nghị quyết của HĐQT thông qua nội dung bằng hình thức lấy ý kiến TV.HĐQT bằng văn bản:</b><br>Hội đồng quản trị (HĐQT) thống nhất thông qua các nội dung sau:<br><br>1. Thông qua Dự thảo “Quy định về cơ cấu tổ chức quản lý của SHP”.<br><br>2. Để sắp xếp lại mô hình cơ cấu tổ chức quản lý SHP phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo điều hành được chặt chẽ, nhanh chóng, kịp thời, mang lại hiệu quả, phù hợp với nhu cầu phát triển, HĐQT quyết định:<br><br>2.1. Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam tại Lâm Đồng. Chuyển trụ sở hiện tại của Chi nhánh tại địa chỉ: số 51A, Nguyễn Văn Trỗi, Phường 2, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam thành “Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam tại Lâm Đồng”. Người đứng đầu Địa điểm kinh doanh tại Lâm Đồng là Tổng Giám đốc.<br><br>2.2. Giao Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động của Chi nhánh tại Lâm Đồng và đăng ký “Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam tại Lâm Đồng” với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.<br><br>2.3. Giao Tổng Giám đốc chủ động tổ chức rà soát, sắp xếp lại lao động hiện hữu cho phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty, mang lại hiệu quả, phục vụ công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.<br><br>2.4. Quy định về thực hiện chuyển tiếp:<br>- Công ty tiếp tục duy trì thực hiện mô hình cơ cấu tổ chức quản lý như hiện nay kể từ ngày HĐQT ban hành Nghị quyết này cho đến khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật về chấm dứt hoạt động của Chi nhánh tại Lâm Đồng và đăng ký Địa điểm kinh doanh tại Lâm Đồng (như nêu tại khoản 2.2 ở trên). Trên cơ sở hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật, Tổng Giám đốc quyết định thời điểm Công ty chính thức áp dụng mô hình cơ cấu tổ chức quản lý mới được HĐQT phê duyệt và báo cáo HĐQT về việc thực hiện này.<br><br>3. Thông qua nội dung liên quan đến việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT và phân cấp ban hành cho Tổng Giám đốc. | 85,71%          |
| 16  | 48/ NQ-SHP- HĐQT          | 21/6/2024 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 71,42%          |



| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 17  | 49/<br>QĐ-SHP-HĐQT           | 21/6/2024  | Quyết định của HĐQT về chấm dứt hoạt động của CNLĐ và chuyển thành Địa điểm kinh doanh của SHP tại Lâm Đồng dùng để CBTT (căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-SHP-HĐQT ngày 21/6/2024).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 71,42%          |
| 18  | 50/<br>QĐ-SHP-HĐQT           | 21/6/2024  | Quyết định của HĐQT ban hành quy định cơ cấu tổ chức quản lý SHP (căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-SHP-HĐQT ngày 21/6/2024).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 71,42%          |
| 19  | 53/<br>QĐ-SHP-HĐQT           | 26/7/2024  | <b>Quyết định của HĐQT thông qua nội dung bằng hình thức lấy ý kiến TV.HĐQT bằng văn bản:</b><br>Bầu/chỉ định ông Lê Tuấn Hải – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện miền Nam (SHP) nhiệm kỳ 2022 – 2027 làm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị SHP nhiệm kỳ 2022 – 2027.                                                                                                                                                                                                                                                                 | 100%            |
| 20  | 57/<br>QĐ-SHP-HĐQT           | 17/9/2024  | <b>Nghị quyết kỳ họp lần 18 – Nhiệm kỳ V:</b><br>HĐQT thông qua các nội dung sau:<br>Thống nhất chốt ngày đăng ký cuối cùng và thời gian thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 (đợt cuối) từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:<br>- Ngày đăng ký cuối cùng: 14/10/2024<br>- Tỷ lệ thực hiện: 20% (01 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng)<br>- Hình thức chi trả: Bằng tiền<br>- Thời gian thực hiện: Từ ngày 25/10/2024<br>Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định. | 100%            |
| 21  | 61/<br>QĐ-SHP-HĐQT           | 17/10/2024 | <b>Quyết định kỳ họp lần 19 – Nhiệm kỳ V:</b><br>HĐQT thông qua các nội dung sau:<br>Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc gói thầu: Cung cấp thiết bị và dịch vụ kèm theo, lô 01: Cung cấp bánh xe công tác nhà máy thủy điện Đa M’Bri, hạng mục: Trang bị bánh xe công tác nhà máy thủy điện Đa M’Bri.                                                                                                                                                                                                                                     | 100%            |
| 22  | 64/<br>NQ-SHP-HĐQT           | 24/10/2024 | <b>Nghị quyết kỳ họp lần 20 – Nhiệm kỳ V:</b><br>HĐQT thông qua các nội dung sau:<br>- Ban điều hành khẩn trương cung cấp, bổ sung các thông tin theo như yêu cầu của Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp bánh xe công tác nhà máy Đa M’Bri (Lô 1).<br>- Trên cơ sở tài liệu do Ban điều hành cung cấp bổ sung, Tổ thẩm định có trách nhiệm xem xét và hoàn thành Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp bánh xe công tác nhà máy Đa M’Bri (Lô 1) chậm nhất là ngày 28/10/2024 để trình HĐQT xem xét phê duyệt.                     | 100%            |
| 23  | 68/<br>NQ-SHP-HĐQT           | 29/10/2024 | <b>Nghị quyết của HĐQT thông qua nội dung bằng hình thức lấy ý kiến TV.HĐQT bằng văn bản:</b><br>- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Lô 1 thuộc Gói thầu: Cung cấp thiết bị và dịch vụ kèm theo - Lô 01: Cung cấp bánh xe công tác nhà máy thủy điện Đa M’Bri.<br>- Hạng mục: Trang bị bánh xe công tác nhà máy thủy điện Đa M’Bri.                                                                                                                                                                                                                         | 100%            |
| 24  | 69/<br>QĐ-SHP-HĐQT           | 29/10/2024 | <b>Quyết định của HĐQT</b> (ban hành căn cứ NQ số 68/NQ-SHP-HĐQT ngày 29/10/2024 để đăng thông tin đấu thầu):<br>- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Lô 1 thuộc Gói thầu: Cung cấp thiết bị và dịch vụ kèm theo - Lô 01: Cung cấp bánh xe công tác nhà máy thủy điện Đa M’Bri<br>- Hạng mục: Trang bị bánh xe công tác nhà máy thủy điện Đa M’Bri.                                                                                                                                                                                                          | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 25  | 70/<br>QĐ-SHP-HĐQT           | 01/11/2024 | Quyết định của HĐQT ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam được hợp nhất nội dung giữa bản Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2023 của Hội đồng quản trị và nội dung sửa đổi theo Nghị quyết số 38/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông).         | 100%            |
| 26  | 71/<br>QĐ-SHP-HĐQT           | 01/11/2024 | Quyết định của HĐQT ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam được hợp nhất nội dung giữa bản Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-SHP-HĐQT ngày 29/11/2021 của Hội đồng quản trị và nội dung sửa đổi theo Nghị quyết số 38/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông).         | 100%            |
| 27  | 72/<br>QĐ-SHP-HĐQT           | 01/11/2024 | Quyết định của HĐQT ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam được hợp nhất nội dung giữa bản Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-SHP-HĐQT ngày 29/11/2021 của Hội đồng quản trị và nội dung sửa đổi theo Nghị quyết số 38/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông) | 100%            |
| 28  | 72/SHP-HĐQT                  | 30/12/2024 | <b>Văn bản HĐQT</b> (trên cơ sở lấy ý kiến TV.HĐQT bằng văn bản) để trả lời Tổng Giám đốc nội dung kiến nghị về đàm phán Qc năm 2025 của nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M’Bri với Công ty Mua bán điện.                                                                                                                                      | 100%            |

### HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị của Công ty SHP gồm 07 thành viên, trong đó 02 thành viên độc lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với ông Đoàn Đức Hưng và bầu bổ sung 03 người gồm các ông: Trác Thanh Điền, Võ Văn Trãi, Trịnh Phi Anh làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 kể từ khi kết thúc hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 25/4/2024. Các thành viên HĐQT tham gia vào các hoạt động hoạch định chiến lược, kiểm soát tuân thủ, phản biện, và đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực. Sự tham gia của thành viên độc lập HĐQT giúp duy trì sự minh bạch trong quá trình tổ chức và hoạt động của công ty.

#### Đánh giá về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024

Trong năm 2024, HĐQT đã tiến hành 09 cuộc họp và 07 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Các Thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp, biểu quyết đầy đủ các văn bản lấy ý kiến, thảo luận, phản biện, có ý kiến về các vấn đề cần đưa ra thảo luận và cân trọng đưa ra những quyết định, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Định kỳ hằng quý trong năm, HĐQT đều tổ chức họp để đánh giá, cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và đưa ra các quyết sách phù hợp tình hình hoạt động và chiến lược phát triển công ty.

Theo sự phân công nội bộ, SHP phân công chủ tịch HĐQT sẽ phụ trách chung, 02 Thành viên HĐQT sẽ phụ trách mảng Kế hoạch SXKD, ĐTXD và chiến lược phát triển, 01 Thành viên HĐQT phụ trách mảng Quản lý tài chính, kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro, 01 thành viên HĐQT phụ trách mảng Nhân sự, lương thưởng, lĩnh vực kỹ thuật liên quan của nhà máy. Trong năm 2024, HĐQT Công ty CP Thủy điện Miền Nam đã hoạt động theo đúng các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ, đảm bảo sự tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, đảm bảo sự minh bạch và các thông lệ quản trị. Các cuộc họp HĐQT trong năm được triển khai đúng tinh thần của Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các vấn đề công bố thông tin. Tài liệu cuộc họp HĐQT, bao gồm: thông báo, chương trình, tài liệu... và văn bản lấy phiếu ý kiến đều được gửi đầy đủ, đúng hạn đến các TV HĐQT, BKS trước khi dự họp. Các nội dung trong cuộc họp được báo cáo, thảo luận, đánh giá đầy đủ trên tinh thần công khai, công bằng và minh bạch. Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT. Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp luôn phù hợp với các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Tất cả các biên bản cuộc họp trực tiếp cũng như lấy ý kiến bằng văn bản đều đạt đồng thuận cao và đầy đủ tất cả chữ ký của các thành viên HĐQT. Các thành viên HĐQT luôn thực hiện công việc với tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp cao, đồng thời đảm bảo nguyên tắc cân trọng trong việc thực hiện vai trò thành viên HĐQT của mình.



### Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Danh sách các thành viên đã tham gia khóa đào tạo và được cấp chứng nhận về quản trị được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước công nhận:

| STT | Họ và tên        | Chức vụ                                      |
|-----|------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Văn Thịnh | Thành viên Hội đồng quản trị                 |
| 2   | Lê Thanh Hải     | Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty |







## 02 BAN KIỂM SOÁT

### Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị về các công tác như: tổng kết hoạt động SXKD năm 2023, kế hoạch năm 2024; chuẩn bị nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024; xem xét tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị đều được gửi đến Ban kiểm soát.
- Ban Kiểm soát phối hợp với HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định, quy chế quản trị của công ty.
- Xem xét Báo cáo Tài chính năm 2023 và thực hiện báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2023 trình Đại hội cổ đông thường niên 2024.
- Xem xét Báo cáo tài chính quý I, quý II, quý III của năm 2024, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024, kiểm tra và giám sát tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2024, số liệu ước tính của kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Soát xét một số nội dung liên quan tuân thủ quy trình đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn.
- Xem xét, thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cổ đông, nhóm cổ đông có tỉ lệ sở hữu như quy định của Điều lệ công ty về các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành và liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2024, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư hay phản ánh nào của cổ đông, nhóm cổ đông liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

### Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2024, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã tổ chức 04 cuộc họp.  
**Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:**

| STT | Ngày       | Nội dung                                                     | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | 26/02/2024 | V/v soát xét báo cáo soát xét BCTC năm 2023                  | 100%            |
| 2   | 01/04/2024 | Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024            | 100%            |
| 3   | 08/08/2024 | Thông qua kết quả giám sát kiểm toán Deloitte 06 tháng 2024  | 100%            |
| 4   | 17/12/2024 | Thông qua kết quả HĐSXKD 2024 và chương trình kiểm soát 2025 | 100%            |

**Rà soát danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm:** Không có.

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên            | Chức vụ        | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------------|----------------|--------------------------|--------------|
| 1   | Ông Võ Thái           | Trưởng BKS     | 50.000                   | 0,0494%      |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Thu Huệ | Thành viên BKS | 0                        | 0%           |
| 3   | Ông Mai Quang Trung   | Thành viên BKS | 0                        | 0%           |

### Hoạt động của Ban Kiểm soát

| STT | Thành viên BKS        | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|-----------------------|---------------------|-------------------|------------------|
| 1   | Ông Võ Thái           | 4/4                 | 100%              | 100%             |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Thu Huệ | 4/4                 | 100%              | 100%             |
| 3   | Ông Mai Quang Trung   | 4/4                 | 100%              | 100%             |



03 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

| STT               | Họ và tên               | Chức danh                                              | Thu nhập, thù lao, lương, thưởng (VNĐ) |             |
|-------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------|
|                   |                         |                                                        | 2023                                   | 2024        |
| Hội đồng quản trị |                         |                                                        |                                        |             |
| 1                 | Ông Trác Thanh Điền     | Chủ tịch HĐQT chuyên trách                             | -                                      | 432.000.000 |
| 2                 | Ông Đoàn Đức Hưng       | Chủ tịch HĐQT<br>(tính đến ngày 25/04/2024)            | 112.925.100                            | 57.653.000  |
| 3                 | Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh | Thành viên HĐQT                                        | 56.984.000                             | 119.517.000 |
| 4                 | Ông Nguyễn Trọng Tam    | Thành viên HĐQT độc lập                                | 96.202.300                             | 124.076.000 |
| 5                 | Ông Nguyễn Văn Thịnh    | Thành viên HĐQT                                        | 105.278.400                            | 124.076.000 |
| 6                 | Ông Lê Tuấn Hải         | Thành viên HĐQT độc lập                                | 105.278.400                            | 124.076.000 |
| 7                 | Ông Võ Văn Trãi         | Thành viên HĐQT kiêm<br>Tổng Giám đốc                  | 515.748.100                            | 659.696.200 |
| 8                 | Ông Trịnh Phi Anh       | Thành viên HĐQT                                        | -                                      | 73.600.000  |
| Ban kiểm soát     |                         |                                                        |                                        |             |
| 1                 | Ông Võ Thái             | Trưởng Ban kiểm soát                                   | 105.278.400                            | 124.076.000 |
| 2                 | Bà Nguyễn Thị Thu Huệ   | Thành viên Ban kiểm soát                               | 96.117.600                             | 122.886.000 |
| 3                 | Ông Mai Quang Trung     | Thành viên Ban kiểm soát                               | 96.117.600                             | 122.886.000 |
| Ban Tổng Giám đốc |                         |                                                        |                                        |             |
| 1                 | Ông Võ Văn Trãi         | Đã đề cập tại phần thông tin Hội đồng quản trị (STT 7) |                                        |             |
| 2                 | Ông Đào Hoàng Dũng      | Phó Tổng Giám đốc                                      | 534.552.655                            | 509.977.600 |
| 3                 | Ông Trương Thanh Bình   | Phó Tổng Giám đốc                                      | 485.081.227                            | 215.577.600 |
| 4                 | Bà Nguyễn Thành Tú Anh  | Kế toán trưởng                                         | 480.604.800                            | 465.631.200 |

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ                                                  | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |         | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ...) |
|-----|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|----------------------------|---------|------------------------------------------------------|
|     |                           |                                                                           | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ   | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ   |                                                      |
| 1   | Võ Văn Trãi               | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật Công ty | 0                         | 0%      | 1.604                      | 0,0016% | Mua                                                  |
| 2   | Trác Thanh Điền           | Chủ tịch HĐQT chuyên trách                                                | 1.519                     | 0,0015% | 6.419                      | 0,0063% | Mua                                                  |

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) đã tích cực tham gia nhiều hội thảo và chương trình đào tạo quan trọng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và các Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức nhằm nâng cao năng lực quản trị công ty và tuân thủ các quy định pháp lý. Đáng chú ý, SHP đã tham dự hội thảo đào tạo trực tuyến về quản trị công ty và quản lý rủi ro hiệu quả do UBCKNN phối hợp với Đại sứ quán Úc và Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc (ASIC) tổ chức. Sự kiện này mang đến nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là các giải pháp kiểm soát rủi ro để phát triển thị trường bền vững.

Bên cạnh đó, SHP cũng tham gia khóa học “Quản trị công ty cổ phần trong bối cảnh hội nhập thị trường vốn và nâng hạng thị trường chứng khoán” do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán tổ chức. Khóa học đã cung cấp những kiến thức quan trọng giúp SHP nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế trong bối cảnh thị trường vốn ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng.

Ngoài ra, SHP còn góp mặt tại hội thảo chuyên đề về Quy định pháp lý về Quản trị công ty, Nghĩa vụ công bố thông tin và tầm quan trọng của quan hệ nhà đầu tư (IR), diễn ra tại TP.HCM và Cần Thơ. Chương trình này giúp công ty cập nhật những quy định pháp lý mới nhất liên quan đến quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin minh bạch và chiến lược IR nhằm nâng cao niềm tin của nhà đầu tư.

Qua các sự kiện này, SHP đã tiếp thu nhiều bài học giá trị về quản trị doanh nghiệp hiện đại, tăng cường tính minh bạch, cải thiện công tác quản lý rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động điều hành. Những kiến thức này không chỉ giúp SHP tuân thủ tốt hơn các quy định pháp lý mà còn tạo nền tảng vững chắc để công ty phát triển bền vững trong tương lai.



Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                              | Mối quan hệ liên quan với Công ty                                                               | Số giấy NSH                                                                     | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                                 | Số Quyết định thông qua                                                                                                                                               | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1   | Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH                              | Cổ đông lớn                                                                                     | Số 0300942001 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tp.HCM cấp ngày 07/04/2010               | 72 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam                            | <ul style="list-style-type: none"><li>Quyết định số 09/QĐ-SHP-HĐQT ngày 26/02/2024 của HĐQT;</li><li>Quyết định số 57/QĐ-SHP-HĐQT ngày 17/09/2024 của HĐQT.</li></ul> | Chi trả cổ tức: 148.341.318.000 đồng       |
| 2   | Công ty TNHH Năng lượng REE                                      | Cổ đông lớn                                                                                     | Số 0316514160 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tp.HCM cấp ngày 30/09/2020               | 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM, Việt Nam                              | <ul style="list-style-type: none"><li>Quyết định số 09/QĐ-SHP-HĐQT ngày 26/02/2024 của HĐQT;</li><li>Quyết định số 57/QĐ-SHP-HĐQT ngày 17/09/2024 của HĐQT.</li></ul> | Chi trả cổ tức: 33.661.947.000 đồng        |
| 3   | Công ty CP Thủy Điện ĐẮK R’TIH                                   | Cổ đông lớn                                                                                     | Số 6400036989 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đắk Nông cấp ngày 05/09/2007        | Số 88, đường Lê Duẩn , Phường Nghĩa Tân, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"><li>Quyết định số 09/QĐ-SHP-HĐQT ngày 26/02/2024 của HĐQT;</li><li>Quyết định số 57/QĐ-SHP-HĐQT ngày 17/09/2024 của HĐQT.</li></ul> | Chi trả cổ tức: 31.373.709.000 đồng        |
| 4   | Công Ty Mua Bán Điện                                             | Công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam | Số 0100100079-073 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/01/2008 | Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Nghị quyết số 38/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024                                                                                          | Doanh thu bán hàng: 556.062.160.505 đồng   |
| 5   | Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung                                 | Công ty thuộc Tập đoàn EVN (công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam)                      | Số 0400101394 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/03/2010    | 78A Duy Tân, Phường Hoà Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam        | Quyết định số 17/QĐ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2024 của HĐQT                                                                                                                  | Doanh thu bán hàng: 71.784.593.174 đồng    |
| 6   | Công ty Điện Lực Đắk Nông                                        | Công ty thuộc Tập đoàn EVN (công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam)                      | Số 0400101394-023 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đắk Nông cấp ngày 30/03/2007    | Tổ 3, đường Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam   | Quyết định số 17/QĐ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2024 của HĐQT                                                                                                                  | Mua hàng: 336.754.724 đồng                 |
| 7   | Công ty CP Thủy Điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi                 | Công ty thuộc Tập đoàn EVN (công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam)                      | Số 5800452036 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18/05/2005        | Số 80A, Trần Phú, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam          | Quyết định số 17/QĐ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2024 của HĐQT                                                                                                                  | Chi phí kiểm định: 74.750.000 đồng         |
| 8   | CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH-Công ty Dịch Vụ Điện Lực Miền Nam  | Công ty thuộc Tập đoàn EVN (công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam)                      | Số 300942001-040 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tp.HCM cấp ngày 01/07/2010            | Số 16 Âu Cơ, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh                         | Quyết định số 17/QĐ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2024 của HĐQT                                                                                                                  | Chi phí kiểm định: 263.521.892 đồng        |
| 9   | Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung                      | Công ty thuộc Tập đoàn EVN(công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam)                       | Số 0401474208 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14/02/2012    | 1068, đường Tôn Đản, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam     | Quyết định số 17/QĐ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2024 của HĐQT                                                                                                                  | Chi phí kiểm định: 37.440.824 đồng         |
| 10  | Công ty Điện lực Lâm Đồng                                        | Công ty thuộc Tập đoàn EVN (công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam)                      | Số 0300942001-013 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/05/2010    | Số 02, Hùng Vương, Phường 10, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam               | Quyết định số 17/QĐ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2024 của HĐQT                                                                                                                  | Mua hàng: 1.026.643.174 đồng               |
| 11  | CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam | Công ty thuộc Tập đoàn EVN(công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam))                      | Số 300942001009 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tp.HCM cấp ngày 22/02/2006             | 22 Bis Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh                       | Quyết định số 17/QĐ-SHP-HĐQT ngày 14/3/2024 của HĐQT                                                                                                                  | Chi phí kiểm định: 724.637.683 đồng        |





HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH,  
BẢO ĐẢM AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG,  
PHÒNG TRÁNH TAI NẠN VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u>                      | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC        | 1 - 2        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 3            |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 4 - 5        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 7            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 8 - 24       |



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**  
Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

|                         |                                                                                                      |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ông Đoàn Đức Hưng       | Chủ tịch không chuyên trách kiêm người đại diện theo pháp luật (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024) |
| Ông Trác Thanh Điền     | Chủ tịch chuyên trách (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)                                            |
| Ông Võ Văn Trãi         | Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)                                                       |
| Ông Nguyễn Văn Thịnh    | Thành viên                                                                                           |
| Ông Nguyễn Trọng Tam    | Thành viên độc lập                                                                                   |
| Ông Lê Tuấn Hải         | Thành viên độc lập                                                                                   |
| Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh | Thành viên                                                                                           |
| Ông Trịnh Phi Anh       | Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)                                                       |

**Ban Tổng Giám đốc**

|                       |                                                                                      |
|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Ông Võ Văn Trãi       | Tổng Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024) |
| Ông Đào Hoàng Dũng    | Phó Tổng Giám đốc                                                                    |
| Ông Trương Thanh Bình | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2024)                              |

**Ban Kiểm soát**

|                       |                      |
|-----------------------|----------------------|
| Ông Võ Thái           | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Bà Nguyễn Thị Thu Huệ | Thành viên           |
| Ông Mai Quang Trung   | Thành viên           |

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**  
Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp Theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Võ Văn Trãi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2025





Số: 0286 /VN1A-HC-BC



Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam  
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,  
57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 7101 4555  
Fax: +84 28 3910 0750  
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát  
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10 tháng 3 năm 2025, từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Trần Hồng Quân**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2758-2025-001-1  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 10 tháng 3 năm 2025  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Nguyễn Đỗ Đức Trung**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 5519-2025-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL” hay “Deloitte Toàn cầu”), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**  
Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                |                                           | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|----------------------------------------|-------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A.</b>                              | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>309.432.083.325</b>   | <b>307.528.638.650</b>   |
| <b>I.</b>                              | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>48.963.623.029</b>    | <b>58.887.637.630</b>    |
| 1.                                     | Tiền                                      | 111        |             | 6.963.623.029            | 13.835.034.890           |
| 2.                                     | Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 42.000.000.000           | 45.052.602.740           |
| <b>II.</b>                             | <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>          | <b>120</b> |             | <b>16.770.363.845</b>    | -                        |
| 1.                                     | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        | 5           | 16.770.363.845           | -                        |
| <b>III.</b>                            | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>237.169.314.590</b>   | <b>242.359.807.828</b>   |
| 1.                                     | Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 236.061.550.356          | 239.588.417.336          |
| 2.                                     | Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 7           | 760.012.409              | 1.801.920.756            |
| 3.                                     | Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 8           | 347.751.825              | 969.469.736              |
| <b>IV.</b>                             | <b>Hàng tồn kho</b>                       | <b>140</b> |             | <b>5.804.875.706</b>     | <b>6.112.196.509</b>     |
| 1.                                     | Hàng tồn kho                              | 141        | 9           | 5.804.875.706            | 6.112.196.509            |
| <b>V.</b>                              | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>723.906.155</b>       | <b>168.996.683</b>       |
| 1.                                     | Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 10          | 723.906.155              | 168.996.683              |
| <b>B.</b>                              | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>1.135.027.994.545</b> | <b>1.238.272.001.843</b> |
| <b>I.</b>                              | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>6.013.900.425</b>     | <b>5.000.000</b>         |
| 1.                                     | Trả trước cho người bán dài hạn           | 212        | 7           | 5.312.025.425            | -                        |
| 2.                                     | Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 8           | 701.875.000              | 5.000.000                |
| <b>II.</b>                             | <b>Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>1.111.915.592.606</b> | <b>1.229.677.685.143</b> |
| 1.                                     | Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 11          | 1.109.195.728.969        | 1.226.931.728.311        |
|                                        | - Nguyên giá                              | 222        |             | 3.111.890.073.777        | 3.111.661.859.907        |
|                                        | - Giá trị hao mòn lũy kế                  | 223        |             | (2.002.694.344.808)      | (1.884.730.131.596)      |
| 2.                                     | Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 12          | 2.719.863.637            | 2.745.956.832            |
|                                        | - Nguyên giá                              | 228        |             | 3.315.309.947            | 3.315.309.947            |
|                                        | - Giá trị hao mòn lũy kế                  | 229        |             | (595.446.310)            | (569.353.115)            |
| <b>III.</b>                            | <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>            | <b>240</b> |             | <b>1.571.279.313</b>     | <b>4.921.672.843</b>     |
| 1.                                     | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        | 13          | 1.571.279.313            | 4.921.672.843            |
| <b>IV.</b>                             | <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> |             | <b>5.243.382.739</b>     | -                        |
| 1.                                     | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 255        | 5           | 5.243.382.739            | -                        |
| <b>V.</b>                              | <b>Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |             | <b>10.283.839.462</b>    | <b>3.667.643.857</b>     |
| 1.                                     | Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 10          | 10.283.839.462           | 3.667.643.857            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b> |                                           | <b>270</b> |             | <b>1.444.460.077.870</b> | <b>1.545.800.640.493</b> |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                         | <b>300</b> |             | <b>105.775.522.508</b>   | <b>189.464.782.404</b>   |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                         | <b>310</b> |             | <b>105.775.522.508</b>   | <b>160.464.782.404</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 311        | 14          | 3.067.167.124            | 4.123.747.619            |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | 15          | 30.886.434.005           | 23.066.723.048           |
| 3. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | 10.626.400.039           | 12.297.942.155           |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        | 16          | 2.630.336.781            | 3.311.142.606            |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | 17          | 24.861.746.374           | 22.082.892.444           |
| 6. Vay ngắn hạn                                               | 320        | 18          | 29.000.000.000           | 90.000.000.000           |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                  | 322        |             | 4.703.438.185            | 5.582.334.532            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                                         | <b>330</b> |             | -                        | <b>29.000.000.000</b>    |
| 1. Vay dài hạn                                                | 338        | 18          | -                        | 29.000.000.000           |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>1.338.684.555.362</b> | <b>1.356.335.858.089</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>19</b>   | <b>1.338.684.555.362</b> | <b>1.356.335.858.089</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 1.012.063.520.000        | 1.012.063.520.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 1.012.063.520.000        | 1.012.063.520.000        |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 28.330.913.498           | 28.330.913.498           |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 298.290.121.864          | 315.941.424.591          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước | 421a       |             | 2.359.407.591            | 40.660.489.552           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 295.930.714.273          | 275.280.935.039          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>                      | <b>440</b> |             | <b>1.444.460.077.870</b> | <b>1.545.800.640.493</b> |

  
Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng

  
Võ Văn Trãi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                      | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|---------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng                                         | 01    |             | 627.846.753.679 | 661.182.642.160 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)                        | 10    | 21          | 627.846.753.679 | 661.182.642.160 |
| 3. Giá vốn hàng bán                                           | 11    | 22          | 263.328.110.874 | 312.961.989.673 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)                       | 20    |             | 364.518.642.805 | 348.220.652.487 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính                              | 21    | 24          | 2.489.493.159   | 4.896.997.692   |
| 6. Chi phí tài chính                                          | 22    | 25          | 7.161.387.001   | 19.113.785.641  |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                   | 23    |             | 7.161.387.001   | 19.113.785.641  |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp                               | 26    | 26          | 30.907.281.554  | 28.215.087.270  |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26) | 30    |             | 328.939.467.409 | 305.788.777.268 |
| 9. Thu nhập khác                                              | 31    |             | 510.229.371     | 192.016.999     |
| 10. Chi phí khác                                              | 32    |             | 438.050.799     | 4.917.159       |
| 11. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                 | 40    |             | 72.178.572      | 187.099.840     |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)              | 50    |             | 329.011.645.981 | 305.975.877.108 |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành              | 51    | 27          | 33.080.931.708  | 30.694.942.069  |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)       | 60    |             | 295.930.714.273 | 275.280.935.039 |
| 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                  | 70    | 28          | 2.823           | 2.622           |

  
Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng

  
Võ Văn Trãi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU                                                         | Mã số | Năm nay           | Năm trước         |
|------------------------------------------------------------------|-------|-------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH                       |       |                   |                   |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                          | 01    | 329.011.645.981   | 305.975.877.108   |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                     |       |                   |                   |
| Khấu hao tài sản cố định                                         | 02    | 117.990.306.407   | 156.051.866.143   |
| Các khoản dự phòng                                               | 03    | -                 | (307.362.200)     |
| Lãi tiền gửi ngân hàng                                           | 05    | (453.963.699)     | -                 |
| Chi phí lãi vay                                                  | 06    | 7.161.387.001     | 19.113.785.641    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08    | 453.709.375.690   | 480.834.166.692   |
| Thay đổi các khoản phải thu                                      | 09    | (683.566.776)     | (119.615.695.496) |
| Thay đổi hàng tồn kho                                            | 10    | 990.531.907       | 194.303.476       |
| Thay đổi các khoản phải trả                                      | 11    | 2.305.148.262     | (4.505.970.708)   |
| Thay đổi chi phí trả trước                                       | 12    | (7.171.105.077)   | (2.760.313.517)   |
| Tiền lãi vay đã trả                                              | 14    | (7.385.392.755)   | (19.489.932.764)  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                | 15    | (27.538.702.709)  | (43.513.268.314)  |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                           | 17    | (10.841.857.347)  | (9.273.846.586)   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                    | 20    | 403.384.431.195   | 281.869.442.783   |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ                          |       |                   |                   |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định                    | 21    | (43.250.000)      | (1.935.822.402)   |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ                            | 22    | -                 | 76.363.636        |
| 3. Tiền chi cho các khoản tiền gửi ngân hàng                     | 23    | (22.013.746.584)  | -                 |
| 4. Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng                     | 24    | -                 | 30.000.000.000    |
| 5. Tiền thu lãi ngân hàng                                        | 27    | 319.123.288       | 998.575.342       |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                        | 30    | (21.737.873.296)  | 29.139.116.576    |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH                      |       |                   |                   |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                            | 33    | 15.272.594.004    | -                 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                           | 34    | (105.272.594.004) | (120.000.000.000) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông                          | 36    | (301.570.572.500) | (351.250.891.100) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                     | 40    | (391.570.572.500) | (471.250.891.100) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)                    | 50    | (9.924.014.601)   | (160.242.331.741) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                 | 60    | 58.887.637.630    | 219.129.969.371   |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)                     | 70    | 48.963.623.029    | 58.887.637.630    |

Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng

M.S.D.N. 0303410670 - C.T.C.A  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Trãi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

7

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4103002486 ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 7 năm 2014 với mã chứng khoán là SHP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 115 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 118 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở), đào tạo nghề, bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện, Công ty đang sở hữu và vận hành nhà máy thủy điện Đa M’bri, công suất lắp máy là 75 MW (2 tổ máy), nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 (2 tổ máy), công suất lắp máy là 34 MW và nhà máy thủy điện Đa Siat, công suất lắp máy là 13,5 MW (2 tổ máy).

Cấu trúc doanh nghiệp

Chi nhánh phụ thuộc của Công ty tại tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303416670-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04 tháng 11 năm 2010. Chi nhánh này được đặt tại số 51A, Nguyễn Văn Trỗi, Phường 2, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Trong năm, Công ty đã có thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, hiện tại Chi nhánh đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình đóng mã số thuế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

9

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------|
| CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM<br>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | MẪU SỐ B 09-DN |
| Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. |  |                |
| Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  | Số năm         |
| Nhà cửa và vật kiến trúc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  | 04 - 50        |
| Máy móc và thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  | 03 - 15        |
| Phương tiện vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  | 04 - 08        |
| Thiết bị văn phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  | 03 - 05        |
| Thuê hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |                |
| Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                |
| Tài sản vô hình và khấu hao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |                |
| Tài sản vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất không thời hạn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |                |
| Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |                |
| Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |                |
| Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |                |
| Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |                |
| Các khoản trả trước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |  |                |
| Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |                |

125  
H  
N  
G  
T  
I  
E  
M  
S  
L  
C  
I  
E  
T  
7P.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
  - (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
  - (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán Điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                 | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                        | 40.647.818            | 176.623.076           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 6.922.975.211         | 13.658.411.814        |
| Các khoản tương đương tiền (i)  | 42.000.000.000        | 45.052.602.740        |
|                                 | <b>48.963.623.029</b> | <b>58.887.637.630</b> |

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 0,5% đến 3,9%/năm (tại 31 tháng 12 năm 2023: từ 2,3% đến 3%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

|                              | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|------------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>a. Ngắn hạn</b>           |                    |                   |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 16.770.363.845     | -                 |
| <b>b. Dài hạn</b>            |                    |                   |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 5.243.382.739      | -                 |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với thời gian đáo hạn từ 12 tháng đến 16 tháng, hưởng lãi suất 5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|                                                               | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|---------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu từ bên liên quan<br>(chi tiết tại Thuyết minh số 30) | 236.061.550.356        | 239.588.417.336        |
|                                                               | <b>236.061.550.356</b> | <b>239.588.417.336</b> |



| CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM<br>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  | MẪU SỐ B 09-DN     |                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------|-------------------|
| 7.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN |                    |                   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
| a. Ngắn hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  |                    |                   |
| Ban Đền bù Giải phóng Mặt bằng huyện Bảo Lâm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                  | 330.955.900        | 330.955.900       |
| Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn Ban Mai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                  | -                  | 1.250.000.000     |
| Khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                  | 429.056.509        | 220.964.856       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  | 760.012.409        | 1.801.920.756     |
| b. Dài hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                  |                    |                   |
| Voith Hydro Private Limited (i)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  | 5.312.025.425      | -                 |
| (i) Khoản ứng trước cho nhà cung cấp liên quan đến hợp đồng số 76/2024.HĐ-TB-SHP ngày 20 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam và Voith Hydro Private Limited nhằm mục đích cung cấp thiết bị và dịch vụ liên quan kèm theo – Lô 01: Cung cấp bánh xe công tác nhà máy thủy điện Đa M’bri với tổng giá trị hợp đồng là 1.043.826 Đô la Mỹ, hiệu lực hợp đồng trong vòng 20 tháng kể từ ngày bắt đầu hợp đồng, tức là từ ngày 06 tháng 12 năm 2024. |                                  |                    |                   |
| 8.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | PHẢI THU KHÁC                    |                    |                   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
| a. Ngắn hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  |                    |                   |
| Tạm ứng cho nhân viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                  | 77.996.884         | -                 |
| Phải thu hộ thuế thu nhập cá nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                  | 63.572.064         | 256.397.696       |
| Các khoản đặt cọc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                  | -                  | 659.175.000       |
| Lãi tiền gửi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                  | 206.182.877        | 53.897.040        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  | 347.751.825        | 969.469.736       |
| b. Dài hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                  |                    |                   |
| Các khoản đặc cọc dài hạn (i)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                  | 701.875.000        | 5.000.000         |
| (i) Các khoản đặt cọc dài hạn chủ yếu bao gồm hợp đồng thuê nhà số 279/HĐ-QLVP ký ngày 05 tháng 5 năm 2014 được gia hạn đến ngày 14 tháng 6 năm 2026 theo phụ lục số 05 ký ngày 10 tháng 6 năm 2024.                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                  |                    |                   |
| 9.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | HÀNG TỒN KHO                     |                    |                   |
| Hàng tồn kho thể hiện giá trị nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có hàng tồn kho nào suy giảm giá trị thuần có thể thực hiện cần lập dự phòng.                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                  |                    |                   |
| 10.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC                |                    |                   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
| a. Ngắn hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  |                    |                   |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  | 591.294.570        | 29.951.430        |
| Khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                  | 132.611.585        | 139.045.253       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  | 723.906.155        | 168.996.683       |
| b. Dài hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                  |                    |                   |
| Chi phí sửa chữa lớn (i)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                  | 9.796.371.082      | 3.115.619.426     |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  | 377.562.585        | 386.306.080       |
| Khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                  | 109.905.795        | 165.718.351       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                  | 10.283.839.462     | 3.667.643.857     |
| (i) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện chi phí sửa chữa lớn nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và nhà máy thủy điện Đa Siat đã hoàn thành và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.                                                                                                                                                                                                                  |                                  |                    |                   |

| CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM<br>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                     | MẪU SỐ B 09-DN                     |                              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|------------------------------|
| 11.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH |                                    |                              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                     | Nhà cửa và<br>vật kiến trúc<br>VND | Thiết bị<br>văn phòng<br>VND |
| NGUYÊN GIÁ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                     |                                    | Tổng<br>VND                  |
| Số dư đầu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2.399.352.949.513                   | 705.566.405.747                    | 3.111.661.859.907            |
| Tăng trong năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | -                                   | 228.213.870                        | 228.213.870                  |
| Số dư cuối năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2.399.352.949.513                   | 705.794.619.617                    | 3.111.890.073.777            |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                     |                                    |                              |
| Số dư đầu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1.184.351.213.496                   | 694.879.565.468                    | 1.884.730.131.596            |
| Khấu hao trong năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 108.137.508.631                     | 9.607.247.897                      | 117.964.213.212              |
| Số dư cuối năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1.292.488.722.127                   | 704.486.813.365                    | 2.002.694.344.808            |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                     |                                    |                              |
| Tại ngày đầu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1.215.001.736.017                   | 10.686.840.279                     | 1.226.931.728.311            |
| Tại ngày cuối năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1.106.864.227.386                   | 1.307.806.252                      | 1.109.195.728.969            |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình của Công ty gồm các nhà máy, máy móc và thiết bị tại các nhà máy Đa Siat và Đa M’bri với tổng giá trị còn lại là 976.241.853.972 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.082.836.754.695 đồng) đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh số 18). |                                     |                                    |                              |
| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 722.266.444.035 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 279.678.229.112 đồng).                                                                                                                                                                  |                                     |                                    |                              |



| CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM<br>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)                                                                                           |                                 | MẪU SỐ B 09 -DN          |                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 12.                                                                                                                                                                       | TĂNG, GIẢM TÀI SẢN VÔ HÌNH      |                          |                          |
|                                                                                                                                                                           |                                 | Quyền sử dụng đất<br>VND | Phần mềm máy tính<br>VND |
|                                                                                                                                                                           |                                 |                          | Tổng<br>VND              |
| NGUYÊN GIÁ                                                                                                                                                                |                                 |                          |                          |
| Số dư đầu năm & số dư cuối năm                                                                                                                                            | 2.719.863.637                   | 595.446.310              | 3.315.309.947            |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ                                                                                                                                                    |                                 |                          |                          |
| Số dư đầu năm                                                                                                                                                             | -                               | 569.353.115              | 569.353.115              |
| Khấu hao trong năm                                                                                                                                                        | -                               | 26.093.195               | 26.093.195               |
| Số dư cuối năm                                                                                                                                                            | -                               | 595.446.310              | 595.446.310              |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI                                                                                                                                                           |                                 |                          |                          |
| Tại ngày đầu năm                                                                                                                                                          | 2.719.863.637                   | 26.093.195               | 2.745.956.832            |
| Tại ngày cuối năm                                                                                                                                                         | 2.719.863.637                   | -                        | 2.719.863.637            |
| Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 595.446.310 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 515.446.310 đồng). |                                 |                          |                          |
| 13.                                                                                                                                                                       | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
| Dự án nhà máy năng lượng mặt trời                                                                                                                                         | 252.000.000                     | 252.000.000              |                          |
| Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2                                                                                                                                 | 143.654.266                     | 3.860.302.342            |                          |
| Khác                                                                                                                                                                      | 1.175.625.047                   | 809.370.501              |                          |
|                                                                                                                                                                           | 1.571.279.313                   | 4.921.672.843            |                          |
| 14.                                                                                                                                                                       | PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN     | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
| a. Phải trả cho bên thứ ba                                                                                                                                                |                                 |                          |                          |
| Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật Số FPT                                                                                                                                    | 585.401.800                     | -                        |                          |
| Công ty TNHH Tiến Phát                                                                                                                                                    | 421.200.000                     | -                        |                          |
| Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng 779                                                                                                                                 | 314.496.191                     | -                        |                          |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Việt Oanh                                                                                                                      | 223.422.580                     | 765.898.294              |                          |
| Công ty Cổ phần Giao thông Sài Gòn 99                                                                                                                                     | -                               | 1.551.847.651            |                          |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4                                                                                                                                    | -                               | 568.740.741              |                          |
| Khác                                                                                                                                                                      | 1.135.047.993                   | 1.193.520.933            |                          |
| b. Phải trả cho bên liên quan                                                                                                                                             |                                 |                          |                          |
| (chi tiết tại Thuyết minh số 30)                                                                                                                                          | 387.598.560                     | 43.740.000               |                          |
|                                                                                                                                                                           | 3.067.167.124                   | 4.123.747.619            |                          |

| CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM<br>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                     | MẪU SỐ B 09 -DN                    |                                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|
| 15.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC | Số đầu năm<br>VND                  | Số phải nộp<br>trong năm<br>VND |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                     | Số đã thực nộp<br>trong năm<br>VND | Số cuối năm<br>VND              |
| Thuế giá trị gia tăng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2.768.929.493                       | 47.523.705.838                     | 46.309.558.131                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8.835.671.570                       | 33.080.931.708                     | 27.538.702.709                  |
| Thuế tài nguyên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2.985.756.747                       | 61.192.497.750                     | 60.012.971.402                  |
| Thuế thu nhập cá nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1.958.368.966                       | 5.725.917.549                      | 6.681.115.926                   |
| Thuế, phí khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6.517.996.272                       | 29.188.410.992                     | 28.349.404.712                  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 23.066.723.048                      | 176.711.463.837                    | 168.891.752.880                 |
| 16.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN           | Số cuối năm<br>VND                 | Số đầu năm<br>VND               |
| Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đa M'brí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2.358.000.000                       | 2.358.000.000                      |                                 |
| Chi phí lãi vay trích trước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 49.887.945                          | 273.893.699                        |                                 |
| Chi phí khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 222.448.836                         | 679.248.907                        |                                 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2.630.336.781                       | 3.311.142.606                      |                                 |
| 17.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC              | Số cuối năm<br>VND                 | Số đầu năm<br>VND               |
| Cổ tức phải trả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 23.918.191.400                      | 21.869.707.900                     |                                 |
| Phải trả nhân viên Công ty                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 941.567.974                         | 199.614.800                        |                                 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1.987.000                           | 13.569.744                         |                                 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 24.861.746.374                      | 22.082.892.444                     |                                 |
| 18.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | CÁC KHOẢN VAY                       | Số đầu năm<br>VND                  | Trong năm<br>VND                |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                     | VND                                | Số cuối năm<br>VND              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                     | Giá trị                            | Giá trị                         |
| Vay ngắn hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | -                                   | 15.272.594.004                     | 15.272.594.004                  |
| Vay dài hạn (*)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 119.000.000.000                     | 29.000.000.000                     | 119.000.000.000                 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 119.000.000.000                     | 44.272.594.004                     | 134.272.594.004                 |
| (*) Trong đó:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 90.000.000.000                      | 29.000.000.000                     | 90.000.000.000                  |
| - Vay dài hạn đến hạn trả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 90.000.000.000                      | 29.000.000.000                     | 90.000.000.000                  |
| - Vay dài hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 29.000.000.000                      | -                                  | 29.000.000.000                  |
| (i) Vay ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số BC/SHBVN/HDTD/SHP/201807 ngày 26 tháng 7 năm 2018, hạn mức tín dụng là 230 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 7 năm, áp dụng lãi suất 7,5% trong 3 năm đầu tiên. Hết thời hạn cố định lãi suất, lãi suất điều chỉnh sẽ được áp dụng tương ứng với mỗi khoản rút vốn vay, theo từng kỳ hạn trả lãi. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ công trình thủy điện Đa Siat tại tỉnh Lâm Đồng và các công trình phụ trợ gắn liền với lô đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE970398 cấp bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 16 tháng 01 năm 2012 (Thuyết minh số 11). Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 8,97%/năm (31 tháng 12 năm 2023: 8,74%/năm). |                                     |                                    |                                 |



19. VỐN CHỦ SỞ HỮU  
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

|                                        | Vốn góp của chủ sở hữu<br>VND | Quỹ đầu tư<br>và quỹ phát triển<br>VND | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Tổng<br>VND              |
|----------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước                    | 1.012.063.520.000             | 28.330.913.498                         | 406.833.752.552                             | 1.447.228.186.050        |
| Lợi nhuận trong năm                    | -                             | -                                      | 275.280.935.039                             | 275.280.935.039          |
| Công bố cổ tức trong năm bằng tiền mặt | -                             | -                                      | (354.222.232.000)                           | (354.222.232.000)        |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi    | -                             | -                                      | (11.951.031.000)                            | (11.951.031.000)         |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>               | <b>1.012.063.520.000</b>      | <b>28.330.913.498</b>                  | <b>315.941.424.591</b>                      | <b>1.356.335.858.089</b> |
| Lợi nhuận trong năm                    | -                             | -                                      | 295.930.714.273                             | 295.930.714.273          |
| Công bố cổ tức bằng tiền mặt (i)       | -                             | -                                      | (303.619.056.000)                           | (303.619.056.000)        |
| Phân phối quỹ (i)                      | -                             | -                                      | (9.962.961.000)                             | (9.962.961.000)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>              | <b>1.012.063.520.000</b>      | <b>28.330.913.498</b>                  | <b>298.290.121.864</b>                      | <b>1.338.684.555.362</b> |

(i) Theo Nghị quyết số 38/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 và lợi nhuận lũy kế các năm trước như sau:

- Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 9.613.250.000 đồng;
- Trích quỹ thưởng người quản lý công ty với số tiền là 349.711.000 đồng;
- Chia cổ tức với tỷ lệ 30% tiền mặt trên mệnh giá cổ phần, tương ứng với số tiền 303.619.056.000 đồng, trong đó:
  - + Công ty chi trả đợt 1: 10% cổ tức bằng tiền từ ngày 21 tháng 3 năm 2024;
  - + Công ty chi trả đợt 2: 20% cổ tức bằng tiền từ ngày 25 tháng 10 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

| Số lượng cổ phiếu                        | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 101.206.352        | 101.206.352       |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 101.206.352        | 101.206.352       |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 101.206.352        | 101.206.352       |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 101.206.352        | 101.206.352       |

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 5 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 1.012.063.520.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.012.063.520.000 đồng).

Cơ cấu vốn cổ phần thực tế của Công ty như sau:

|                                            | Số cuối năm              |             | Số đầu năm               |             |
|--------------------------------------------|--------------------------|-------------|--------------------------|-------------|
|                                            | VND                      | %           | VND                      | %           |
| Tổng Công ty Điện lực miền Nam             | 494.471.060.000          | 48,86%      | 494.471.060.000          | 48,86%      |
| Công ty TNHH Năng lượng REE                | 112.206.490.000          | 11,09%      | 112.206.490.000          | 11,09%      |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tih        | 104.579.030.000          | 10,33%      | 104.579.030.000          | 10,33%      |
| Samarang Ucits – Samarang Asian Prosperity | 51.631.770.000           | 5,10%       | 51.631.770.000           | 5,10%       |
| Cổ đông khác                               | 249.175.170.000          | 24,62%      | 249.175.170.000          | 24,62%      |
|                                            | <b>1.012.063.520.000</b> | <b>100%</b> | <b>1.012.063.520.000</b> | <b>100%</b> |

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 21 và số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

21. DOANH THU BÁN HÀNG

|                       | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|-----------------------|-----------------|------------------|
| Doanh thu từ bán điện | 627.846.753.679 | 661.182.642.160  |

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

|                         | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|-------------------------|-----------------|------------------|
| Giá vốn của điện đã bán | 263.328.110.874 | 312.961.989.673  |



| CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM<br>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) |                                                                           | MẪU SỐ B 09-DN  |                  |
|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| 23.                                                                             | CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ                                  |                 |                  |
|                                                                                 |                                                                           | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|                                                                                 | Chi phí nhân công                                                         | 54.726.193.407  | 51.246.793.454   |
|                                                                                 | Chi phí vật liệu, công cụ                                                 | 2.741.788.969   | 4.863.274.398    |
|                                                                                 | Chi phí khấu hao tài sản cố định                                          | 117.990.306.407 | 156.051.866.143  |
|                                                                                 | Chi phí thuế tài nguyên                                                   | 61.192.497.750  | 62.181.226.714   |
|                                                                                 | Chi phí về phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước                        | 6.984.381.000   | 6.984.381.000    |
|                                                                                 | Chi phí về phí dịch vụ môi trường rừng                                    | 21.636.545.400  | 23.282.431.884   |
|                                                                                 | Chi phí khác                                                              | 28.963.679.495  | 36.567.103.350   |
|                                                                                 |                                                                           | 294.235.392.428 | 341.177.076.943  |
| 24.                                                                             | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH                                             |                 |                  |
|                                                                                 | Doanh thu tài chính thể hiện doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng trong năm.  |                 |                  |
| 25.                                                                             | CHI PHÍ TÀI CHÍNH                                                         |                 |                  |
|                                                                                 | Chi phí tài chính thể hiện chi phí lãi vay trong năm.                     |                 |                  |
| 26.                                                                             | CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP                                              |                 |                  |
|                                                                                 |                                                                           | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|                                                                                 | Chi phí nhân viên                                                         | 19.340.678.838  | 17.824.267.755   |
|                                                                                 | Chi phí thuê văn phòng                                                    | 2.714.446.667   | 2.592.092.000    |
|                                                                                 | Chi phí khấu hao tài sản cố định                                          | 484.103.675     | 381.457.424      |
|                                                                                 | Chi phí khác                                                              | 8.368.052.374   | 7.417.270.091    |
|                                                                                 |                                                                           | 30.907.281.554  | 28.215.087.270   |
| 27.                                                                             | CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH                              |                 |                  |
|                                                                                 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau: |                 |                  |
|                                                                                 |                                                                           | Năm nay<br>VND  | Năm trước<br>VND |
|                                                                                 | Lợi nhuận trước thuế                                                      | 329.011.645.981 | 305.975.877.108  |
|                                                                                 | Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế                                         |                 |                  |
|                                                                                 | Cộng: các chi phí không được khấu trừ                                     | 1.776.536.677   | 785.944.451      |
|                                                                                 | Thu nhập tính thuế                                                        | 330.788.182.658 | 306.761.821.559  |
|                                                                                 | Thu nhập tính thuế ở mức ưu đãi thuế suất doanh nghiệp 10%                | 330.809.317.075 | 306.574.222.428  |
|                                                                                 | (Lỗ)/lợi nhuận tính thuế suất thông thường 20%                            | (21.134.417)    | 187.599.131      |
|                                                                                 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                              | 33.080.931.708  | 30.694.942.069   |

Ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

Hai nhà máy thủy điện Đa Dăng 2 và Đa Siat được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, 2 nhà máy này bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2010, nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2013, từ năm 2014 là năm đầu tiên hai nhà máy được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hai dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Riêng nhà máy thủy điện Đa M'brì chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, nhà máy Đa M'brì bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2014, nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2017, và năm 2024 là năm thứ bảy nhà máy này được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

28.

LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

|                                                         | Năm nay<br>VND   | Năm trước<br>VND |
|---------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                | 295.930.714.273  | 275.280.935.039  |
| Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)             | (10.234.000.000) | (9.962.961.000)  |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 285.696.714.273  | 265.317.974.039  |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm    | 101.206.352      | 101.206.352      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                | 2.823            | 2.622            |

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm nay được tạm tính theo tỷ lệ 3,46% lợi nhuận sau thuế. Tỷ lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 38/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024. Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm trước được tính toán lại dựa trên số liệu cuối cùng được phê duyệt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng theo Nghị quyết này.

Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

29.

CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

|                                                                                                 | Năm nay<br>VND | Năm trước<br>VND |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 2.714.446.667  | 2.592.092.000    |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

|                    | Số cuối năm<br>VND | Số đầu năm<br>VND |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 2.966.142.035      | 1.208.487.500     |
| Từ 2 năm đến 5 năm | 3.477.792.757      |                   |
| Sau 5 năm          | 14.935.190.071     | 9.052.064.842     |
|                    | 24.093.571.530     | 10.260.552.342    |

2.024

04

04

2024

ĐHĐCĐ

MIỀN NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

- Theo Quyết định số 5249/QĐ-CT ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 02 năm 09 tháng và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với diện tích đất thuê tại huyện Đức Trọng xây dựng dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dâng 2. Thời gian miễn tiền thuê đất từ ngày 16 tháng 4 năm 2007 với diện tích đất thuê là 511.359 m<sup>2</sup>.
- Theo Quyết định số 4536/QĐ-CT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 03 năm và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với diện tích đất thuê tại huyện Bảo Lâm xây dựng dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Siat và công trình nhà máy thủy điện Đa M'brì. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 22 tháng 9 năm 2006 với tổng diện tích đất thuê được miễn là 2.612.029 m<sup>2</sup> và từ ngày 28 tháng 12 năm 2007 với diện tích đất thuê là 539.300 m<sup>2</sup>.
- Theo Quyết định số 1962/QĐ-CTLĐO ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định việc miễn tiền thuê đất cho thời gian ưu đãi còn lại tính từ ngày 22 tháng 9 năm 2024 (ngày hết hạn miễn theo Quyết định số 4536/QĐ-CT ngày 31 tháng 10 năm 2016) cho phần diện tích sử dụng xây dựng công trình nhà máy thủy điện Đa Siat là 496.139 m<sup>2</sup>. Theo Thông báo số 5179/TB-CTLĐO ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, thông báo việc không đủ điều kiện miễn tiền thuê đất cho thời gian thuê còn lại từ ngày 22 tháng 9 năm 2024 cho phần diện tích của các công trình phụ trợ khác là 2.155.890 m<sup>2</sup>.
- Theo Quyết định số 4553/QĐ-CT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 03 năm và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với diện tích đất thuê tại huyện Đa Huoai xây dựng dự án công trình nhà máy thủy điện Đa M'brì. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 28 tháng 12 năm 2007 với diện tích đất thuê được miễn là 1.599.900 m<sup>2</sup> và từ ngày 10 tháng 5 năm 2012 với diện tích đất thuê là 3.036,04 m<sup>2</sup>.
- Theo Quyết định số 4754/QĐ-CT ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 02 năm 09 tháng và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với diện tích đất thuê tại huyện Lâm Hà xây dựng dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dâng 2. Thời gian miễn tiền thuê đất từ ngày 16 tháng 4 năm 2007 với diện tích đất thuê là 84.562 m<sup>2</sup>.
- Theo Quyết định số 4875/QĐ-CT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian 15 năm đối với diện tích đất thuê tại huyện Bảo Lâm xây dựng dự án công trình nhà máy thủy điện Đa M'brì. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 16 tháng 9 năm 2013 với diện tích đất thuê được miễn là 518.000 m<sup>2</sup>.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của nhà máy điện. Công ty chưa ước tính được giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên vì chưa có đủ thông tin cần thiết và đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

| Bên liên quan                                         | Mối quan hệ                                    |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| Tổng Công ty Điện lực miền Nam                        | Cổ đông lớn                                    |
| Công ty TNHH Năng lượng REE                           | Cổ đông lớn                                    |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'Tih                   | Cổ đông lớn                                    |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")                    | Công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực miền Nam  |
| Công ty Mua bán Điện                                  | Công ty thuộc Tập đoàn EVN                     |
| Tổng Công ty Điện lực miền Trung                      | Công ty thuộc Tập đoàn EVN                     |
| Công ty Điện lực Đắk Nông                             | Công ty thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Trung |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi | Công ty thuộc Tập đoàn EVN                     |
| Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin    | Công ty thuộc Tập đoàn EVN                     |
| Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung           | Công ty thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Trung |
| Công ty Điện lực Lâm Đồng                             | Công ty thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Nam   |
| Công ty Thí nghiệm điện miền Nam                      | Công ty thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Nam   |
| Công ty Dịch vụ Điện lực miền Nam                     | Công ty thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Nam   |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|                                                       | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|-------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu</b>                                      |                        |                        |
| Công ty Mua bán điện                                  | 556.062.160.505        | 581.528.949.983        |
| Tổng Công ty Điện lực miền Trung                      | 71.784.593.174         | 79.653.692.177         |
|                                                       | <b>627.846.753.679</b> | <b>661.182.642.160</b> |
| <b>Mua hàng</b>                                       |                        |                        |
| Công ty Điện lực Lâm Đồng                             | 1.026.643.174          | 897.720.122            |
| Công ty Thí nghiệm điện miền Nam                      | 724.637.683            | 243.707.454            |
| Công ty Điện lực Đắk Nông                             | 336.754.724            | 299.008.043            |
| Công ty Dịch vụ Điện lực miền Nam                     | 263.521.892            | -                      |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi | 74.750.000             | 95.190.000             |
| Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung           | 37.440.824             | 40.882.988             |
| Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin    | -                      | 103.969.758            |
| Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh        | -                      | 58.550.000             |
|                                                       | <b>2.463.748.297</b>   | <b>1.739.028.365</b>   |
| <b>Chi trả cổ tức</b>                                 |                        |                        |
| Tổng Công ty Điện lực miền Nam                        | 148.341.318.000        | 173.064.871.000        |
| Công ty TNHH Năng Lượng REE                           | 33.661.947.000         | 39.272.271.500         |
| Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắk R'Tih                   | 31.373.709.000         | 15.686.854.500         |
|                                                       | <b>213.376.974.000</b> | <b>228.023.997.000</b> |



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

|                                                        | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|--------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)</b>          |                        |                        |
| Công ty Mua bán điện                                   | 228.268.599.417        | 219.663.517.616        |
| Tổng Công ty Điện lực miền Trung                       | 7.792.950.939          | 19.924.899.720         |
|                                                        | <b>236.061.550.356</b> | <b>239.588.417.336</b> |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</b> |                        |                        |
| Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin     | 338.967.504            | -                      |
| Công ty Điện lực Đắk Nông                              | 48.631.056             | 43.740.000             |
|                                                        | <b>387.598.560</b>     | <b>43.740.000</b>      |

Chi tiết lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm như sau:

| Tên                     | Chức vụ                                                     | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Đoàn Đức Hưng       | Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chuyên trách               | 57.653.000           | 112.925.100          |
| Ông Huỳnh Minh Hải      | Chủ tịch Hội đồng Quản trị (tính đến 15 tháng 6 năm 2022)   | -                    | 53.276.300           |
| Ông Trác Thanh Điền     | Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách                     | 432.000.000          | -                    |
| Ông Lê Tuấn Hải         | Thành viên Hội đồng Quản trị                                | 124.076.000          | 105.278.400          |
| Ông Nguyễn Văn Thịnh    | Thành viên Hội đồng Quản trị                                | 124.076.000          | 105.278.400          |
| Ông Nguyễn Trọng Tam    | Thành viên Hội đồng Quản trị                                | 124.076.000          | 96.202.300           |
| Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh | Thành viên Hội đồng Quản trị                                | 119.517.000          | 56.984.000           |
| Ông Trịnh Phi Anh       | Thành viên Hội đồng Quản trị                                | 73.600.000           | -                    |
| Ông Nguyễn Văn Danh     | Thành viên Hội đồng Quản trị                                | 4.559.000            | 39.218.300           |
| Ông Trần Thế Du         | Thành viên Hội đồng Quản trị                                | -                    | 9.076.100            |
| Ông Nguyễn Tấn Tài      | Thành viên Hội đồng Quản trị (tính đến 15 tháng 6 năm 2022) | -                    | 9.076.100            |
| Ông Thang Thanh Hà      | Tổng Giám đốc (tính đến 01 tháng 9 năm 2022)                | -                    | 74.622.400           |
| Ông Võ Văn Trãi         | Tổng Giám đốc                                               | 659.696.200          | 515.748.100          |
| Ông Đào Hoàng Dũng      | Phó Tổng Giám đốc                                           | 509.977.600          | 534.552.655          |
| Ông Trương Thanh Bình   | Phó Tổng Giám đốc                                           | 215.577.600          | 485.081.227          |
| Bà Nguyễn Thành Tú Anh  | Kế toán trưởng                                              | 465.631.200          | 480.604.800          |
| Ông Võ Thái             | Trưởng ban kiểm soát                                        | 124.076.000          | 105.278.400          |
| Bà Nguyễn Thị Thu Huệ   | Thành viên kiểm soát                                        | 122.886.000          | 96.117.600           |
| Ông Mai Quang Trung     | Thành viên kiểm soát                                        | 122.886.000          | 96.117.600           |
|                         |                                                             | <b>3.280.287.600</b> | <b>2.975.437.782</b> |

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 184.963.870 VND (2023: 0 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 49.887.945 đồng, là chi phí lãi vay phát sinh trong năm chưa được thanh toán (năm 2023: 273.893.699 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 134.840.411 đồng (năm 2023: 0 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 23.918.191.400 đồng, là cổ tức công bố chi trả bằng tiền mặt phát sinh từ các năm trước và năm nay chưa được thanh toán (năm 2023: 21.869.707.900 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày lập báo cáo, Công ty đã công bố thời gian thực hiện tạm ứng cổ tức với số tiền 1.500 đồng/cổ phiếu theo Quyết định số 09/QĐ-SHP-HĐQT ngày 27 tháng 02 năm 2025 được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

  
Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng

  
Võ Văn Trãi  
Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 3 năm 2025







# 2024 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025  
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Võ Văn Trãi**



P.106 Lầu 1, Tòa nhà Citilight Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



(028) 3820 7795



(028) 3820 7794



[www.shp.vn](http://www.shp.vn)